|  |
| --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN**  **BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN PHỔ THÔNG CỐT CÁN**  (Bồi dưỡng trực tiếp)  **MÔ ĐUN 2**  **SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ**  **TRONG HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP**  **Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2020** |

1

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM  THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | CHƯƠNG TRÌNH ETEP |

# MỤC LỤC

[Biên soạn tài liệu 4](#_TOC_250023)

[Kí hiệu viết tắt 5](#_TOC_250022)

[Chú giải thuật ngữ 6](#_TOC_250021)

[Đề cương chi tiết mô đun 9](#_TOC_250020)

1. [Giới thiệu tổng quan về mô đun 9](#_TOC_250019)
2. [Yêu cầu cần đạt của mô đun 9](#_TOC_250018)
3. [Nội dung chính 10](#_TOC_250017)
4. [Tổ chức hoạt động bồi dưỡng. 12](#_TOC_250016)

[Nội dung 1. Những vấn đề chung về phương pháp giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực 26](#_TOC_250015)

Nội dung 2. Các hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phát triển phẩm chất, năng lực học sinh Trung học cơ sở 29

Nội dung 3. Lựa chọn và sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo chủ đề ở trường Trung học cơ sở 35

[Nội dung 4. Xây dựng kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp tại trường và địa phương. 41](#_TOC_250014)

1. [Tài liệu đọc 45](#_TOC_250013)

[Nội dung 1. Những vấn đề chung về phương pháp giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực 45](#_TOC_250012)

* 1. [Khái quát về giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực… 45](#_TOC_250011)
  2. [Xu hướng hiện đại về phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực 54](#_TOC_250010)

Nội dung 2. Các hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phát triển phẩm chất, năng lực học sinh Trung học cơ sở 67

* 1. [Đặc điểm của Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 67](#_TOC_250009)
  2. [Các hình thức và phương pháp tổ chức Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phát triển phẩm chất, năng lực học sinh Trung học cơ sở 70](#_TOC_250008)

Nội dung 3. Lựa chọn và sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo chủ đề ở trường Trung học cơ sở. 100

* 1. [Chiến lược giáo dục chủ đề 100](#_TOC_250007)
  2. [Cơ sở lựa chọn, sử dụng hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo chủ đề 102](#_TOC_250006)
  3. Quy trình lựa chọn, sử dụng hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo chủ đề 104
  4. [Đánh giá việc lựa chọn, sử dụng hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo chủ đề 112](#_TOC_250005)

[Nội dung 4. Xây dựng kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp tại trường và địa phương. 116](#_TOC_250004)

[Phụ lục 119](#_TOC_250003)

Phụ lục 1. Minh họa kế hoạch hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo chủ đề 119

[Phụ lục 2. Khung kế hoạch hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo chủ đề 127](#_TOC_250002)

[Đánh giá khóa học 130](#_TOC_250001)

[Danh mục tài liệu tham khảo 131](#_TOC_250000)

# BIÊN SOẠN TÀI LIỆU

1. TS. Nguyễn Đắc Thanh, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
2. PGS.TS.Trần Thị Hương, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
3. PGS.TS. Đinh Thị Kim Thoa, Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc Gia Hà Nội
4. TS. Lê Mỹ Dung, Trường Đại học sư phạm - Đại học Đà Nẵng
5. ThS. Võ Thị Hồng Trước, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
6. ThS. Nguyễn Văn Hiến, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
7. ThS. Lê Thị Thu Liễu, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
8. TS. Đinh Đức Hợi, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên
9. TS. Nguyễn Tuấn Vĩnh, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

# CỘNG TÁC VIÊN

1. CN. Đặng Ánh Hồng, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
2. CN. Nguyễn Tuấn Kiệt, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

# KÍ HIỆU VIẾT TẮT

|  |  |
| --- | --- |
| **Kí hiệu viết tắt** | **Nghĩa đầy đủ** |
| CT | Chương trình |
| GDPT | Giáo dục phổ thông |
| PC | Phẩm chất |
| NL | Năng lực |
| GV | Giáo viên |
| HS | Học sinh |
| GVPT | Giáo viên phổ thông |
| SGK | Sách giáo khoa |
| THCS | Trung học cơ sở |
| HV | Học viên |
| GD | Giáo dục |
| HĐ | Hoạt động |
| HĐGD | Hoạt động giáo dục |
| HĐTN, HN | Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp |
| CLB | Câu lạc bộ |

# CHÚ GIẢI THUẬT NGỮ

|  |  |
| --- | --- |
| **Thuật ngữ/**  **khái niệm** | **Giải thích** |
| Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp | Hoạt động giáo dục do nhà giáo dục định hướng, thiết kế và hướng dẫn thực hiện, tạo cơ hội cho học sinh tiếp cận thực tế, thể nghiệm các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng của các môn học để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình, xã hội phù hợp với lứa tuổi; thông qua đó, chuyển hoá những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, hiểu biết mới, kĩ năng mới góp phần phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với cuộc sống, môi trường và nghề nghiệp tương lai. |
| Giai đoạn giáo dục cơ bản | Giai đoạn giáo dục gồm 9 năm đầu tiên của giáo dục phổ thông (từ lớp 1 đến lớp 9) nhằm trang bị cho học sinh tri thức, kĩ năng nền tảng; hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi; chuẩn bị tâm thế cho việc thích ứng với những thay đổi nhanh chóng và nhiều mặt của xã hội tương lai; đáp ứng yêu cầu phân luồng sau Trung học cơ sở theo các hướng: học lên Trung học phổ thông,  học nghề hoặc tham gia cuộc sống lao động. |
| Giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp | Giai đoạn giáo dục 3 năm cuối của giáo dục phổ thông (từ lớp 10 đến lớp 12) nhằm phát triển năng lực theo sở trường, nguyện vọng của từng học sinh, bảo đảm học sinh tiếp cận nghề nghiệp, chuẩn bị cho giai đoạn học sau giáo dục phổ thông có chất lượng hoặc tham gia  cuộc sống lao động. |
| Năng lực chung | Những năng lực cơ bản, thiết yếu để con người có thể sống và làm việc bình thường trong xã hội; được hình thành, phát triển thông qua tất cả các môn học và hoạt động giáo dục: năng lực tự chủ và tự học,  năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. |
| Năng lực đặc thù | Những năng lực được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học và hoạt động giáo dục nhất định: năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực khoa học, năng lực công nghệ, năng lực  tin học, năng lực thẩm mĩ, năng lực thể chất. |
| Năng lực thích ứng với cuộc sống | Năng lực đáp ứng được các yêu cầu trong đời sống hằng ngày và điều chỉnh bản thân để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống dựa trên sự hiểu biết về đặc điểm cá nhân và môi trường sống, dựa trên sự sẵn  sàng thay đổi và chuẩn bị các điều kiện, các kĩ năng khác nhau cho hoàn cảnh mới. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Thuật ngữ/**  **khái niệm** | **Giải thích** |
| Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt  động | Năng lực lập được kế hoạch hoạt động; thực hiện được các nhiệm vụ hoạt động: tạo động lực cho bản thân, thu hút người khác, hỗ trợ và tìm kiếm sự hỗ trợ, tư duy độc lập, linh hoạt điều chỉnh hoạt động,  giải quyết vấn đề một cách sáng tạo; đánh giá được kết quả hoạt động một cách khách quan. |
| Năng lực định hướng nghề nghiệp | Năng lực lựa chọn được hướng học tập hoặc nghề nghiệp phù hợp với sở thích, hứng thú, phẩm chất và năng lực của bản thân dựa trên  những hiểu biết về nghề hoặc nhóm nghề và có kế hoạch hoàn thiện bản thân để đáp ứng yêu cầu của định hướng nghề nghiệp. |
| Từ ngữ thể hiện mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt | Chương trình Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp sử dụng một số động từ để thể hiện mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về năng lực của học sinh. Một số động từ được sử  dụng ở các mức độ khác nhau nhưng trong mỗi trường hợp thể hiện một hành động có đối tượng và yêu cầu cụ thể. |
| Chiến lược 1  giáo dục | Quan điểm về giáo dục và kế hoạch tổng quát về sự phối hợp, vận dụng phù hợp các biện pháp, phương tiện, điều kiện… nhằm định hướng thực hiện và hoàn thành hiệu quả các mục tiêu giáo dục cụ thể phù hợp với bối cảnh giáo dục trong sự chủ động của nhà giáo dục. |
| *(Với thuật ngữ này: vừa chú giải, vừa định hướng cách thực hiện* 2*)*  Mã hoá yêu cầu cần đạt 3  (hay Đặt kí hiệu cho yêu cầu  cần đạt) | *i)* Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, mỗi năng lực cụ thể gồm các thành phần/ thành tố năng lực, phẩm chất.  Mỗi thành phần/thành tố năng lực, phẩm chất lại ứng với nhiều biểu hiện khá cụ thể ở các mức độ khác nhau, đã được quy định trong chương trình.  Vì vậy, mỗi biểu hiện khá cụ thể đó có thể được mã hoá (đặt kí hiệu) một cách tinh gọn, hệ thống, khoa học theo một quy ước nhất định giữa các giáo viên trong cùng bộ môn hoặc nhà trường hay hội đồng đánh giá… để nhanh chóng truy xuất, phân biệt, đối sánh giữa chúng... |

**1** Theo Từ điển Tiếng Việt 1, “Chiến lược: Phương châm và kế hoạch có tính chất toàn cục, xác định mục tiêu chủ yếu và sự sắp xếp lực lượng trong suốt cả một thời kì của cuộc đấu tranh xã hội …”.

**2** Ban Xây dựng tài liệu mô- đun 2, trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 2020.

**3** Việc mã hoá hay đặt kí hiệu cũng được nhiều quốc gia tiên tiến áp dụng khi GV xây dựng các kế hoạch dạy học có kết nối với khung chuẩn (ví dụ khung chuẩn quốc gia Common core và khung chuẩn khoa học thế hệ mới NGSS ở Mĩ) <https://www.nextgenscience.org/>

|  |  |
| --- | --- |
| **Thuật ngữ/**  **khái niệm** | **Giải thích** |
|  | 1. Mỗi yêu cầu cần đạt nhất định trong dạy học chủ đề cần phải được quy kết cho một biểu hiện cụ thể nào đó thuộc thành phần/thành tố của năng lực, phẩm chất đã được mã hoá (đặt kí hiệu), gọi là mã hoá yêu cầu cần đạt.   Nhờ đó, khi học sinh đáp ứng được yêu cầu cần đạt nhất định đã nói ở *(ii)* đồng thời đối chiếu yêu cầu cần đạt đó với các biểu hiện của các thành phần/thành tố năng lực, phẩm chất đã được mã hoá (đặt kí hiệu) ở *(i)* thì người giáo viên sẽ phát biểu, khẳng định được rằng: học sinh đã được rèn luyện, giáo dục để biểu hiện được thành phần/thành tố năng lực, phẩm chất cụ thể ứng với các mã (kí hiệu) nhất định.   1. Quá trình xây dựng kế hoạch dạy học, phân tích kết quả kiểm tra đánh giá mức độ đạt được mục tiêu dạy học… luôn gắn với các yêu cầu cần đạt. Vì vậy việc sử dụng dạng mã hoá của yêu cầu cần đạt (hay kí hiệu của yêu cầu cần đạt) sẽ thuận lợi vì vừa thể hiện được sự tinh gọn, tính khoa học và cả tính hệ thống của các biểu hiện năng lực, phẩm chất mà học sinh đã đạt được. |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔ ĐUN

## GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ MÔ ĐUN

Mô đun 2 *“Sử dụng phương pháp giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh Trung học cơ sở trong Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp”* là một trong 9 mô đun bồi dưỡng thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông mới cho giáo viên cấp Trung học cơ sở để phát triển năng lực nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học và đáp ứng Chương trình Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 2018.

Mô đun này được biên soạn dành cho giáo viên Trung học cơ sở để trở thành lực lượng cốt cán triển khai các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn tiếp theo triển khai Chương trình Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 2018 ở trường Trung học cơ sở.

Mô đun này gồm các nội dung cơ bản, quan trọng có vai trò định hướng nhận thức và hoạt động của giáo viên cốt cán: 1) Các xu hướng hiện đại về phương pháp, kĩ thuật giáo dục nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh Trung học cơ sở; 2) Lựa chọn, sử dụng các hình thức, phương pháp, kĩ thuật giáo dục phù hợp nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh Trung học cơ sở trong Chương trình Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 2018; 3) Lựa chọn và xây dựng nội dung, hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phù hợp, hiệu quả nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh Trung học cơ sở.

Mô đun được biên soạn theo phương pháp học tập kết hợp học trực tuyến và trực tiếp, trong đó có 3 ngày người học (người tham gia) học tập trực tiếp, tương tác và hoạt động cùng nhau dưới sự định hướng, tổ chức, hướng dẫn của giảng viên sư phạm chủ chốt (người hướng dẫn).

Tài liệu mô đun 2 được biên soạn dành cho cả hai đối tượng sử dụng là người hướng dẫn và người tham gia bồi dưỡng.

## YÊU CẦU CẦN ĐẠT CỦA MÔ ĐUN

* + Phân tích được những vấn đề chung về phương pháp giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh Trung học cơ sở.
  + Phân tích được các hình thức, phương pháp giáo dục và các yêu cầu lựa chọn, vận dụng hình thức, phương pháp giáo dục khoa học, khả thi, phù hợp, đáp ứng khung yêu cầu cần đạt của Chương trình Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp đã quy định.
  + Vận dụng quy trình lựa chọn và xây dựng nội dung, hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo chủ đề; thiết kế tiến trình tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của chủ đề theo chuỗi hoạt động của học sinh Trung học cơ sở.
  + Hỗ trợ đồng nghiệp phát triển khả năng lựa chọn và sử dụng các hình thức, phương pháp giáo dục phát triển phẩm chất và năng lực học sinh Trung học cơ sở.

## NỘI DUNG CHÍNH

Nội dung 1: Những vấn đề chung về phương pháp giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Nội dung 2: Các hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phát triển phẩm chất, năng lực học sinh Trung học cơ sở.

Nội dung 3: Lựa chọn, sử dụng hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo chủ đề ở trường THCS.

Nội dung 4: Hướng dẫn xây dựng và thực hiện kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp về lựa chọn và sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phát triển phẩm chất, năng lực học sinh Trung học cơ sở.

## Đề cương chi tiết

1. **Những vấn đề chung về giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực**
   1. Khái quát về giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực
   2. Khái quát về phương pháp giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực

## Các hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phát triển phẩm chất, năng lực học sinh Trung học cơ sở

* 1. Đặc điểm của Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018
  2. Các hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

## Lựa chọn, sử dụng hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo chủ đề ở trường Trung học cơ sở

* 1. Chiến lược giáo dục chủ đề
  2. Cơ sở lựa chọn, sử dụng hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo chủ đề
  3. Quy trình lựa chọn, sử dụng hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo chủ đề
  4. Đánh giá việc lựa chọn, sử dụng hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo chủ đề

## Xây dựng và thực hiện kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp về lựa chọn và sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phát triển phẩm chất, năng lực học sinh Trung học cơ sở

## TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG BỒI DƯỠNG

* 1. **Kế hoạch hoạt động bồi dưỡng qua mạng (5 ngày) TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**KẾ HOẠCH BỒI DƯỠNG QUA MẠNG**

(*Căn cứ theo Phụ lục 4, Công văn số 87/CV-ETEP ngày 21 tháng 04 năm 2020*)

## *Mô đun 2:* SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ

**TRONG HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP**

*(tên gọi theo Quyết định số 4660/QĐ-BGDĐT ngày 04 tháng 12 năm 2019) Hình thức và thời lượng:* **5 ngày, từ xa qua mạng**

*Môn học/HĐGD:* **Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp**

|  |
| --- |
| **A. GIAI ĐOẠN 1: CHUẨN BỊ**   1. **Phần giới thiệu**   Xem video giới thiệu về mô đun 2.   1. **Nhiệm vụ học tập của học viên**   HV thực hiện các nhiệm vụ học tập chính trong khoá bồi dưỡng như sau:  *Nhiệm vụ 1*: Xem video.  Nghiên cứu thêm tài liệu đọc và infographic (tuỳ chọn).  *Nhiệm vụ 2*: Thực hiện bài tập trong quá trình học và sau khi học với mỗi nội dung; làm bài kiểm tra cuối mỗi giai đoạn (tuỳ chọn) và cuối khoá (bắt buộc).  *Nhiệm vụ 3*: Phản hồi, đánh giá về nội dung và hình thức học tập.   1. **Yêu cầu cần đạt của mô đun**   HV sau khi hoàn thành khoá bồi dưỡng cần đạt những yêu cầu sau:  *Yêu cầu 1:* Phân tích được những vấn đề chung về phương pháp GD phát triển PC, NL HS THCS.  *Yêu cầu 2:* Lựa chọn, sử dụng được các hình thức, phương pháp GD phù hợp ở cấp học THCS phát triển PC, NL HS trong HĐTN, HN.  *Yêu cầu 3:* Lựa chọn, xây dựng được các chiến lược GD hiệu quả phù hợp với đối tượng HS THCS trong HĐTN, HN  *Yêu cầu 4:* Hỗ trợ đồng nghiệp phát triển về kiến thức, kĩ năng và kinh nghiệm vận dụng hình thức, phương pháp GD phát triển PC, NL HS ở trường THCS. |

|  |
| --- |
| **IV. Ôn bài trước (Mô đun 1)**   * *Nghiên cứu lại nội dung mô đun 1,* tập trung vào các nội dung: đặc điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt về PC và NL, mối quan hệ giữa các thành phần NL và mạch nội dung của HĐTN, HN, định hướng về phương pháp GD trong CT HĐTN, HN. * *Trả lời trắc nghiệm khách quan -* khảo sát biểu hiện NL ban đầu của HV về phương pháp GD phát triển PC, NL.   Sử dụng 10 câu hỏi (tỉ lệ 3-4-3 theo 3 nội dung) nhiều lựa chọn trong ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm).  **B. GIAI ĐOẠN 2: HỌC TẬP, THỰC HÀNH**  **Chủ đề 1: Những vấn đề chung về phương pháp giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực**   1. **Hướng dẫn chủ đề 1:**   **Hoạt động 1:**   1. ***Tên hoạt động:* Khởi động**   Mô tả: *Tìm hiểu về PC, NL trong CT GDPT 2018*.   1. ***Yêu cầu cần đạt:***  * Trình bày được các PC chủ yếu và NL cốt lõi trong CT GDPT 2018. * Chỉ ra được PC chủ yếu và NL cốt lõi trong những tình huống cụ thể.   ***c) Nhiệm vụ của người học (qua mạng):***   * Xem tài liệu đọc về PC, NL trong CT GDPT 2018. * Đọc 6 tình huống và trả lời câu hỏi: *Tình huống đề cập đến PC hay NL nào được quy định trong CT GDPT 2018?*   ***d) Giám sát/ phản hồi/ đánh giá:***   * Giám sát: mức độ hoàn thành nhiệm vụ. * Phản hồi: mức độ hoàn thành theo yêu cầu của HĐ 1. * Đánh giá: đạt 80% câu hỏi.   ***e) Tài liệu/ học liệu phục vụ hoạt động 1:***   * Tài liệu đọc, *nội dung 1, mục 1.1.1.* * Bài tập tình huống. * Trả lời câu hỏi trắc nghiệm [dạng nghe].   **Hoạt động 2:**  ***a) Tên hoạt động:* Thử tài** |

|  |
| --- |
| Mô tả: *Tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển PC, NL*.  ***b) Yêu cầu cần đạt:***   * Xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển PC, NL. * Phân tích được vai trò của các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển PC, NL.   ***c) Nhiệm vụ của người học:***  *-* Nghiên cứu tài liệu đọc, nội dung 1, mục 1.1.2, về các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển PC, NL.  - Xác định yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển PC, NL thông qua các hình ảnh, và phân tích được vai trò của từng yếu tố.  ***d) Giám sát/ phản hồi/ đánh giá:***   * Giám sát: mức độ hoàn thành nhiệm vụ. * Phản hồi: mức độ hoàn thành theo yêu cầu của HĐ 2. * Đánh giá: đạt 75% câu hỏi.   ***e) Tài liệu/ học liệu phục vụ hoạt động 2:***   * Tài liệu đọc, nội dung 1, mục 1.1.2; * Hình ảnh phục vụ bài tập.   **Hoạt động 3:**   1. ***Tên hoạt động:* Khám phá**   Mô tả: *Tìm hiểu về các nguyên tắc GD phát triển PC, NL*.   1. ***Yêu cầu cần đạt:***  * Xác định được các nguyên tắc GD phát triển PC, NL. * Phân tích được yêu cầu của các nguyên tắc GD phát triển PC, NL.   ***c) Nhiệm vụ của người học (qua mạng):***   * Xem infographic về các nguyên tắc GD phát triển PC, NL. * Đọc tài liệu đọc, *nội dung 1, mục 1.1.3* về các nguyên tắc GD phát triển PC, NL. * Trả lời câu hỏi trắc nghiệm ở cuối HĐ.   ***d) Giám sát/ phản hồi/ đánh giá:***   * Giám sát: mức độ hoàn thành nhiệm vụ. * Phản hồi: mức độ hoàn thành theo yêu cầu của HĐ 3. |

|  |
| --- |
| - Đánh giá: đạt 80% câu hỏi trắc nghiệm.  ***e) Tài liệu/học liệu phục vụ hoạt động 3:***   * Infographic; * Tài liệu đọc, nội dung 1, mục 1.1.3; * Câu hỏi trắc nghiệm.   **Hoạt động 4:**   1. ***Tên hoạt động:* Điền khuyết**   Mô tả: *Tìm hiểu xu hướng hiện đại về phương pháp GD phát triển PC, NL.*   1. ***Yêu cầu cần đạt****:*   Phân tích được xu hướng hiện đại về phương pháp GD phát triển PC, NL.   1. ***Nhiệm vụ của người học (qua mạng):***  * Xem tài liệu đọc, nội dung 1, mục 1.2.3, về xu hướng hiện đại về phương pháp GD phát triển PC, NL. * Trả lời câu hỏi trắc nghiệm.   ***d) Giám sát/phản hồi/đánh giá:***   * Giám sát: mức độ hoàn thành nhiệm vụ. * Phản hồi: mức độ hoàn thành theo yêu cầu của HĐ 4. * Đánh giá: đạt 80% câu hỏi trắc nghiệm.   ***e) Tài liệu/học liệu phục vụ hoạt động 4:***  - Tài liệu đọc, nội dung 1, mục 1.2.3;  *-* Câu hỏi trắc nghiệm.  **Hoạt động 5:**   1. ***Tên hoạt động****:* **Nghiên cứu**   Mô tả: *Tìm hiểu một số phương pháp GD phát triển PC, NL theo xu hướng hiện đại.*   1. ***Yêu cầu cần đạt:***   Xác định được một số phương pháp GD phát triển PC, NL theo xu hướng hiện đại.   1. ***Nhiệm vụ của người học (qua mạng):***  * Xem tài liệu đọc, nội dung 1, mục 1.2.3, về một số phương pháp GD phát triển PC, NL theo xu hướng hiện đại. * Xem infographic. |

|  |
| --- |
| - Trả lời câu hỏi trắc nghiệm [dạng trò chơi].  ***d) Giám sát/phản hồi/đánh giá:***   * Giám sát: mức độ hoàn thành nhiệm vụ. * Phản hồi: mức độ hoàn thành theo yêu cầu của HĐ 5. * Đánh giá: đạt 75% câu hỏi trắc nghiệm.   ***e) Tài liệu/học liệu phục vụ hoạt động 5:***  - Tài liệu đọc, nội dung 1, mục 1.2.3;  *-* Câu hỏi trắc nghiệm.  **2. Đánh giá/phản hồi chủ đề 1:**   * Xem và hoàn thành các HĐ: 1, 2, 3, 4, 5. * Thực hiện kiểm tra cuối chủ đề 1: câu hỏi tự luận số 2, 3 trong tài liệu đọc - nội dung 1.   **Chủ đề 2: Các hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phát triển phẩm chất, năng lực học sinh Trung học cơ sở**  **1. Hướng dẫn chủ đề 2:**  **Hoạt động 6:**   1. ***Tên hoạt động:* Nhận diện**   Mô tả: *Tìm hiểu định hướng chung về hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN phát triển PC, NL HS trong HĐTN, HN ở THCS*   1. ***Yêu cầu cần đạt:***  * Trình bày được định hướng chung về hình thức, phương pháp GD phát triển PC, NL cho HS trong HĐTN, HN ở THCS * Nhận diện các hình thức, phương pháp GD phát triển PC, NL trong HĐTN, HN ở THCS   ***c) Nhiệm vụ của người học (qua mạng):***   * Xem video chuyên gia và trả lời 5 câu hỏi trắc nghiệm. * Nghiên cứu tài liệu đọc, nội dung 2, mục 2.1, về đặc điểm - mục tiêu của HĐTN, HN, mối quan hệ giữa các thành phần NL và mạch nội dung, các hình thức, phương pháp GD phát triển PC, NL trong HĐTN, HN ở THCS.   ***d) Giám sát/phản hồi/đánh giá:***   * Giám sát: mức độ hoàn thành nhiệm vụ. * Phản hồi: mức độ hoàn thành theo yêu cầu của HĐ 6. |

|  |
| --- |
| - Đánh giá: đạt 80% câu hỏi trắc nghiệm.  ***e) Tài liệu/học liệu phục vụ hoạt động 6:***  - Video chuyên gia;  - Tài liệu đọc, nội dung 2, mục 2.1. (2.1.1; 2.1.2).  **Hoạt động 7:**   1. ***Tên hoạt động:* Kết nối**   Mô tả*: Tìm hiểu mối quan hệ giữa yêu cầu cần đạt với nội dung và hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN ở THCS.*   1. ***Yêu cầu cần đạt:***  * Xác định được mối quan hệ giữa yêu cầu cần đạt với nội dung và hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN ở THCS. * Trình bày được ví dụ minh họa về các hình thức, phương pháp GD phù hợp để phát triển các thành phần NL HĐTN, HN ở THCS.   ***c) Nhiệm vụ của người học (qua mạng):***   * Xem tài liệu đọc, nội dung 2, mục 2.1.2, về mối quan hệ giữa yêu cầu cần đạt với nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN ở THCS. * Xem tài liệu đọc, nội dung 2, mục 2.1.3, về định hướng về hình thức, phương pháp GD đặc thù trong tổ chức HĐTN, HN ở THCS. * Trả lời câu hỏi và chia sẻ trên diễn đàn:  1. Mô tả ngắn gọn “*Mối quan hệ giữa yêu cầu cần đạt với nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN ở THCS*”. 2. Minh chứng mối quan hệ giữa yêu cầu cần đạt với nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS.   *Có thể trình bày thông tin dưới dạng bảng gợi ý sau*:  ***d) Giám sát/phản hồi/đánh giá:***  - Giám sát: mức độ hoàn thành nhiệm vụ. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lớp: ………………… Chủ đề: ………………………………** | | | |
| Yêu cầu cần đạt | Năng lực HĐTN, HN | Nội dung | HT, PPGD |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

|  |
| --- |
| * Phản hồi: mức độ hoàn thành theo yêu cầu của HĐ 7. * Đánh giá: đạt khi hoàn thành câu hỏi và chia sẻ trên diễn đàn.   ***e) Tài liệu/học liệu phục vụ hoạt động 7:***   * Tài liệu đọc, nội dung 2, mục 2.1.2, 2.1.3; * CT GDPT HĐTN, HN (*Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*).   **Hoạt động 8:**   1. ***Tên hoạt động:* Ghép đôi**   Mô tả: *Tìm hiểu một số hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN phát triển PC,NL HS THCS*   1. ***Yêu cầu cần đạt:***  * Xác định được bản chất, định hướng sử dụng một số hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN phát triển PC, NL HS THCS. * Trình bày được quy trình thực hiện một số hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN phát triển PC, NL HS THCS.   ***c) Nhiệm vụ của người học (qua mạng):***   * Xem tài liệu đọc, nội dung 2, mục 2.2, về một số hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN phát triển PC, NL HS THCS. * Trả lời câu hỏi trắc nghiệm.   ***d) Giám sát/phản hồi/đánh giá:***   * Giám sát: mức độ hoàn thành nhiệm vụ. * Phản hồi: mức độ hoàn thành theo yêu cầu của HĐ 8. * Đánh giá: đạt 80% câu hỏi trắc nghiệm.   ***e) Tài liệu/học liệu phục vụ hoạt động 8:***  - Tài liệu đọc, nội dung 2, mục 2.2;  *-* Câu hỏi trắc nghiệm.  **Hoạt động 9:**   1. ***Tên hoạt động:* Chia sẻ**   Mô tả*: Chia sẻ kinh nghiệm sử dụng một số hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN phát triển PC, NL HS THCS.*   1. ***Yêu cầu cần đạt:***   Trình bày ví dụ minh hoạ việc áp dụng một số hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN phát triển PC, NL HS THCS. |

|  |
| --- |
| ***c) Nhiệm vụ của người học (qua mạng):***  - Trả lời câu hỏi và chia sẻ trên diễn đàn:  + Trình bày ví dụ minh hoạ việc áp dụng một (một số) hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN phát triển PC, NL HS THCS.  + Chia sẻ kinh nghiệm sử dụng của các hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN phát triển PC, NL HS THCS vừa tìm hiểu trong thực tiễn nhà trường.  ***d) Giám sát/phản hồi/đánh giá:***   * Giám sát: mức độ hoàn thành nhiệm vụ. * Phản hồi: mức độ hoàn thành theo yêu cầu của HĐ 9. * Đánh giá: trả lời câu hỏi và chia sẻ sản phẩm lên diễn đàn.   ***e) Tài liệu/học liệu phục vụ hoạt động 9:***  - Tài liệu đọc, nội dung 2, mục 2.2.  **2. Đánh giá/phản hồi chủ đề 2:**   * Xem và hoàn thành các hoạt động: 6, 7, 8, 9. * Thực hiện kiểm tra cuối chủ đề 2: 5 câu hỏi trắc nghiệm khách quan.   **Chủ đề 3: Lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo chủ đề ở Trung học cơ sở**  **1. Tiến trình học tập chủ đề 3:**  **Hoạt động 10: Kết nối**   1. ***Tên hoạt động:***   Mô tả: Tìm hiểu yêu cầu chung của việc lựa chọn, xây dựng các chiến lược GD hiệu quả phù hợp với đối tượng HS THCS trong HĐTN, HN.   1. ***Yêu cầu cần đạt:***  * Xác định được các yêu cầu chung của việc lựa chọn, xây dựng được các chiến lược GD hiệu quả phù hợp với đối tượng HS THCS trong HĐTN, HN. * Phân tích được một số yêu cầu chung của việc lựa chọn, xây dựng được các chiến lược GD hiệu quả phù hợp với đối tượng HS THCS trong HĐTN, HN.   ***c) Nhiệm vụ của người học (qua mạng):***   * Xem video clip chuyên gia trao đổi về chuyên môn. * Xem tài liệu đọc, nội dung 3, mục 3.1*,* về chiến lược GD một chủ đề trong HĐTN, HN.   ***d) Giám sát/phản hồi/đánh giá:*** |

|  |
| --- |
| * Giám sát: mức độ hoàn thành nhiệm vụ. * Phản hồi: mức độ hoàn thành theo yêu cầu của HĐ 10. * Đánh giá: hoàn thành yêu cầu xem video, trả lời câu hỏi định hướng theo track của clip.   ***e) Tài liệu/học liệu phục vụ hoạt động 10:***   * Video clip chuyên gia trao đổi về chuyên môn; * Tài liệu đọc, nội dung 3, mục 3.1; * CT GDPT HĐTN, HN (Ban hành kèm theo *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*).   **Hoạt động 11:**   1. ***Tên hoạt động:* Trải nghiệm**   Mô tả: *Tìm hiểu cơ sở lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS.*   1. ***Yêu cầu cần đạt:***  * Xác định được cơ sở lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS. * Phân tích được một số cơ sở lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS.   ***c) Nhiệm vụ của người học (qua mạng):***   * Xem video sinh hoạt chuyên môn hoặc clip chuyên gia trao đổi về chuyên môn. * Xem kế hoạch tổ chức hoạt động GD minh hoạ. * Xem tài liệu đọc, nội dung 3, mục 3.2, về cơ sở lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS và trả lời câu hỏi: “*Trong các cơ sở lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS thì cơ sở nào là quan trọng nhất? Vì sao?*   ***d) Giám sát/phản hồi/đánh giá:***   * Giám sát: mức độ hoàn thành nhiệm vụ. * Phản hồi: mức độ hoàn thành theo yêu cầu của HĐ 11. * Đánh giá: hoàn thành yêu cầu xem video, kế hoạch tổ chức HĐGD minh hoạ, tài liệu đọc và trả lời câu hỏi.   ***e) Tài liệu/học liệu phục vụ hoạt động 11:***   * Video sinh hoạt chuyên môn 1 hoặc video chuyên gia trao đổi về chuyên môn; * Tài liệu đọc, nội dung 3, mục 3.2; |

|  |
| --- |
| - CT GDPT HĐTN, HN (Ban hành kèm theo *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*).  **Hoạt động 12:**   1. ***Tên hoạt động:* Hoàn thiện**   Mô tả: *Tìm hiểu quy trình lựa chọn và sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS.*   1. ***Yêu cầu cần đạt:***  * Xác định được quy trình lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS. * Phân tích được các bước trong quy trình lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS.   ***c) Nhiệm vụ của người học (qua mạng):***   * Xem tài liệu đọc, nội dung 3, mục 3.3; * Trả lời câu hỏi trắc nghiệm.   *d****) Giám sát/phản hồi/đánh giá:***   * Giám sát: mức độ hoàn thành nhiệm vụ. * Phản hồi: mức độ hoàn thành theo yêu cầu của HĐ 12. * Đánh giá: hoàn thành 80% câu hỏi trắc nghiệm.   ***e) Tài liệu/học liệu phục vụ hoạt động 12:***  - Tài liệu đọc, nội dung 3, mục 3.3.  *-* Câu hỏi trắc nghiệm.  **Hoạt động 13:**   1. ***Tên hoạt động:* Suy ngẫm**   Mô tả: *Tìm hiểu cơ sở đánh giá việc lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS.*   1. ***Yêu cầu cần đạt:***   Xác định các tiêu chí đánh giá việc lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS.   1. ***Nhiệm vụ của người học (qua mạng):***   - Xem tài liệu đọc, nội dung 3, mục 3.4 về cơ sở đánh giá việc lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS.  ***d) Giám sát/phản hồi/đánh giá:*** |

|  |
| --- |
| * Giám sát: mức độ hoàn thành nhiệm vụ. * Phản hồi: mức độ hoàn thành theo yêu cầu của HĐ 13. * Đánh giá: hoàn thành nhiệm vụ xem tài liệu đọc.   ***e) Tài liệu/học liệu phục vụ hoạt động 13:***   * Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH, ngày 08/10/2014, *về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới PPDH và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lí các HĐ chuyên môn của trường trung học/trung tâm GD thường xuyên qua mạng*; * Tài liệu đọc, nội dung 3, mục 3.4.   **Hoạt động 14:**   1. ***Tên hoạt động:* Đánh giá**   Mô tả: *Thực hành đánh giá việc lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS.*   1. ***Yêu cầu cần đạt****:*   Đánh giá được sự phù hợp của việc lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS.   1. ***Nhiệm vụ của người học (qua mạng):***  * Nghiên cứu *chuỗi HĐ học trong HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS* được minh hoạ. * Xem video một HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS có sử dụng hình thức, phương pháp (*dựa trên chuỗi hoạt động học trên*). * Trả lời câu hỏi để đánh giá việc lựa chọn và sử dụng các hình thức, phương pháp của GV trong video minh hoạ:   **Câu 1.** GV sử dụng hình thức, phương pháp trong video minh hoạ có phù hợp không?  Vì sao?  **Câu 2.** Phân tích ưu điểm và hạn chế của việc lựa chọn và sử dụng hình thức, phương pháp trong HĐTN, HN theo chủ đề do GV thực hiện trong video minh hoạ.  ***d) Giám sát/phản hồi/đánh giá:***   * Giám sát: mức độ hoàn thành nhiệm vụ. * Phản hồi: mức độ hoàn thành theo yêu cầu của HĐ 14. * Đánh giá: hoàn thành nhiệm vụ xem video, nghiên cứu kế hoạch GD và trả lời câu hỏi.   ***e) Tài liệu/học liệu phục vụ hoạt động 14:*** |

|  |
| --- |
| * Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH, ngày 08/10/2014, về việc *hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lí các HĐ chuyên môn của trường trung học/trung tâm GD thường xuyên qua mạng;* * Khung minh hoạ chuỗi HĐGD của một chủ đề trong HĐTN, HN ở THCS; * Tài liệu đọc, nội dung 3, mục 3.4*.*   **Hoạt động 15:**   1. ***Tên hoạt động:* Vận dụng**   Mô tả: *Lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS theo quy trình.*   1. ***Yêu cầu cần đạt:***   Lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS theo quy trình.   1. ***Nhiệm vụ của người học:***  * Thiết kế chuỗi HĐ học trong HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS có mô tả việc lựa chọn sử dụng hình thức, phương pháp cụ thể. * Nộp sản phẩm bằng dạng tập tin văn bản.   ***d) Giám sát/ phản hồi/ đánh giá:***   * Giám sát: mức độ hoàn thành nhiệm vụ. * Phản hồi: mức độ hoàn thành theo yêu cầu của HĐ 15. * Đánh giá: hoàn thành yêu cầu bài tập và nộp sản phẩm lên hệ thống.   ***e) Tài liệu/ học liệu phục vụ hoạt động 15:***   * Tài liệu đọc, nội dung 3, mục 3.3; * Các gợi ý hướng dẫn, ví dụ minh hoạ (tuỳ chọn); * Khung gợi ý (tuỳ chọn/nếu có).   **3. Đánh giá/ phản hồi chủ đề 3:**   * Xem và hoàn thành các HĐ: 10, 11, 12, 13, 14, 15. * Nộp sản phẩm cá nhân của HĐ: 15.   **Chủ đề 4: Xây dựng kế hoạch hướng dẫn đồng nghiệp**  **1. Tiến trình học tập chủ đề 4:** |

|  |
| --- |
| **Hoạt động 16:**   1. ***Tên hoạt động:* Hỗ trợ**   Mô tả: *Xây dựng dự thảo kế hoạch bồi dưỡng đại trà cho đồng nghiệp tại trường và địa phương.*   1. ***Yêu cầu cần đạt:***  * Phân tích được thuận lợi, khó khăn của đồng nghiệp tại trường và địa phương. * Xây dựng được kế hoạch bồi dưỡng đại trà cho đồng nghiệp tại trường và địa phương.   ***c) Nhiệm vụ của người học:***   * Thảo luận và chia sẻ trên diễn đàn:   **Câu 1.** Những thuận lợi và khó khăn khi hỗ trợ đồng nghiệp tại trường và địa phương.  **Câu 2.** Các đề xuất để HĐ hỗ trợ đồng nghiệp tại trường và địa phương đạt hiệu quả.   * Xem gợi ý khung kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp (*phụ lục 3 - CV 87*). * Xây dựng dự thảo kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp dựa trên tình hình thực tiễn ở địa phương.   ***d) Giám sát/phản hồi/đánh giá:***   * Giám sát: mức độ hoàn thành nhiệm vụ. * Phản hồi: mức độ hoàn thành theo yêu cầu của HĐ 16. * Đánh giá: hoàn thành và nộp sản phẩm lên hệ thống.   ***e) Tài liệu/học liệu phục vụ hoạt động 16:***   * Phụ lục 3 - Công văn số 87; * Khung phân tích nhu cầu (tuỳ chọn/nếu có); * Khung kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp (tuỳ chọn/nếu có).   **2. Đánh giá/phản hồi chủ đề 4**  - Nộp sản phẩm cá nhân của HĐ 16.  **C. GIAI ĐOẠN 3. PHẢN HỒI, ĐÁNH GIÁ Bài tập cuối khóa:**  ***Bài tập 1:* Lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS**  *- Hướng dẫn làm bài tập:*  + Lựa chọn mạch nội dung và xây dựng một chủ đề trong CT HĐTN, HN 2018. |

|  |
| --- |
| + Lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp GD theo quy trình đã tìm hiểu.  + Thể hiện việc lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp GD thông qua chuỗi HĐ học.  + Tự đánh giá và đánh giá chéo cho đồng nghiệp bằng cách nhận xét và sử dụng tiêu chí trong Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH.   * *Hướng dẫn chấm bài tập:*   + Sử dụng tiêu chí đánh giá việc lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS dựa trên Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH.   * *Công cụ nộp bài tập:* Chức năng nộp file lên hệ thống (HV có thể nộp nhiều lần và không xoá phiên bản cũ). Cho phép GVSPCC đánh giá, nhận xét.   ***Bài tập 2:* Xây dựng kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp phát triển việc vận dụng các hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN phát triển phẩm chất, NL HS THCS**   * *Hướng dẫn làm bài tập:*   + Phân tích thuận lợi, khó khăn của đồng nghiệp tại trường và địa phương về việc vận dụng các hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN GD phát triển PC, NL HS ở THCS.  + Phân tích những thuận lợi, khó khăn với vai trò là GVPTCC khi hỗ trợ đồng nghiệp.  + Xây dựng dự thảo kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp dựa trên kết quả đã phân tích.   * *Hướng dẫn chấm bài tập:* Đạt nếu hoàn thành sản phẩm và nộp lên hệ thống. * *Công cụ nộp bài tập:* Chức năng nộp file lên hệ thống (HV có thể nộp nhiều lần và không xoá phiên bản cũ). Cho phép GVSPCC đánh giá, nhận xét.   **D. TÀI LIỆU THAM KHẢO**   * Tài liệu đọc mô đun 2; * Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH, ngày 08/10/2014, về việc *hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lí các HĐ chuyên môn của trường trung học/trung tâm GD thường xuyên qua mạng;*   - CT GDPT 2018 - HĐTN, HN (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT- BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). |

## Kế hoạch hoạt động bồi dưỡng qua mạng (7 ngày)

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**KẾ HOẠCH BỒI DƯỠNG QUA MẠNG SAU TẬP HUẤN TRỰC TIẾP**

*Mô đun 2:* **SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ**

**TRONG HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP**

*(theo Quyết định số 4660/QĐ-BGDĐT ngày 04 tháng 12 năm 2019) Hình thức và thời lượng:* **7 ngày, từ xa qua mạng**

*Môn học/ HĐGD:* **Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp**

|  |
| --- |
| **Ngày 1 - ngày 2: Tự kiểm tra**   * Kiểm tra tất cả các HĐ theo chuỗi hệ thống của kịch bản bồi dưỡng qua mạng. * Thực hiện đủ các yêu cầu của các HĐ theo chuỗi hệ thống của kịch bản bồi dưỡng qua mạng. * Kiểm tra và hoàn thiện các phiếu giao nhiệm vụ. * Xác định và kiểm tra các sản phẩm chính thức của mô đun 2 cần có cho HĐ bồi dưỡng và HĐ hỗ trợ đồng nghiệp sau này. |
| **Ngày 3: Tự hoàn thiện**   * Hoàn thiện kế hoạch GD (theo yêu cầu khái quát) sau khi được góp ý trực tiếp. * Hoàn thiện các nội dung đọc thêm, mở rộng của kịch bản bồi dưỡng qua mạng. |
| **Ngày 4 - ngày 5: Khảo sát và kết nối**   * Khảo sát kế hoạch hướng dẫn đồng nghiệp. * Khảo sát các mẫu phản hồi của GVPT đại trà học tập trực tuyến. * Khảo sát các ý kiến phản hồi của GVPT đại trà học tập trực tuyến ở mô đun 1. * Liệt kê các câu hỏi, các vấn đề phát sinh ở mô đun 2. * Nghiên cứu tài liệu, tự giải quyết các câu hỏi, vấn đề phát sinh ở mô đun 2 vừa xác lập. * Xác định thời gian kết nối với GVSP chủ chốt giải quyết các câu hỏi, vấn đề phát sinh ở mô đun 2. |
| **Ngày 6: Kết nối và phát triển**  **-** Kết nối với GVSP chủ chốt giải quyết các câu hỏi, vấn đề phát sinh ở mô đun 2.  - Xác định các HĐ cần thực hiện ở ngày cuối của mô thức bồi dưỡng cần phải thực hiện, hoàn thành. |
| **Ngày 7: Hoàn thiện**   * Hoàn thiện kế hoạch giáo dục HĐTN, HN một chủ đề ở THCS. * Hoàn thiện kế hoạch hướng dẫn đồng nghiệp theo mẫu. * Thực hiện trắc nghiệm bổ sung (theo mục tiêu thử thách hoặc cải thiện điểm số). |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

## KẾ HOẠCH BỒI DƯỠNG TRỰC TIẾP

(*Căn cứ theo Phụ lục 4, Công văn số 87/CV-ETEP ngày 21 tháng 04 năm 2020*)

## *Mô đun 2:* SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

**TRONG HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP**

*(tên gọi theo Quyết định số 4660/QĐ-BGDĐT ngày 04 tháng 12 năm 2019) Hình thức và thời lượng:* **3 ngày, trực tiếp trên lớp học**

*Môn học/HĐGD:* **Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp**

## NỘI DUNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC

**Mục tiêu:** Sau khi hoàn thành nội dung 1, HV sẽ:

* **Phân tích** được những vấn đề khái quát của GD phát triển PC, NL HS THCS;
* **Phân tích** được xu hướng hiện đại về phương pháp GD phát triển PC, NL HS THCS;

***Bảng 1.*** *Ma trận kết nối mục tiêu và yêu cầu cần đạt của hoạt động trong nội dung 1*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Phân tích** được những vấn đề khái quát của GD phát triển PC, NL HS  THCS | **Phân tích** được xu hướng hiện đại về phương pháp GD phát triển PC, NL HS  THCS |
| *Hoạt động 1*  So sánh GD tiếp cận nội dung và GD phát triển PC, NL | x |  |
| *Hoạt động 2*  Phân tích được các nguyên tắc GD phát triển PC, NL | x |  |
| *Hoạt động 3*  Xác định được các yêu cầu đối với GV trong việc tổ chức  HĐGD phát triển PC, NL | x |  |
| *Hoạt động 4*  Phân tích được xu hướng hiện  đại về phương pháp GD phát triển PC, NL và một số |  | X |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| phương pháp  hướng hiện đại | GD | theo | xu |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động** | **Thời**  **gian** |
| **Hoạt động 1. So sánh giáo dục tiếp cận nội dung và dạy học, giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực**  **Tên hoạt động: So sánh** | **30**  **phút** |
| **a) Kết quả cần đạt**  So sánh được GD tiếp cận nội dung GD phát triển PC, NL dựa trên một số tiêu chí. |  |
| **b) Nhiệm vụ của học viên**  **Nhiệm vụ 1:** HV làm việc theo nhóm (sau khi đọc tài liệu và học tập online). Mỗi nhóm phân tích 1 - 2 tiêu chí (mục tiêu GD, nội dung GD, phương pháp GD, môi trường học tập, đánh giá, sản phẩm GD) và trình bày trên giấy.  **Nhiệm vụ 2:** Đại diện HV trong mỗi nhóm thuyết trình về sản phẩm và các nhóm khác góp ý kiến, tổng kết, đánh giá. Thảo luận các câu hỏi nếu có.  **Nhiệm vụ 3:** HV lắng nghe báo cáo viên phân tích các nội dung chưa đạt, bổ  sung các nội dung còn thiếu và khái quát lại nội dung. |  |
| **c) Tài liệu, học liệu**  Tài liệu đọc, nội dung 1, mục 1.1.3.1. |  |
| **d) Đánh giá**   * Đánh giá kết quả ĐẠT/KHÔNG ĐẠT thông qua sản phẩm trên giấy và sản phẩm trình bày/việc tham gia HĐ của HV; * Định hướng đánh giá: So sánh sản phẩm trên giấy và sản phẩm trình bày với   nhiệm vụ được giao và kết quả cần đạt trong HĐ. |  |
| **Hoạt động 2. Phân tích được các nguyên tắc giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực**  **Tên hoạt động: Thử thách** | **30**  **phút** |
| **a) Kết quả cần đạt**  Phân tích được các nguyên tắc GD phát triển PC, NL. |  |
| **b) Nhiệm vụ của học viên**  **Nhiệm vụ 1:** HV làm việc theo nhóm (sau khi đọc tài liệu và học tập online) để trả lời 10 câu hỏi trắc nghiệm.  **Nhiệm vụ 2:** HV lắng nghe báo cáo viên phân tích các nội dung chưa đạt ở từng  câu hỏi trắc nghiệm và khái quát lại nội dung. |  |
| **c) Tài liệu, học liệu** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| * Tài liệu đọc, nội dung 1, mục 1.1.3.2; * Bộ trắc nghiệm khách quan. |  |
| **d) Đánh giá**   * Đánh giá kết quả ĐẠT/KHÔNG ĐẠT thông qua câu trả lời trắc nghiệm/việc tham gia HĐ của HV; * Định hướng đánh giá: So sánh câu trả lời trắc nghiệm giữa các nhóm với nhiệm vụ được giao và kết quả cần đạt trong HĐ. |  |
| **Hoạt động 3. Xác định được các yêu cầu đối với giáo viên trong việc tổ chức hoạt động giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực**  **Tên hoạt động: Phòng tranh** | **30**  **phút** |
| **a) Kết quả cần đạt**  Xác định được các yêu cầu đối với GV trong việc tổ chức HĐGD phát triển PC, năng lực. | |
| **b) Nhiệm vụ của học viên**  **Nhiệm vụ 1:** HV làm việc theo nhóm (sau khi đọc tài liệu và học tập online). Mỗi nhóm phân tích một yêu cầu và trình bày sản phẩm dưới dạng hình ảnh.  **Nhiệm vụ 2:** Hình ảnh được trưng bày và đại diện HV trong mỗi nhóm thuyết trình về sản phẩm và các nhóm khác góp ý kiến, tổng kết, đánh giá. Thảo luận các câu hỏi nếu có. **Nhiệm vụ 3:** HV lắng nghe báo cáo viên phân tích các nội dung chưa đạt, bổ sung các  nội dung còn thiếu và khái quát lại nội dung. | |
| **c) Tài liệu, học liệu**  - Tài liệu đọc, nội dung 1, mục 1.1.3.3. | |
| **d) Đánh giá**   * Đánh giá kết quả ĐẠT/KHÔNG ĐẠT thông qua sản phẩm trên giấy và sản phẩm trình bày/việc tham gia HĐ của HV; * Định hướng đánh giá: So sánh sản phẩm trên giấy và sản phẩm trình bày với nhiệm vụ   được giao và kết quả cần đạt trong HĐ. | |
| **Hoạt động 4. Phân tích được xu hướng hiện đại về phương pháp giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực và một số phương pháp giáo dục theo xu hướng hiện đại**  **Tên hoạt động: Đoán ý đồng đội** | **30**  **phút** |
| **a) Kết quả cần đạt**  Phân tích được các xu hướng hiện đại về phương pháp GD phát triển PC, NL và một số phương pháp GD phát triển PC, NL theo xu hướng hiện đại. | |
| **b) Nhiệm vụ của học viên** | |

|  |
| --- |
| **Nhiệm vụ 1:** Mỗi nhóm chọn 2 HV tham gia HĐ. 1 HV gợi ý và 1 HV đoán từ khóa. Sau khi kết thúc các từ khóa, HV xác định xu hướng sử dụng các phương pháp GD dựa vào các từ khóa.  **Nhiệm vụ 2:** HV lắng nghe báo cáo viên phân tích từng xu hướng, từng phương pháp  GD thuộc các xu hướng hiện đại. Thảo luận thêm các câu hỏi nếu có. |
| **c) Tài liệu, học liệu**  - Tài liệu đọc, nội dung 1, mục 1.2.2 và 1.2.3. |
| **d) Đánh giá**   * Đánh giá kết quả ĐẠT/KHÔNG ĐẠT thông qua câu trả lời của HV/việc tham gia HĐ của HV; * Định hướng đánh giá: So sánh câu trả lời của HV với nhiệm vụ được giao và kết quả   cần đạt trong HĐ. |

## NỘI DUNG 2. CÁC HÌNH THỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC

**HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ**

**Mục tiêu:** Sau khi hoàn thành việc học nội dung 2, HV sẽ:

* Phân tích được yêu cầu về hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN, HN phát triển PC, NL HS đáp ứng yêu cầu cần đạt CT HĐTN, HN.
* Phân tích được và cho ví dụ về việc vận dụng một số hình thức, phương pháp GD phát triển PC, NL HS điển hình trong HĐTN, HN.

***Bảng 2.*** *Ma trận kết nối mục tiêu và yêu cầu cần đạt của hoạt động trong nội dung 2*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Phân tích được yêu cầu về hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN phát triển PC, NL HS THCS đáp ứng yêu*  *cầu cần đạt CT HĐTN, HN* | *Phân tích được và cho ví dụ về việc vận dụng một số hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN điển hình phát triển PC, NL*  *HS THCS* |
| *Hoạt động 5*  Phân tích định hướng chung về hình thức, phương pháp tổ chức  HĐTN, HN phát triển PC, NL HS THCS | X |  |
| *Hoạt động 6* | X |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tìm hiểu mối quan hệ giữa yêu cầu cần đạt với nội dung GD, hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN phát triển PC, NL HS THCS |  |  |
| *Hoạt động 7*  Tìm hiểu một số hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN điển hình phát triển PC, NL HS THCS |  | X |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động** | **Thời**  **gian** |
| **Hoạt động 5. Phân tích định hướng chung về hình thức, phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phát triển phẩm chất, năng lực học sinh Trung học cơ sở**  **Tên hoạt động: Nhận diện** | **60 phút** |
| **a) Kết quả cần đạt**  - Phân tích được định hướng chung về hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN phát triển PC, NL HS THCS dựa trên:   * Đặc điểm và mục tiêu HĐTN, HN 2018. * Mối quan hệ giữa mục tiêu chung của CT tổng thể với CT HĐTN, HN. * Các yêu cầu cần đạt về PC và NL của HĐTN, HN trong CT GDPT 2018.   - Trình bày được ví dụ minh họa về các hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN ở THCS phù hợp để phát triển NL chung và NL (thành phần NL) của HĐTN, HN. |  |
| **b) Nhiệm vụ của học viên**  **Nhiệm vụ 1:** HV làm việc theo nhóm (sau khi đọc tài liệu và học tập online) thực hiện ***phiếu giao nhiệm vụ số 1*** và trình bày kết quả thảo luận trên giấy A0 dưới dạng sơ đồ/bảng biểu.  **Nhiệm vụ 2:** Đại diện HV trong mỗi nhóm trình bày.  **Nhiệm vụ 3:** HV lắng nghe báo cáo viên và các nhóm khác góp ý kiến, tổng kết, đánh giá. Thảo luận các câu hỏi nếu có. |  |
| **c) Tài liệu, học liệu** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| * CT GDPT HĐTN, HN (*Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/ TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*);   - Tài liệu đọc, nội dung 2, mục 2.1. (2.1.1; 2.1.2 và 2.1.4);   * Infographic. |  |
| **d) Đánh giá**   * Đánh giá kết quả ĐẠT/KHÔNG ĐẠT thông qua sản phẩm và việc tham gia HĐ của HV. * Định hướng đánh giá: So sánh sản phẩm của HV với nhiệm vụ được giao   và kết quả cần đạt trong HĐ. |  |
| **PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 01**  **Mô tả nhiệm vụ:**  Cá nhân tự nghiên cứu và thảo luận nhóm:  1. Phân tích định hướng chung về hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN phát triển PC, NL HS THCS dựa trên:   * Đặc điểm và mục tiêu CT HĐTN, HN 2018; * Mối quan hệ giữa mục tiêu chung của CTTT với CT HĐTN, HN; * Các yêu cầu cần đạt về PC và NL của HĐTN, HN trong CT GDPT 2018.   2. Trình bày ví dụ minh họa về các hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN phù hợp để phát triển NL chung và NL (thành phần NL) của HĐTN, HN.  **Các bước thực hiện:** Tự nghiên cứu cá nhân và thảo luận nhóm, trình bày kết quả thảo luận trên giấy A0 dưới dạng sơ đồ/bảng biểu.  **Tài liệu, học liệu:**  - CT GDPT HĐTN, HN (*Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*);  - Tài liệu đọc, nội dung 2, mục 2.1. (2.1.1; 2.1.2 và 2.1.4)*.* | |
| **Hoạt động 6. Tìm hiểu mối quan hệ giữa yêu cầu cần đạt với nội dung giáo dục, hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phát triển phẩm chất, năng lực học sinh Trung học cơ sở**  **Tên hoạt động: Kết nối** | **90 phút** |
| **a) Kết quả cần đạt**  Phân tích mối quan hệ giữa yêu cầu cần đạt với nội dung và hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN phát triển PC, NL HS THCS |  |
| **b) Nhiệm vụ của học viên**  **Nhiệm vụ 1:** HV làm việc theo nhóm (sau khi đọc tài liệu và học tập online) thực hiện ***phiếu giao nhiệm vụ số 2*** và trình bày kết quả thảo luận trên giấy A0 (hoặc Powerpoint/Word).  **Nhiệm vụ 2:** Đại diện HV trong mỗi nhóm trình bày. |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhiệm vụ 3:** HV lắng nghe báo cáo viên và các nhóm khác góp ý kiến, tổng kết, đánh giá. Thảo luận các câu hỏi nếu có. |  |
| **c) Tài liệu, học liệu**   * CT GDPT HĐTN, HN (*Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT- BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*); * Tài liệu đọc, nội dung 2, mục 2.1.3, 2.1.4; * Infographic. |  |
| **d) Đánh giá**   * Đánh giá kết quả ĐẠT/KHÔNG ĐẠT thông qua sản phẩm và việc tham gia HĐ của HV. * Định hướng đánh giá: So sánh sản phẩm của HV với nhiệm vụ được giao   và kết quả cần đạt trong HĐ. |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 02**  **Mô tả nhiệm vụ:**  Cá nhân tự nghiên cứu và thảo luận nhóm:   1. Lựa chọn một (một vài) chủ đề trong HĐTN, HN ở THCS, minh chứng mối quan hệ giữa yêu cầu cần đạt với nội dung, hình thức, phương pháp GD. *Có thể trình bày thông tin dưới dạng bảng gợi ý sau*: 2. Từ các phân tích đã thực hiện, đề xuất các hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN phát triển PC, NL HS THCS. *Có thể trình bày thông tin dưới dạng bảng hoặc sơ đồ:*   Năng lực … Chủ đề …  Hình thức, phương pháp giáo dục: ………………….  Năng lực …. Chủ đề …  Hình thức, phương pháp giáo dục: ………………….  **Các bước thực hiện:** Tự nghiên cứu cá nhân và thảo luận nhóm, trình bày kết quả thảo luận trên giấy A0 (hoặc Powerpoint/Word) dưới dạng sơ đồ/bảng biểu.  **Tài liệu, học liệu:**   * CT GDPT HĐTN, HN (*Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*); * Tài liệu đọc, nội dung 2, mục 2.1.3, 2.1.4. | |
| **Hoạt động 7. Tìm hiểu một số hình thức, phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phát triển phẩm chất, năng lực học sinh Trung học cơ sở**  **Tên hoạt động: Kính lúp** | **120 phút** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lớp: ………………… Chủ đề: ………………………………** | | | |
| Yêu cầu cần đạt | Năng lực HĐTN, HN | Nội dung | Hình thức, phương pháp giáo dục |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | | | |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **a) Kết quả cần đạt**   * Cho được ví dụ minh hoạ về việc vận dụng các hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN phát triển PC, NL HS THCS * Đề xuất được các biện pháp vận dụng hiệu quả một số hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN phát triển PC, NL HS trong thực tế trường THCS |  |
| **b) Nhiệm vụ của học viên**  **Nhiệm vụ 1:** HV làm việc theo nhóm (sau khi đọc tài liệu và học tập online) thực hiện ***phiếu giao nhiệm vụ số 3*** và trình bày kết quả thảo luận trên giấy A0 (hoặc Powerpoint/Word).  **Nhiệm vụ 2:** Đại diện HV trong mỗi nhóm trình bày.  **Nhiệm vụ 3:** HV lắng nghe báo cáo viên và các nhóm khác góp ý kiến, tổng kết, đánh giá. Thảo luận các câu hỏi nếu có. |  |
| **c) Tài liệu, học liệu**   * CT GDPT HĐTN, HN (*Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/ TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*); * Tài liệu đọc, nội dung 2, mục 2.2; * Infographic. |  |
| **Đánh giá**   * Đánh giá kết quả ĐẠT/KHÔNG ĐẠT thông qua sản phẩm và việc tham gia HĐ của HV. * Định hướng đánh giá: So sánh sản phẩm của HV với nhiệm vụ được giao và kết quả cần đạt trong HĐ. |  |
| **PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 03**  **Mô tả nhiệm vụ:**  Cá nhân tự nghiên cứu và thảo luận nhóm:  1. Trình bày quy trình thực hiện và ví dụ minh hoạ việc áp dụng một (một số) hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN phát triển PC, NL HS THCS được trình bày trong tài liệu đọc:   * Diễn đàn; * Tham quan; * Lao động công ích (thực hành lao động); * Dự án giáo dục.   2. Chia sẻ kinh nghiệm và đề xuất được các biện pháp vận dụng hiệu quả một số hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN phát triển PC, NL HS trong thực tế trường THCS **Các bước thực hiện:** Tự nghiên cứu cá nhân và thảo luận nhóm, trình bày kết quả thảo  luận trên giấy A0 (hoặc Powerpoint/Word). | |

|  |
| --- |
| **Tài liệu, học liệu:**   * CT GDPT HĐTN, HN (*Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018)*; * Tài liệu đọc, nội dung 2, mục 2.2*.* |

## NỘI DUNG 3. LỰA CHỌN VÀ SỬ DỤNG HÌNH THỨC, PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP THEO CHỦ ĐỀ

**Mục tiêu**: Sau khi hoàn thành học nội dung 3, HV sẽ:

* Phân tích được cơ sở, quy trình lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS.
* Vận dụng quy trình để lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS.
* Đánh giá được sự phù hợp của việc lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS.

***Bảng 3.*** *Ma trận kết nối mục tiêu và yêu cầu cần đạt của hoạt động trong nội dung 3*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | *Phân tích được cơ sở, quy trình lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS.* | *Vận dụng quy trình để lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS.* | *Đánh giá được sự phù hợp của việc lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề ở*  *THCS.* |
| *Hoạt động 8*  Phân tích cơ sở, quy trình lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS | x |  |  |
| *Hoạt động 9*  Tìm hiểu quy trình lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS | x |  |  |
| *Hoạt động 10* |  |  | x |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tìm hiểu về đánh giá việc lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS |  |  |  |
| *Hoạt động 11*  Thực hành đánh giá việc lựa chọn, sử dụng hình thức, phương  pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS |  |  | x |
| *Hoạt động 12*  Thực hành lựa chọn hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN dựa trên chuỗi HĐ học theo chủ đề |  | X |  |
| *Hoạt động 13*  Báo cáo và đánh giá việc lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp trong kế hoạch HĐTN, HN theo chủ đề cụ thể |  |  | x |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động** | **Thời gian** |
| **Hoạt động 8. Phân tích cơ sở lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo chủ đề ở THCS**  **Tên hoạt động: Sơ đồ hoá** | **45 phút** |
| **a) Kết quả cần đạt**  Phân tích được cơ sở lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS. |  |
| **b) Nhiệm vụ của học viên**  **Nhiệm vụ 1:** HV làm việc theo nhóm (sau khi đọc tài liệu và học tập online). Mỗi nhóm phân tích và sơ đồ hoá cơ sở của việc lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS.  Trình bày kết quả thảo luận trên giấy A0 (hoặc Powerpoint/Word).  **Nhiệm vụ 2:** Đại diện HV trong mỗi nhóm trình bày. |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhiệm vụ 3:** HV lắng nghe báo cáo viên và các nhóm khác góp ý kiến, tổng  kết, đánh giá. Thảo luận các câu hỏi nếu có. |  |
| **c) Tài liệu, học liệu**   * CT GDPT HĐTN, HN (*Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT- BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018)*; * Tài liệu đọc, nội dung 3, mục 3.2. |  |
| **d) Đánh giá**   * Đánh giá kết quả ĐẠT/KHÔNG ĐẠT thông qua sản phẩm và việc tham gia HĐ của HV. * Định hướng đánh giá: So sánh sản phẩm của HV với nhiệm vụ được giao và kết quả cần đạt trong HĐ. |  |
| **Hoạt động 9. Tìm hiểu quy trình lựa chọn và sử dụng hình thức, phương**  **pháp tổ chức Hoạt động trải nghiệm theo chủ đề ở THCS**  **Tên hoạt động: Mảnh ghép** | **45 phút** |
| **a) Kết quả cần đạt**  Phân tích được các bước trong quy trình lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS. |  |
| **b) Nhiệm vụ của học viên**  **Nhiệm vụ 1:** HV làm việc theo nhóm (sau khi đọc tài liệu và học tập online) để mô hình hóa quy trình lựa chọn sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề và cho ví dụ minh hoạ. Trình bày kết quả thảo luận trên giấy A0 (hoặc Powerpoint/Word).  **Nhiệm vụ 2:** Đại diện HV trong mỗi nhóm trình bày.  **Nhiệm vụ 3:** HV lắng nghe báo cáo viên và các nhóm khác góp ý kiến, tổng kết, đánh giá. Thảo luận các câu hỏi nếu có. |  |
| **c) Tài liệu, học liệu**   * CT GDPT HĐTN, HN (*Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/ TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018)*; * Tài liệu đọc, nội dung 3, mục 3.3. |  |
| **d) Đánh giá**   * Đánh giá kết quả ĐẠT/KHÔNG ĐẠT thông qua sản phẩm và việc tham gia HĐ của HV. * Định hướng đánh giá: So sánh sản phẩm của HV với nhiệm vụ được giao và kết quả cần đạt trong HĐ. |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động 10. Tìm hiểu về cơ sở đánh giá việc lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức Hoạt động trải nghiệm theo chủ đề ở THCS**  **Tên hoạt động: Suy ngẫm** | **30 phút** |
| **a) Kết quả cần đạt**  Trình bày các tiêu chí đánh giá việc lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS. |  |
| **b) Nhiệm vụ của học viên**  **Nhiệm vụ 1:** HV làm việc theo nhóm (sau khi đọc tài liệu và học tập online) và phân tích ít nhất 5 từ khoá quan trọng để đánh giá việc lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS.  **Nhiệm vụ 2:** Đại diện HV trong mỗi nhóm trình bày.  **Nhiệm vụ 3:** HV lắng nghe báo cáo viên và các nhóm khác góp ý kiến, tổng kết, đánh giá. Thảo luận các câu hỏi nếu có. |  |
| **c) Tài liệu, học liệu**   * CT GDPT HĐTN, HN (*Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/ TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018)*; * Tài liệu đọc, nội dung 3, mục 3.4. |  |
| **d) Đánh giá**   * Đánh giá kết quả ĐẠT/KHÔNG ĐẠT thông qua sản phẩm và việc tham gia HĐ của HV. * Định hướng đánh giá: So sánh sản phẩm của HV với nhiệm vụ được giao và kết quả cần đạt trong HĐ. |  |
| **Hoạt động 11. Thực hành đánh giá việc lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức Hoạt động trải nghiệm theo chủ đề ở THCS**  **Tên hoạt động: Trải nghiệm** | **30 phút** |
| **a) Kết quả cần đạt**  Đánh giá được sự phù hợp của việc lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS. |  |
| **b) Nhiệm vụ của học viên**  **Nhiệm vụ 1:** HV làm việc theo nhóm (sau khi đọc tài liệu và học tập online) thực hiện ***phiếu giao nhiệm vụ số 4*** và trình bày kết quả thảo luận trên giấy A0 (hoặc Powerpoint/Word).  **Nhiệm vụ 2:** Đại diện HV trong mỗi nhóm trình bày.  **Nhiệm vụ 3:** HV lắng nghe báo cáo viên và các nhóm khác góp ý kiến, tổng kết, đánh giá. Thảo luận các câu hỏi nếu có. |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **c) Tài liệu, học liệu**   * Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH, ngày 08/10/2014, về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lí các HĐ chuyên môn của trường trung học/trung tâm GD thường xuyên qua mạng; * Khung minh hoạ chuỗi HĐ học của một chủ đề trong HĐTN, HN ở THCS; * Tài liệu đọc, nội dung 3, mục 3.4. |  |
| **d) Đánh giá**   * Đánh giá kết quả ĐẠT/KHÔNG ĐẠT thông qua sản phẩm và việc tham gia HĐ của HV. * Định hướng đánh giá: So sánh sản phẩm của HV với nhiệm vụ được giao   và kết quả cần đạt trong HĐ. |  |
| **PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 04**  **Mô tả nhiệm vụ:**  Cá nhân tự nghiên cứu và thảo luận nhóm:   1. Nghiên cứu chuỗi HĐGD của một chủ đề HĐTN, HN ở THCS được minh hoạ và video clip một HĐTN, HN có sử dụng hình thức, phương pháp GD (tương ứng với chuỗi hoạt động GD trên). 2. Trả lời câu hỏi để đánh giá việc lựa chọn và sử dụng các hình thức, phương pháp GD của GV trong video clip minh hoạ:  * GV sử dụng hình thức, phương pháp GD trong video clip minh hoạ có phù hợp không? Vì sao? * Phân tích ưu điểm và hạn chế của việc lựa chọn và sử dụng hình thức, phương pháp GD trong HĐTN, HN do GV thực hiện trong video clip minh hoạ. * Đề xuất những biện pháp cải thiện việc sử dụng hình thức, phương pháp GD trong hoạt động GD này. * Hình thức, phương pháp GD có phù hợp với Thầy (Cô) khi tổ chức GD ở đơn vị hiện tại không? Vì sao? Đề xuất những thay đổi về hình thức, phương pháp GD khi Thầy (Cô) tổ chức GD nội dung này tại nhà trường theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho HS.   **Các bước thực hiện:** Tự nghiên cứu cá nhân và thảo luận nhóm, trình bày kết quả thảo luận trên giấy A0 dưới dạng sơ đồ/bảng biểu.  **Tài liệu, học liệu:**   * Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH, ngày 08/10/2014, về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lí các HĐ chuyên môn của trường trung học/trung tâm GD thường xuyên qua mạng; * Khung minh hoạ chuỗi HĐGD của một chủ đề trong HĐTN, HN ở THCS; * Tài liệu đọc, nội dung 3, mục 3.4. | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động 12. Thực hành lựa chọn hình thức, phương pháp tổ chức Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp dựa trên chuỗi hoạt động giáo dục của chủ đề**  **Tên hoạt động: Vận dụng** | **150 phút** |
| **a) Kết quả cần đạt**  Lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS. |  |
| **b) Nhiệm vụ của học viên**  HV làm việc theo nhóm (sau khi đọc tài liệu và học tập online) thực hiện  ***phiếu giao nhiệm vụ số 5.*** |  |
| **c) Tài liệu, học liệu**   * Tài liệu đọc, nội dung 3, mục 3.3; * Các gợi ý hướng dẫn, ví dụ minh hoạ (tuỳ chọn); * Khung gợi ý (tuỳ chọn/nếu có). |  |
| **d) Đánh giá**   * Đánh giá kết quả ĐẠT/KHÔNG ĐẠT thông qua sản phẩm và việc tham gia HĐ của HV. * Định hướng đánh giá: So sánh sản phẩm của HV với nhiệm vụ được giao   và kết quả cần đạt trong HĐ. |  |
| **PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 05**  **Mô tả nhiệm vụ:**  Làm việc theo nhóm:   1. Xác định yêu cầu cần đạt của HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS. 2. Lựa chọn hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề đáp ứng yêu cầu cần đạt, nội dung của HĐTN, HN ở THCS. 3. Thiết kế chuỗi HĐGD của HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS.   **Các bước thực hiện:** Tự nghiên cứu cá nhân và thảo luận nhóm, trình bày kết quả làm việc trên khung gợi ý.  **Tài liệu, học liệu:**   * Tài liệu đọc, nội dung 3, mục 3.3; * Các gợi ý hướng dẫn, ví dụ minh hoạ (tuỳ chọn); * Khung gợi ý.   **Biểu mẫu liên quan:** Khung gợi ý.  **Sản phẩm cần đạt:** Chuỗi HĐGD của HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS. | |
| **Hoạt động 13. Báo cáo và đánh giá việc lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề cụ thể**  **Tên hoạt động: Phản hồi** | **150 phút** |
| **a) Kết quả cần đạt**  - Tự đánh giá và đánh giá việc lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề trong kế hoạch GD cụ thể. |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **b) Nhiệm vụ của học viên**  **Nhiệm vụ 1:** HV làm việc nhóm, các nhóm đánh giá lẫn nhau dựa trên các kế hoạch GD cụ thể được xây dựng trong HĐ 13 dựa trên phiếu đánh giá đồng đẳng.  **Nhiệm vụ 2.** Đại diện HV trong mỗi nhóm trình bày việc lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp GD trong chuỗi HĐGD cho HĐTN, HN theo chủ đề mà nhóm đã thiết kế.  **Nhiệm vụ 3:** HV lắng nghe báo cáo viên và các nhóm khác góp ý kiến,  tổng kết, đánh giá. Thảo luận các câu hỏi nếu có. |  |
| **c) Tài liệu, học liệu**   * Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH, ngày 08/10/2014, về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lí các HĐ chuyên môn của trường trung học/trung tâm GD thường xuyên qua mạng; * Tài liệu đọc, nội dung 3; * Rubric đánh giá. |  |
| **d) Đánh giá**   * Đánh giá kết quả ĐẠT/KHÔNG ĐẠT thông qua sản phẩm và việc tham gia HĐ của HV. * Định hướng đánh giá: So sánh sản phẩm của HV với nhiệm vụ được giao và kết quả cần đạt trong HĐ (phiếu tự đánh giá và đánh giá). |  |

## NỘI DUNG 4. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH HỖ TRỢ ĐỒNG NGHIỆP TẠI TRƯỜNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

**Mục tiêu**: Sau khi hoàn thành nội dung 4, HV sẽ:

Xây dựng được kế hoạch để hỗ trợ đồng nghiệp phát triển về kiến thức, kĩ năng và kinh nghiệm vận dụng các hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN phát triển PC, NL HS ở trường THCS.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động 14. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đại trà cho đồng nghiệp là giáo viên phụ trách tổ chức Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp tại trường và địa phương**  **Tên hoạt động: Về đích** | **60 phút** |
| **a) Kết quả cần đạt**  - Phân tích được thuận lợi, khó khăn của đồng nghiệp tại trường và địa phương. |  |

|  |  |
| --- | --- |
| - Xây dựng được kế hoạch bồi dưỡng đại trà cho đồng nghiệp tại trường và  địa phương. |  |
| **b) Nhiệm vụ của học viên**  **Nhiệm vụ 1:** HV làm việc (sau khi đọc tài liệu và học tập trực tuyến): thảo luận về định hướng một số HĐ hỗ trợ đồng nghiệp hiệu quả tại địa phương và hoàn thiện mẫu kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp đã được cung cấp.  **Nhiệm vụ 2:** Đại diện HV trong mỗi nhóm trình bày.  **Nhiệm vụ 3:** HV lắng nghe báo cáo viên và các nhóm khác góp ý kiến, tổng kết, đánh giá. Thảo luận các câu hỏi nếu có. |  |
| **c) Tài liệu, học liệu**  Mẫu kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp. |  |
| **d) Đánh giá**   * Đánh giá kết quả ĐẠT/KHÔNG ĐẠT thông qua sản phẩm và việc tham gia HĐ của HV. * Định hướng đánh giá: So sánh sản phẩm của HV với nhiệm vụ được giao   và kết quả cần đạt trong HĐ. |  |

## Kế hoạch hoạt động bồi dưỡng trực tiếp (3 ngày) TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**KẾ HOẠCH BỒI DƯỠNG TRỰC TIẾP**

(*Căn cứ theo Phụ lục 5, Công văn số 87/CV-ETEP ngày 21 tháng 04 năm 2020*)

## *Mô đun 2:* SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ

**TRONG HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP**

(*theo Quyết định số 4660/QĐ-BGDĐT ngày 04 tháng 12 năm 2019) Hình thức và thời lượng:* **3 ngày, trực tiếp trên lớp học**

*Môn học/hoạt động GD:* **Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Nội dung chính** | **Điều kiện giảng dạy/học tập** |
| **Ngày 1** | | |
| **Buổi sáng (1)** | Khai mạc khoá bồi dưỡng. | Hội trường, backdrop, máy chiếu, âm thanh, bàn ghế được bố trí theo yêu  cầu HĐ chủ động. |
| Làm quen với GVSPCC, kết nối hệ thống học trực tuyến và các kênh  liên lạc. | Lớp học, máy chiếu, bảng trắng sử dụng bút lông hỗ trợ. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Giới thiệu chung về khoá học, làm rõ mục tiêu, chuẩn đầu ra và các nội dung chính của khoá học. | Lớp học, máy chiếu, bảng trắng sử dụng bút lông.  Internet/Wi-fi, LMS/LCMS. |
| **Ôn tập nội dung 1** trong 5 ngày trực tuyến - tập trung ở các vấn đề sau:   * *So sánh GD tiếp cận nội dung và GD phát triển PC, NL* * *Nguyên tắc GD phát triển PC, NL; yêu cầu đối với GV trong việc tổ chức HĐGD phát triển PC, NL.* * *Xu hướng hiện đại về phương pháp GD phát triển PC, NL.* | Lớp học, máy chiếu, bảng trắng sử dụng bút lông, âm thanh, bàn ghế kê theo nhóm.  Internet/Wi-fi, LMS/LCMS. Kế hoạch học tập của HV. Tài liệu học tập.  Văn phòng phẩm hỗ trợ các HĐ học tập. |
| **Buổi chiều (2)** | **Ôn tập nội dung 2** trong 5 ngày trực tuyến - tập trung ở các vấn đề sau:   * *Quan hệ giữa yêu cầu cần đạt với nội dung và hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN phát triển PC, NL ở THCS.* * *Một số hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN phát triển PC, NL ở THCS* | Lớp học, máy chiếu, bảng trắng sử dụng bút lông, âm thanh, bàn ghế kê theo nhóm.  Internet/Wi-fi, LMS/LCMS. Kế hoạch học tập của HV. Tài liệu học tập.  Văn phòng phẩm hỗ trợ các HĐ học tập. |
| Thực hành phân tích chuỗi HĐGD  của một HĐTN, HN theo chủ đề minh hoạ *(chủ đề đã thực nghiệm).* | Phiếu giao nhiệm vụ 1. |
| **Ngày 2** | | |
| **Buổi sáng (3)** | **Ôn tập nội dung 3** trong 5 ngày trực tuyến - tập trung ở các vấn đề sau:   * *Cơ sở lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS.* * *Quy trình lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS.* * *Cơ sở đánh giá việc lựa chọn, sử*   *dụng hình thức, phương pháp tổ* | Lớp học, máy chiếu, bảng trắng sử dụng bút lông, âm thanh, bàn ghế kê theo nhóm.  Internet/Wi-fi, LMS/LCMS. Kế hoạch học tập của HV. Tài liệu học tập.  Văn phòng phẩm hỗ trợ. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *chức HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS.* |  |
| Phân tích *video dạy học minh họa, video sinh hoạt chuyên môn của một kế hoạch GD HĐTN, HN theo chủ đề minh hoạ ở THCS.* | Lớp học, máy chiếu, bảng trắng sử dụng bút lông, âm thanh, bàn ghế kê theo nhóm.  Internet/Wi-fi, LMS/LCMS. |
| Định hướng các HĐ hỗ trợ đồng nghiệp tại địa phương. | Lớp học, máy chiếu, bảng trắng sử dụng bút lông, âm thanh, bàn ghế kê theo nhóm.  Internet/Wi-fi, LMS/LCMS. |
| **Buổi chiều (4)** | Thực hành lựa chọn hình thức, phương pháp GD dựa trên chuỗi HĐGD của một HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS:   * *Xác định yêu cầu cần đạt của một HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS.* * *Lựa chọn hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề đáp ứng yêu cầu cần đạt, nội dung của HĐTN, HN ở THCS.* * *Thiết kế chuỗi HĐGD của một*   *HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS.* | Phiếu giao nhiệm vụ 2. |
| **Ngày 3** | | |
| **Buổi sáng (5)** | Báo cáo kết quả xây dựng chuỗi HĐGD của một HĐTN, HN theo chủ đề ở THCS. | Lớp học, máy chiếu, bảng trắng sử dụng bút lông, âm thanh, bàn ghế kê theo nhóm.  Internet/Wi-fi, LMS/LCMS. |
| Chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp về việc lựa chọn hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề đáp ứng yêu cầu cần đạt, nội dung của HĐTN, HN ở THCS. | Lớp học, máy chiếu, bảng trắng sử dụng bút lông, âm thanh, bàn ghế kê theo nhóm.  Internet/Wi-fi, LMS/LCMS. |
| Chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp về việc định hướng lựa chọn chiến lược GD giả định trong HĐTN, HN ở THCS. | Lớp học, máy chiếu, bảng trắng sử dụng bút lông, âm thanh, bàn ghế kê theo nhóm.  Internet/Wi-fi, LMS/LCMS. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Buổi chiều (6)** | Xây dựng và báo cáo kế hoạch hướng dẫn đồng nghiệp về việc lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN phát triển PC, NL HS THCS | Lớp học, máy chiếu, bảng trắng sử dụng bút lông, âm thanh, bàn ghế kê theo nhóm.  Internet/Wi-fi, LMS/LCMS. |
| Định hướng tổ chức HĐ bồi dưỡng đồng nghiệp tại địa phương (GV đại trà). | Lớp học, máy chiếu, bảng trắng sử dụng bút lông, âm thanh, bàn ghế kê theo nhóm.  Internet/Wi-fi, LMS/LCMS. |
| Phản hồi và đánh giá khoá bồi dưỡng. | Internet/Wi-fi, LMS/LCMS.  Phản hồi và đánh giá khoá bồi dưỡng tự động trên hệ thống. |
| Tổng kết khoá bồi dưỡng. | Hội trường, backdrop, máy chiếu, âm thanh, bàn ghế được bố trí theo yêu  cầu HĐ chủ động. |

## TÀI LIỆU ĐỌC

## NỘI DUNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC

## Khái quát về giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực

### Phẩm chất và năng lực trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

PC, NL là hai thành phần cơ bản trong cấu trúc nhân cách. GD phát triển PC, NL với trọng tâm là tích lũy dần dần các yếu tố về PC, năng lực của người học để chuyển hóa và góp phần hình thành, phát triển nhân cách cho họ. GD phổ thông Việt Nam đang thực hiện bước chuyển từ CTGD tiếp cận nội dung sang tiếp cận PC, NL người học, từ chỗ định hướng việc HS học được gì đến định hướng việc HS làm được gì qua học. Có thể thấy, dạy học và GD phát triển PC, NL có vai trò quan trọng trong việc *nâng cao chất lượng GDPT nói riêng và chất lượng nguồn nhân lực cho quốc gia nói chung.*

* + - 1. *Phẩm chất trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*

PC là những tính tốt thể hiện ở thái độ, hành vi ứng xử của con người; cùng với NL tạo nên nhân cách con người. CT GDPT 2018 đã xác định các ***PC chủ yếu*** cần hình thành và phát triển cho HS phổ thông bao gồm: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm*.*

* + - 1. *Năng lực trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*

NL là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ vào các tố chất và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kinh nghiệm, kĩ năng và các

thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí,... thực hiện đạt kết quả các HĐ trong những điều kiện cụ thể.

CT GDPT 2018 đã xác định mục tiêu hình thành và phát triển cho HS các ***NL cốt lõi*** bao gồm các ***NL chung*** và các ***NL đặc thù***. NL chung là những NL cơ bản, thiết yếu hoặc cốt lõi, làm nền tảng cho mọi HĐ của con người trong cuộc sống và lao động nghề nghiệp. NL đặc thù là những NL được hình thành và phát triển trên cơ sở các NL chung theo định hướng chuyên sâu, riêng biệt trong các loại hình HĐ, công việc hoặc tình huống, môi trường đặc thù, cần thiết cho những HĐ chuyên biệt, đáp ứng yêu cầu của một HĐ như toán học, âm nhạc, mĩ thuật, thể thao...

* + - * 1. Các ***NL chung*** được hình thành, phát triển thông qua các môn học và HĐGD: NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo;
        2. Các ***NL đặc thù*** được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua các môn học và HĐGD nhất định: NL ngôn ngữ, NL tính toán, NL khoa học, NL công nghệ, NL tin học, NL thẩm mĩ và NL thể chất.

Các yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu, năng lực chung đã được thể hiện rõ trong văn bản CT GDPT 2018. Các yêu cầu cần đạt về NL đặc thù gắn liền với các nội dung dạy học và GD được quy định trong văn bản CT từng môn học, HĐGD (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018).

### Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực

Quá trình hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực HS phổ thông chịu sự chi phối và ảnh hưởng của các yếu tố chủ yếu sau:

**− *Các yếu tố bẩm sinh - di truyền*** của PC và NL được biểu hiện bằng các tố chất và khả năng sẵn có. Quá trình hình thành và phát triển PC, NL có tiền đề từ các yếu tố này. Các khả năng sẵn có nếu được phát hiện kịp thời và GD đúng cách thì NL mới được phát huy. Nếu không đảm bảo như vậy, mầm mống và các tố chất có nguy cơ mai một. Do vậy, con đường hình thành và phát triển PC, NL chịu ảnh hưởng của yếu tố tiền đề là bẩm sinh

* di truyền nhưng không do yếu tố này quyết định.
  + ***Hoàn cảnh sống*** có tác động và ảnh hưởng quan trọng đến quá trình hình thành và phát triển PC, NL của cá nhân. Sống trong môi trường luôn được vun đắp bằng quan hệ tốt đẹp giữa người với người, cá nhân sẽ có điều kiện hình thành và phát triển PC tốt đẹp. Tuy nhiên, môi trường và hoàn cảnh sống cũng không có vai trò quyết định đối với việc hình thành và phát triển PC, NL của cá nhân.
  + ***GD*** giữ vai trò *chủ đạo* đối với quá trình hình thành và phát triển PC, NL của cá nhân. GD sẽ *định hướng* cho sự phát triển PC, NL, phát huy các yếu tố bẩm sinh - di truyền, đồng thời GD cũng khắc phục được một số PC chưa phù hợp. Tuy vậy, GD không quyết định mức độ phát triển và xu hướng phát triển của mỗi cá nhân.
  + ***Hoạt động cá nhân*** giữ vai trò quyết định sự hình thành và phát triển PC, NL của cá nhân. PC, NL cá nhân được hình thành và phát triển do cá nhân ***tự học tập và rèn luyện***.

Đây là yếu tố có vai trò quyết định đến sự hình thành và phát triển PC, NL của con người nói chung và của HS phổ thông nói riêng.

GD nói chung, GD nhà trường nói riêng có vai trò chủ đạo đối với sự hình thành, phát triển PC, NL; trong đó cần thực hiện khai thác vai trò GD thông qua việc tổ chức các HĐ học. Song song đó, cần quan tâm đến cá nhân mỗi HS, bao gồm năng khiếu, phong cách học tập, các loại hình trí thông minh, tiềm lực và nhất là khả năng hiện có, triển vọng phát triển (theo vùng phát triển gần nhất) của mỗi HS… để thiết kế các HĐ học hiệu quả. Đồng thời, cần chú trọng phát triển NL tự chủ, tự học vì yếu tố “*cá nhân tự học tập và rèn luyện*” đóng vai trò quyết định đến sự hình thành và phát triển PC, NL của mỗi HS. Như vậy, việc tổ chức các HĐ học của người học phải là trọng điểm của quá trình dạy học, GD để đạt được mục tiêu phát triển PC, NL HS.

### Hoạt động giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực

* + - 1. *So sánh hoạt động giáo dục theo tiếp cận nội dung và phát triển phẩm chất, năng lực*

HĐGD tiếp cận nội dung và phát triển PC, NL có những khác biệt nhất định về mục tiêu, nội dung GD, phương pháp tổ chức, đánh giá kết quả GD, thể hiện cụ thể ở bảng 1.1.

***Bảng 1.1.*** *So sánh hoạt động giáo dục tiếp cận nội dung và tiếp cận phát triển phẩm chất, năng lực*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Hoạt động giáo dục tiếp cận nội dung** | **Hoạt động giáo dục tiếp cận**  **phát triển phẩm chất, năng lực** |
| **Về mục tiêu giáo dục** | * Chú trọng hình thành kiến thức, kĩ năng, thái độ. * Lấy mục tiêu học để biết, hiểu làm trọng. | * Chú trọng yêu cầu cần đạt về PC, NL. * Lấy mục tiêu học để làm, học để cùng chung sống làm trọng. |
| **Về nội dung giáo dục** | * Nội dung được lựa chọn dựa trên hệ thống chuẩn mực, giá trị xã hội qui định. * Nội dung được quy định chi tiết trong CT. * Chú trọng hệ thống kiến thức lí thuyết của hệ thống chuẩn mực,   giá trị xã hội. | * Nội dung được lựa chọn nhằm đạt được PC, NL đầu ra đã quy định. * Chỉ quy định những nội dung chính trong CT. * Chú trọng các kĩ năng thực hành, vận dụng lí thuyết vào thực tiễn. |
| **Về phương pháp giáo dục** | - Nhà giáo dục chủ yếu là người truyền đạt tri thức, kĩ năng; HS tiếp nhận, tham gia và thực hiện các yêu cầu quy định sẵn. Nhà giáo dục sử dụng các phương  pháp GD truyền thống (thuyết | - Nhà giáo dục là người tổ chức các HĐ, hướng dẫn HS tự tìm tòi, chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện kĩ năng; chú trọng phát triển khả năng giải quyết vấn đề, khả năng giao tiếp… Nhà giáo dục  sử dụng nhiều hình thức và phương |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | trình, hướng dẫn thực hành, trực quan…) là chủ yếu.   * HS dễ tiếp thu thụ động, chưa có nhiều điều kiện, cơ hội tìm tòi, khám phá vì những tri thức được quy định sẵn. * Kế hoạch tổ chức HĐGD thường được thiết kế theo tuyến tính, các nội dung và HĐ dùng chung cho cả lớp, toàn trường; hình thức và phương pháp tổ chức HĐGD dễ có sự lặp lại, quen thuộc. | pháp tổ chức GD tích cực (giải quyết vấn đề, hợp tác, khám phá…) phù hợp với yêu cầu cần đạt về PC, NL của người học.   * HS chủ động tham gia HĐ, có nhiều cơ hội được bày tỏ ý kiến, tham gia phản biện. * Kế hoạch HĐGD được thiết kế phân nhánh, có sự phân hóa theo trình độ và NL của HS; hình thức và phương pháp tổ chức HĐGD đa dạng, phong phú, được lựa chọn dựa trên các cơ sở khác nhau. |
| **Về môi trường học tập, giáo dục** | - Thường sắp xếp cố định trong môi trường lớp học, nhà giáo dục thường ở vị trí phía trên, trung tâm lớp học. | - Đa dạng các môi trường GD trong lớp, ngoài lớp, trong trường, ngoài trường linh hoạt phù hợp với các HĐ học tập, rèn luyện của HS, có chú trọng yêu cầu cần phát triển ở HS. |
| **Về đánh giá** | * Tiêu chí đánh giá chủ yếu được xây dựng dựa trên sự ghi nhớ nội dung đã học, ít quan tâm đến khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. * Quá trình đánh giá chủ yếu do   nhà giáo dục thực hiện. | * Tiêu chí đánh giá dựa vào kết quả “đầu ra”, quan tâm tới sự tiến bộ của người học, chú trọng khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, các PC, NL cần có. * HS được tự đánh giá và được tham gia   vào đánh giá lẫn nhau... |
| **Về sản phẩm giáo dục** | * HS chủ yếu ghi nhớ, tái hiện các tri thức, phụ thuộc vào tài liệu có sẵn. * Ít chú ý đến khả năng ứng dụng nên yêu cầu về tính năng động, sáng tạo vẫn còn hạn chế. | * HS áp dụng được tri thức, KN vào thực tiễn, không phụ thuộc vào tài liệu có sẵn do khả năng tìm tòi trong quá trình GD đã được phát huy, phát triển. * Phát huy khả năng ứng dụng nên sự   năng động, tự tin ở HS biểu hiện rõ. |

* + - 1. *Các nguyên tắc giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực*

1. Nội dung giáo dục phải đảm bảo tính cơ bản, thiết thực, hiện đại

Nội dung GD đảm bảo tính cơ bản có nghĩa là nội dung GD cần bao gồm các nội dung chính, cốt yếu, chủ yếu, tập trung vào các nội dung mang tính bản chất mà không tập trung vào các nội dung không chính yếu, không phải là bản chất của sự vật, hiện tượng. Nội dung GD đảm bảo tính thiết thực có nghĩa là nội dung GD trong từng HĐGD cần sát thực, phù hợp với những yêu cầu, đòi hỏi của thực tế. Nội dung GD đảm bảo tính hiện đại đòi hỏi nội

dung GD phải mới, tiên tiến, áp dụng được những thành tựu của khoa học, kĩ thuật trong các lĩnh vực trong thời gian gần đây, nhất là việc vận dụng chúng trong thực tiễn.

NL được coi là sự huy động kiến thức, kĩ năng, niềm tin… để HS thực hiện thành công một loại HĐ nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể. Theo đó, GD phát triển PC, NL đặt ra yêu cầu cốt lõi là tập trung vào những gì HS cần có (kiến thức, kĩ năng, niềm tin…) để từ đó họ có thể “làm” được những việc cụ thể, hữu ích hơn là tập trung vào những gì mà HS biết hoặc không biết. Vì vậy, các nội dung GD cần được chắt lọc. Trong đó, các nội dung kiến thức hàn lâm, giáo điều sẽ gây ra những thách thức không cần thiết trong học tập của HS (giảm động cơ học tập, hứng thú, niềm tin, sự đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực…) đồng thời không tạo điều kiện giúp HS tiếp cận, giải thích, giải quyết các đòi hỏi sát sườn của đời sống thực tế. Ngược lại, việc chọn lọc, sử dụng các kiến thức cơ bản, trọng tâm sẽ giúp HS có cơ hội và thời gian tập trung phát triển những nền tảng vững chắc cho các NL cốt lõi.

Như vậy, việc giúp HS tiếp cận các nội dung kiến thức thiết thực, hiện đại cùng với phương pháp tư duy và học tập tích cực chính là nhằm tạo cơ hội giúp họ rèn luyện kĩ năng, từng bước hình thành, phát triển NL giải quyết các tình huống và vấn đề thực tiễn; có cơ hội hoà nhập, hội nhập quốc tế để cùng tồn tại, phát triển… vốn là những mục tiêu quan trọng nhất của GD phát triển PC, NL.

1. Đảm bảo tính tích cực của người học khi tham gia vào hoạt động giáo dục

Tính tích cực của người học được biểu hiện thông qua hứng thú, sự tự giác học tập, khát vọng thông hiểu, sự nỗ lực chiếm lĩnh nội dung học tập. Đảm bảo tính tích cực của người học khi tham gia vào HĐ học tập là việc đảm bảo việc tạo ra hứng thú, sự tự giác học tập, khát khao và sự nỗ lực chiếm lĩnh nội dung học tập của người học. Đây là một nguyên tắc quan trọng trong GD phát triển PC, NL.

NL chỉ hình thành khi kiến thức, kĩ năng được chuyển hóa thành HĐ của một chủ thể nhất định. Do đó, trong HĐGD, nhà giáo dục cần tổ chức các HĐ học tập để HS tích cực, chủ động huy động kiến thức, kĩ năng hoàn thành nhiệm vụ học tập hoặc giải quyết những tình huống trong thực tiễn. Cùng kiến thức, kĩ năng thì NL sẽ khác nhau tùy theo cá nhân huy động chúng vào các HĐ ở mức độ nào. Điều này phản ánh rằng cùng một môi trường học tập, những cá nhân khác nhau sẽ có NL khác nhau. Như vậy, trong GD phát triển PC, NL của HS, tính tích cực của HS là một trong những biểu hiện và cũng là kết quả cần đảm bảo khi tổ chức các HĐ học tập.

1. Tăng cường những hoạt động thực hành, trải nghiệm cho học sinh

Tăng cường những HĐ thực hành, trải nghiệm cho HS chính là việc tổ chức thường xuyên hơn, đồng thời cũng đầu tư hơn về chất lượng những hoạt động thực hành, trải nghiệm cho HS. Thực hành là HĐ áp dụng lí thuyết vào thực tế để hình thành kĩ năng ở người học- thành phần quan trọng của NL. Thực hành là cơ sở để hình thành NL. Trải nghiệm là HĐ tổ chức cho người học được quan sát, làm thử, làm thử giả định trong tư duy (dựa trên đặc trưng của thực nghiệm), sau đó, người học phân tích, suy ngẫm, chiêm nghiệm

về việc quan sát, làm qua và kết quả của nó. Quy trình chung của trải nghiệm tập trung giúp người học hình thành và phát triển các NL chung và các NL đặc thù ứng với từng nội dung trải nghiệm cụ thể.

Thông qua các HĐ thực hành, trải nghiệm, HS có cơ hội để huy động và vận dụng kiến thức, kĩ năng trong môn học và HĐGD để giải quyết các tình huống có thực trong học tập và cuộc sống, từ đó người học hình thành, phát triển các phẩm chất và năng lực. Tăng cường HĐ thực hành, trải nghiệm cho HS là một nguyên tắc không thể thiếu của GD phát triển PC, NL đòi hỏi từng môn học, HĐGD phải khai thác, thực hiện một cách cụ thể, có đầu tư.

1. Tăng cường giáo dục tích hợp

Tăng cường GD tích hợp chính là việc tổ chức nhiều hơn về số lượng, đầu tư hơn về chất lượng những nhiệm vụ học tập đòi hỏi HS phải huy động, tổng hợp kiến thức, kĩ năng… thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau để giải quyết. Tăng cường GD tích hợp giúp người học phát triển được những NL cần thiết, nhất là NL giải quyết vấn đề dựa trên hiểu biết, kinh nghiệm và khả năng, kĩ năng ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Bên cạnh đó, GD tích hợp còn kết nối, tạo ra mối quan hệ giữa các môn học với nhau và với thực tiễn, tránh trùng lặp về nội dung thuộc các môn học, HĐGD khác nhau để góp phần tác động tổng hợp, hình thành PC, NL của người học đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Để giải quyết hiệu quả những vấn đề trong cuộc sống, kiến thức và kĩ năng của của từng môn học, HĐGD đôi lúc không khả thi mà cần sự hiểu biết phong phú, đa dạng dựa trên yêu cầu của nhiều môn học, HĐGD hoặc nhiều lĩnh vực trong cùng môn học, HĐGD. Thông qua GD tích hợp, HS được rèn luyện khả năng tìm hiểu và vận dụng những kiến thức từ nhiều lĩnh vực một cách phù hợp để giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra trong chủ đề. Nói khác đi, GD tích hợp tạo cơ hội cho HS tiếp cận vấn đề toàn diện, từ đó HS phát triển các phẩm chất và năng lực cần thiết tương ứng.

1. Tăng cường giáo dục phân hóa

Tăng cường GD phân hóa chính là việc tổ chức thường xuyên và đầu tư hơn việc phân loại và chia tách các đối tượng người học, từ đó, vận dụng nội dung, phương pháp và hình thức sao cho phù hợp với đối tượng ấy nhằm đạt hiệu quả cao. GD phân hóa đòi hỏi CT phải xây dựng được các chủ đề khác nhau để HS tự chọn phù hợp với nguyện vọng của bản thân và khả năng tổ chức của nhà trường.

GD phân hóa là quá trình GD nhằm đảm bảo cho mỗi cá nhân người phát triển tối đa NL, sở trường, phù hợp với các yếu tố cá nhân, trong đó người học được tạo điều kiện để lựa chọn nội dung, độ khó, hình thức, nhịp độ học tập phù hợp với bản thân. Cơ sở của GD phân hóa là sự công nhận những khác biệt giữa các cá nhân người học như phong cách học tập, các loại hình trí thông minh, nhu cầu và điều kiện học tập… GD phân hóa sẽ giúp HS phát triển tối đa NL của từng HS, đặc biệt là NL đặc thù. Vì thế, nguyên tắc GD phân hóa là phân hóa sâu dần qua các cấp học để đảm bảo phù hợp với các biểu hiện hay mức độ biểu hiện của PC, NL hiện có của người học và phát triển ở tầm cao mới sao cho phù hợp.

1. Kiểm tra, đánh giá theo năng lực là điều kiện tiên quyết trong giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực

Kiểm tra, đánh giá theo NL là không lấy việc kiểm tra, đánh giá khả năng tái hiện kiến thức đã học làm trung tâm của việc đánh giá. Kiểm tra, đánh giá theo NL chú trọng khả năng vận dụng tri thức trong những tình huống cụ thể.

Điều kiện tiên quyết là điều kiện cần phải có, phải được giải quyết trước nhất. Đánh giá kết quả học tập đối với các môn học và HĐGD ở mỗi lớp và sau cấp học là biện pháp chủ yếu nhằm xác định mức độ thực hiện mục tiêu GD, có vai trò quan trọng trong việc cải thiện kết quả học tập của HS. Với sự thay đổi về mục tiêu của CT GDPT 2018, rõ ràng kiểm tra, đánh giá theo NL là điều kiện tiên quyết trong GD phát triển PC, NL. Trong CTGD phát triển PC, NL, bên cạnh mục tiêu đánh giá là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của CT, cần chú trọng mục tiêu đánh giá sự tiến bộ của HS. Đây là cơ sở để để hướng dẫn HĐ học tập, điều chỉnh các HĐGD, quản lí và phát triển CT, bảo đảm sự tiến bộ của từng HS và nâng cao chất lượng GD. Vì vậy, nhà giáo dục cần đánh giá thường xuyên trong quá trình tổ chức HĐGD để xác định *mức độ tiến bộ* so với chính bản thân HS về NL. Các thông tin về NL người học được thu thập trong suốt quá trình học tập thông qua một loạt các phương pháp khác nhau như: đặt câu hỏi; đối thoại trên lớp; phản hồi thường xuyên; tự đánh giá và đánh giá giữa các HS với nhau; giám sát sự phát triển qua sử dụng NL, sử dụng bảng danh sách các hành vi cụ thể của từng thành tố NL; đánh giá tình huống; đánh giá qua dự án, hồ sơ học tập…

* + - 1. *Yêu cầu đối với nhà giáo dục trong việc tổ chức hoạt động giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực*

1. Tổ chức chuỗi hoạt động giáo dục để học sinh chủ động khám phá những điều chưa

biết

Tổ chức là sự sắp xếp, bố trí cho thành một chỉnh thể, có một cấu tạo, một cấu trúc và

những chức năng chung nhất định. Chuỗi HĐGD là tập hợp các HĐ học tập được sắp xếp theo một trình tự nhất định. Tổ chức chuỗi các HĐ học tập là việc nhà giáo dục sắp xếp, bố trí các HĐ học tập theo một trình tự nhất định, phù hợp với mục tiêu bài học. CT GDPT 2018, định hướng các HĐ học tập của HS bao gồm HĐ khám phá vấn đề, HĐ luyện tập và HĐ thực hành (ứng dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết những vấn đề có thực trong đời sống), được thực hiện với sự hỗ trợ của thiết bị GD, đặc biệt là công cụ tin học và các hệ thống tự động hoá của kĩ thuật số.

Trong GD phát triển PC, NL, yêu cầu này đòi hỏi nhà giáo dục phải có khả năng thiết kế, tổ chức, hướng dẫn các HĐ học của HS để HS tích cực chủ động tham gia và thực hiện các nhiệm vụ học tập, từ đó tìm hiểu các kiến thức, kĩ năng mới, vừa học hỏi được phương pháp để hình thành kiến thức, kĩ năng đó. Các nhiệm vụ học tập có thể được thực hiện trên lớp hoặc ở nhà, không gói gọn trong phạm vi một tiết học. Để hướng đến mục tiêu phát triển PC, NL đã đặt ra trong chủ đề, ở mỗi HĐGD cần xác định rõ ràng các yếu tố: mục tiêu HĐ, nội dung HĐ, sản phẩm học tập của HS, cách thức tiến hành, phương án kiểm tra đánh giá mức độ mà HS đạt được mục tiêu do nhà giáo dục đã đề ra. Trong quá trình tổ chức các HĐGD, nhà giáo dục cần theo dõi, có những phương án hỗ trợ HS khi cần thiết.

Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lí các HĐ chuyên môn của trường trung học/trung tâm GD thường xuyên qua mạng đã nêu rõ quá trình GD mỗi chuyên đề cần được thiết kế thành các HĐGD của HS dưới dạng các nhiệm vụ học tập kế tiếp nhau, có thể được thực hiện trên lớp hoặc ở nhà. HS tích cực, chủ động và sáng tạo trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của nhà giáo dục. Trên cơ sở đó, khi phân tích HĐGD của nhà giáo dục cần tuân thủ quan điểm phân tích hiệu quả HĐ học của HS, đồng thời đánh giá việc tổ chức, kiểm tra, định hướng HĐ học cho HS của nhà giáo dục. Các tiêu chí cụ thể được đưa ra có thể đề cập (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2014):

***Bảng 1.2.*** *Các tiêu chí phân tích hoạt động giáo dục của giáo viên*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Tiêu chí** |
| **1. Kế hoạch và tài liệu giáo dục** | Mức độ phù hợp của chuỗi *HĐGD* với mục tiêu, nội dung và phương pháp GD được sử dụng. |
| Mức độ rõ ràng của mục tiêu, nội dung, kĩ thuật tổ chức và sản phẩm cần đạt được của mỗi *nhiệm vụ học tập.* |
| Mức độ phù hợp của *thiết bị GD và học liệu* được sử dụng để tổ chức các HĐ học của HS. |
| Mức độ hợp lí của phương án *kiểm tra, đánh giá* trong quá trình tổ chức HĐ học của HS. |
| **2. Tổ chức hoạt động học cho học sinh** | Mức độ sinh động, hấp dẫn HS của phương pháp và hình thức chuyển *giao nhiệm vụ* học tập. |
| Khả năng *theo dõi, quan sát, phát hiện* kịp thời những khó khăn của HS. |
| Mức độ phù hợp, hiệu quả của các *biện pháp hỗ trợ* và khuyến khích HS hợp tác, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập. |
| Mức độ hiệu quả HĐ của nhà giáo dục trong việc *tổng hợp, phân tích, đánh giá* kết quả HĐ và quá trình thảo luận của HS. |
| **3. Hoạt động của học sinh** | Khả năng *tiếp nhận và sẵn sàng* thực hiện nhiệm vụ học tập của tất cả HS trong lớp. |
| Mức độ *tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác* của HS trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập. |
| Mức độ tham gia tích cực của HS trong *trình bày, trao đổi, thảo luận* về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. |
| Mức độ *đúng đắn, chính xác, phù hợp* của các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS. |

hợp

1. Lựa chọn các hình thức và phương pháp giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực phù

Nhà giáo dục khi lựa chọn các hình thức và phương pháp GD phải tập trung, bỏ nhiều

sức lực, thời gian… vào việc chọn các hình thức và phương pháp GD phát triển PC, NL phù hợp nhằm đạt được mục tiêu GD một cách tối ưu.

Yêu cầu này đòi hỏi nhà giáo dục phải hiểu, vận dụng hệ thống các hình thức và phương pháp GD, đặc biệt là các hình thức và phương pháp có ưu thế trong việc phát huy PC, NL người học; có thể phân tích, so sánh được ưu điểm và hạn chế của từng phương pháp để lựa chọn phương pháp tổ chức HĐGD phù hợp với mục tiêu của từng HĐ, tạo ra chuỗi HĐ có sự phối hợp hiệu quả giữa các phương pháp. Nói cách khác, việc lựa chọn hình thức và phương pháp GD cần bám sát vào chuỗi HĐ và tập trung vào các phương pháp GD có khả năng phát triển PC, NL người học. Cụ thể, trước khi tổ chức HĐGD, nhà giáo dục cần đầu tư thời gian để thiết kế kế hoạch GD sao cho đạt được yêu cầu cần đạt; trong đó cần lựa chọn hình thức và phương pháp GD sao cho phù hợp với mục tiêu và nội dung GD. Các hình thức và phương pháp GD cần đảm bảo HS phải là chủ thể của HĐ học, là người chủ động tìm tòi, khám phá, phát hiện vấn đề. Có thể vận dụng phối hợp linh hoạt hình thức và phương pháp GD theo hướng tìm tòi khám phá, kết hợp với các hình thức và phương pháp GD tích cực, hiện đại có ưu thế trong việc phát triển PC, NL HS. Vì vậy, trong GD phát triển PC, NL, việc lựa chọn hình thức và phương pháp GD phát triển PC, NL phù hợp là yêu cầu đặc trưng, quan trọng.

1. Chú trọng rèn luyện cho học sinh phương pháp học tập, nghiên cứu

Nhà giáo dục chú trọng rèn luyện cho HS phương pháp học tập, nghiên cứu là việc nhà giáo dục lưu tâm đến tầm quan trọng của phương pháp học tập, nghiên cứu ở HS, từ đó hướng dẫn HS kiên trì luyện tập để hình thành phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học, phù hợp với đặc thù của từng môn học, HĐGD, góp phần tạo ra sự phát triển NL tự chủ và tự học. Tự học là một xu thế tất yếu, bởi vì quá trình GD thực chất là quá trình biến người học từ khách thể giáo dục thành chủ thể giáo dục (tự giáo dục). Tự học là mục tiêu cơ bản của quá trình GD. Bồi dưỡng NL tự học là phương cách tốt nhất tạo ra động lực mạnh mẽ cho quá trình học tập. Tự học giúp cho HS có thể chủ động học tập suốt đời, học tập để khẳng định PC, NL và để cống hiến.

Yêu cầu này đòi hỏi nhà giáo dục phải hiểu được giá trị của phương pháp học tập, nghiên cứu và có tâm thế hướng dẫn phương pháp học tập, nghiên cứu cho HS bao gồm việc giúp cho HS biết **cách xây dựng kế hoạch học tập**, biết cách đọc các tài liệu học tập, biết cách tự tìm lại những kiến thức đã có, biết cách lắng nghe và ghi chép trên lớp, biết cách suy luận để tìm tòi và phát hiện kiến thức mới phù hợp trong các môn học và HĐGD; biết quy trình nghiên cứu khoa học… Bên cạnh đó, nhà giáo dục phải tạo cơ hội và môi

trường phù hợp để giúp HS rèn luyện, biến những tri thức về phương pháp nêu trên thành NL tự chủ và tự học.

1. Tăng cường phối hợp hoạt động cá nhân và hoạt động hợp tác nhóm, lớp

Nhà giáo dục tăng cường phối hợp học tập cá thể với học tập hợp tác là việc nhà giáo dục đầu tư vào việc kết hợp giữa HĐ cá nhân với HĐ nhóm, phát huy nỗ lực của chính cá nhân trong HĐ nhóm. Điều này giúp HS có điều kiện để hình thành, phát triển cả về NL tự chủ và tự học lẫn NL giao tiếp và hợp tác.

Yêu cầu này đòi hỏi nhà giáo dục phải có khả năng khuyến khích HS cố gắng tự lực một cách độc lập, vừa hợp tác chặt chẽ với nhau trong quá trình tiếp cận, phát hiện và tìm tòi kiến thức mới. Lớp học trở thành môi trường giao tiếp thầy - trò và trò - trò nhằm vận dụng sự hiểu biết và kinh nghiệm của từng cá nhân, của tập thể trong giải quyết các nhiệm vụ học tập chung. Bên cạnh đó, nhà giáo dục cũng cần có khả năng tổ chức GD hợp tác, đặc biệt là việc thảo luận trong GD hợp tác. Thông qua thảo luận, tranh luận trong tập thể, ý kiến mỗi cá nhân được bộc lộ, khẳng định hay bác bỏ, qua đó người học phát triển khả năng của bản thân. Học tập hợp tác làm tăng hiệu quả học tập, nhất là trong lúc phải giải quyết những vấn đề phức tạp, lúc xuất hiện thực sự nhu cầu phối hợp giữa các cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ chung. Khả năng tổ chức các HĐ phối hợp học tập cá thể với học tập hợp tác của nhà giáo dục góp phần đáng kể trong việc phát triển NL tự chủ, tự học, giao tiếp, hợp tác đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực phù hợp cho các HĐ hợp tác xuyên quốc gia, liên quốc gia trong bối cảnh kinh tế thị trường hiện nay.

## Xu hướng hiện đại về phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực

### Phương pháp giáo dục

Phương pháp GD được hiểu là con đường, cách thức HĐ chung giữa nhà giáo dục và người được giáo dục trong những điều kiện GD xác định nhằm đạt tới mục tiêu GD được xác định.

Có nhiều hệ thống phân loại phương pháp GD khác nhau dựa trên những cơ sở khoa học khác nhau. Tài liệu này phân loại phương pháp GD theo ba bình diện là quan điểm về phương pháp GD (phương pháp GD theo nghĩa rộng), phương pháp GD cụ thể (theo nghĩa hẹp) và hành động, thao tác, thủ thuật trong từng phương pháp GD.

***Bảng 1.3.*** *Phân loại phương pháp giáo dục theo ba bình diện của phương pháp*

|  |  |
| --- | --- |
| **Ba bình diện của phương pháp giáo dục** | **Ví dụ** |
| **Quan điểm về phương pháp GD** (phương pháp GD nghĩa rộng) là những định hướng tổng thể cho các hành động, thường dựa trên  các lí thuyết học tập. | Phương pháp GD theo hướng lấy người học làm trung tâm, giải quyết vấn đề, khám phá, hợp tác, ứng dụng công nghệ  thông tin và truyền thông… |

|  |  |
| --- | --- |
| **Phương pháp GD cụ thể** (phương pháp giáo dục nghĩa hẹp) là cách thức HĐ của nhà giáo dục và HS, trong điều kiện GD xác định, nhằm  đạt được mục tiêu GD. | Thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thực hành, thảo luận nhóm, tình huống, đóng vai, trò chơi… |
| **Hành động, thao tác, kĩ thuật của phương pháp GD** là những cách thức hành động của nhà giáo dục và HS trong các tình huống nhỏ  nhằm thực hiện phương pháp GD trọn vẹn. | Công não, phòng tranh, mảnh ghép, sơ đồ tư duy, khăn trải bàn, bể cá… |

Trong tài liệu này, phương pháp GD được tiếp cận theo nghĩa chung, bao gồm quan điểm GD (phương pháp GD nghĩa rộng), phương pháp tổ chức HĐGD (phương pháp GD nghĩa hẹp) và cả các hành động, thao tác, kĩ thuật tổ chức HĐGD cụ thể để tiến hành phương pháp GD. Mỗi hình thức và phương pháp GD đều có đặc điểm, ưu điểm và hạn chế nhất định. Điều quan trọng là cần lựa chọn các hình thức và phương pháp GD phù hợp với khả năng của người được giáo dục, của nhà giáo dục; tính chất của HĐ cụ thể trong kế hoạch GD, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, địa phương nhằm đạt được mục tiêu GD đã đề ra. Trong GD phát triển PC, NL, cần chú trọng khai thác các hình thức và phương pháp GD tích cực cũng chính là các hình thức và phương pháp GD đặc trưng nhằm phát triển PC, NL người học để HS có cơ hội chủ động tham gia vào các HĐ học tập, từ đó phát triển các PC, NL cần thiết.

### Khái quát xu hướng hiện đại về phương pháp giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực

Ngày nay, GD phát triển PC, NL dần trở nên phổ biến trên thế giới. GD phát triển PC, NL thể hiện sự quan tâm tới việc người học làm được gì sau quá trình đào tạo chứ không thuần túy là chỉ biết được gì; quan tâm tới người dạy sẽ dạy như thế nào để hình thành PC, NL của người học chứ không phải chỉ là GD nội dung gì cho người học với mong muốn người học biết càng nhiều, càng sâu. GD hiện đại đặt ra hàng loạt các yêu cầu đối với các thành tố của HĐGD, trong đó, đặc biệt lưu tâm đến hình thức và phương pháp GD phát triển PC, NL cho người học.

Xu hướng hiện đại được hiểu là khuynh hướng, định hướng mang tính mới, tiên tiến. Xu hướng hiện đại về hình thức và phương pháp GD phát triển PC, NL được xem xét là định hướng lựa chọn và vận dụng các hình thức và phương pháp GD mới, tiên tiến nhằm phát triển PC, NL. Xu hướng hiện đại về hình thức và phương pháp GD phát triển PC, NL hiện nay dựa trên nền tảng khai thác các hình thức và phương pháp GD tích cực đã áp dụng thành công trong thực tiễn, được sử dụng nhằm phát triển PC, NL của người học một cách tối ưu.

Có thể xác định xu hướng hiện đại về hình thức và phương pháp GD phát triển PC, NL của HS dựa trên những thành tựu ban đầu về việc áp dụng thành công các hình thức và phương pháp GD phát triển PC, NL đáp ứng yêu cầu về mô hình nhân cách của HS hiện nay cũng như nhân cách lý tưởng của HS. Đơn cử như, cụ thể hóa mục tiêu GD phổ thông

của CT GDPT 2018 của Việt Nam nhằm giúp người học làm chủ kiến thức phổ thông; biết vận dụng hiệu quả kiến thức vào đời sống và tự học suốt đời; có định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp; biết xây dựng và phát triển hài hòa các mối quan hệ xã hội; có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú; nhờ đó có được cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại đòi hỏi việc khai thác, vận dụng xu hướng hiện đại về phương pháp, kĩ thuật GD phát triển PC, NL của HS để đạt được kết quả tối ưu. Cũng có thể xem xét *những kỹ năng của thế kỷ 21 được nhiều quốc gia trên thế giới xác nhận: giao tiếp, sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề...* đòi hỏi GD phải xem đây là mục tiêu cũng như nội dung để thực thi sao cho đạt kết quả cao nhất. Mặt khác, nhà giáo dục cũng phải sở hữu các kỹ năng này cũng như quán triệt trong chuỗi HĐGD được tổ chức cho HS.

Xu hướng hiện đại về hình thức và phương pháp GD phát triển PC, NL hiện nay đặt ra các yêu cầu khá đa dạng và phong phú. Tuy vậy, trên bình diện chung, có thể đề cập đến các định hướng lựa chọn và vận dụng phương pháp GD phát triển PC, NL như sau:

* Lựa chọn, vận dụng các hình thức và phương pháp GD rèn luyện phương pháp học, hình thành kĩ năng tự học, kĩ năng nghiên cứu khoa học; bồi dưỡng hứng thú và lòng say mê học tập cho HS như GD bằng sơ đồ tư duy, công não, tổ chức thực hiện dự án… Các hình thức và phương pháp GD đề cập ở xu hướng này không những góp phần triển khai các hoạt dộng học trong chuỗi HĐ học hiệu quả mà còn tỏ ra rất hiệu quả nhằm phát triển các PC, NL của HS.
* Lựa chọn, vận dụng các hình thức và phương pháp GD phát huy tính tích cực, độc lập nhận thức; phát triển tư duy sáng tạo ở HS như GD khám phá, giải quyết vấn đề, hợp tác… Ở xu hướng vận dụng các hình thức và phương pháp GD phát huy tính tích cực, sáng tạo của HS, đòi hỏi nhà giáo dục phải là người thiết kế, tổ chức thật hiệu quả dựa trên khả năng dự báo, dự đoán HĐ của HS. Hơn thế nữa, việc tương tác tích cực và hiệu quả với HS là yêu cầu quan trọng ở xu hướng sử dụng các hình thức và phương pháp GD này bởi những đặc trưng của chúng.
* Lựa chọn, vận dụng các hình thức và phương pháp GD hình thành và phát triển kĩ năng thực hành; phát triển khả năng giải quyết vấn đề trong thực tế cuộc sống như phương pháp thực hành, phương pháp thực nghiệm… Việc phát triển các kĩ năng thực hành, khả năng ứng dụng của HS đòi hỏi nhà giáo dục phải có NL thực tiễn, cũng như NL “sư phạm hóa” môi trường thực tiễn để phát huy khả năng, cảm xúc, hứng thú của HS thông qua đó phát triển PC, NL.
* Lựa chọn, vận dụng các hình thức và phương pháp GD gắn liền với các phương tiện GD hiện đại. Xu hướng này phản ánh mối quan hệ hữu cơ giữa hình thức và phương pháp GD và phương tiện GD. Nhà giáo dục cần phải khai thác các phương tiện GD, đặc biệt là các phương tiện hiện đại như các ứng dụng, công cụ công nghệ thông tin và truyền thông… nhằm đạt hiệu quả tối ưu trong GD. Việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông là xu hướng tỏ ra ưu thế trong GD hiện nay cũng như GD phát triển PC, NL bởi thông qua

công nghệ thông tin và truyền thông, chuỗi HĐGD diễn ra một cách hữu hiệu. Hơn thế nữa, khi tiếp xúc, khám phá, làm chủ công nghệ thông tin và truyền thông, HS có cơ hội phát triển các NL có liên quan cũng như phát triển các PC để đảm bảo sự thích ứng.

Định hướng lựa chọn và vận dụng các hình thức và phương pháp GD mới, tiên tiến nhằm phát triển PC, NL không tách rời nhau mà bổ sung cho nhau trong quá trình phát triển PC, NL người được giáo dục. Do đó, việc lựa chọn các hình thức và phương pháp GD cần phù hợp với khả năng của HS, của nhà giáo dục; tính chất của HĐ cụ thể trong chuỗi HĐGD hay kế hoạch GD, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, địa phương nhằm đạt được mục tiêu phát triển PC, NL đã đề ra.

### Một số định hướng về phương pháp giáo dục hiện đại phát triển phẩm chất, năng lực

* + - 1. *Giáo dục hợp tác*

1. Khái niệm

GD hợp tác là HĐGD trong đó nhà giáo dục tổ chức cho HS hình thành các nhóm hợp tác, cùng nhau nghiên cứu, trao đổi ý tưởng và giải quyết vấn đề do nhà giáo dục đặt ra. Từ đó, giúp HS tiếp thu một lượng kiến thức nhất định dựa trên cơ sở HĐ tích cực của từng cá nhân. Từng thành viên của nhóm không chỉ có trách nhiệm về việc học tập của mình mà còn có trách nhiệm quan tâm đến việc học tập của bạn bè trong nhóm. Mặc dù, có những định nghĩa khác nhau về GD hợp tác, nhưng chung quy lại, đó là GD trong đó nhà giáo dục tổ chức cho HS chia thành các nhóm, mỗi thành viên nhóm cùng phối hợp để giải quyết vấn đề nhà giáo dục đặt ra. Mỗi thành viên trong nhóm đều phải có trách nhiệm, hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau và đây cũng chính là sự khác biệt so với phương pháp GD truyền thống. Nếu GD truyền thống tạo ra sự cạnh tranh giữa các HS và chính vì cạnh tranh nên HS thường ít chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm cho nhau thì GD hợp tác lại tạo ra một bầu không khí tích cực, hỗ trợ nhau cùng phát triển.

GD hợp tác có một số đặc điểm sau đây:

* *Có HĐ xây dựng nhóm*: nhóm thường giới hạn thành viên do nhà giáo dục phân công, trong đó tính đến tỉ lệ cân đối về sức học, giới tính…; nhóm được xây dựng có thể gắn bó trong nhiều HĐ và có thể linh hoạt thay đổi theo từng HĐ.
* *Có sự phụ thuộc (tương tác) lẫn nhau một cách tích cực*: HS hợp tác với nhau trong những nhóm nhỏ. Có thể nói, tương tác (tương tác tự do hay tương tác vì nhiệm vụ học tập) giữa những người học trong khi làm việc cùng nhau là đòi hỏi tất yếu của GD hợp tác, có nghĩa là các thành viên trong nhóm không chỉ liên kết với nhau về mặt trách nhiệm mà còn có mối liên hệ tình cảm, đạo đức, lối sống; thành công của cá nhân chỉ mang ý nghĩa góp phần tạo nên sự thành công của nhóm.
* *Có ràng buộc trách nhiệm cá nhân - trách nhiệm nhóm:* Đây vừa là nguyên nhân vừa là điều kiện của nhóm học tập. Các cá nhân thể hiện trách nhiệm với bản thân và đối với các thành viên của nhóm, cùng hỗ trợ nhau trong việc thực hiện nhiệm vụ đặt ra; mỗi cá nhân cần có sự nỗ lực bản thân trong sự ràng buộc trách nhiệm của cá nhân và nhóm.
* *Hình thành và phát triển kĩ năng hợp tác:* HS nhận thức được tầm quan trọng của các kĩ năng học hợp tác. Trong HĐ học tập hợp tác, HS không chỉ nhằm lĩnh hội nội dung
* CT môn học, mà quan trọng là được thực hành và thể hiện, củng cố các kĩ năng xã hội (như kĩ năng lắng nghe, kĩ năng đặt câu hỏi - trả lời, kĩ năng sử dụng ngữ điệu khi giao tiếp…). Đây là tiêu chí để đánh giá GD hợp tác trong nhóm có đạt được hiệu quả hay không.

1. Cách tiến hành

Tiến trình GD hợp tác có thể chia ra làm 2 giai đoạn.

## Giai đoạn 1: Chuẩn bị

Trong bước này, nhà giáo dục cần thực hiện các công việc chủ yếu:

* Xác định HĐ cần tổ chức GD hợp tác (trong chuỗi HĐGD) dựa trên mục tiêu, nội dung của chủ đề.
* Xác định tiêu chí thành lập nhóm: theo trình độ của HS, theo ngẫu nhiên, theo sở trường của HS… Thiết kế các HĐ kết hợp cá nhân, theo cặp, theo nhóm để thay đổi HĐ tạo hứng thú và nâng cao kết quả học tập của HS.
* Xác định thời gian phù hợp cho HĐ nhóm để thực hiện có hiệu quả.
* Thiết kế các phiếu/ hình thức giao nhiệm vụ tạo điều kiện cho HS dễ dàng hiểu rõ nhiệm vụ và thể hiện rõ kết quả HĐ của cá nhân hoặc của cả nhóm, các bài tập củng cố chung hoặc dưới hình thức trò chơi học tập theo nhóm, từ đó, tăng cường sự tích cực và hứng thú của HS.

## Giai đoạn 2: Tổ chức hoạt động giáo dục hợp tác Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Nhà giáo dục tổ chức cho toàn lớp với các HĐ chính như giới thiệu chủ đề; thành lập các nhóm làm việc; xác định nhiệm vụ của các nhóm; xác định và giải thích nhiệm vụ cụ thể của các nhóm; xác định rõ mục tiêu cụ thể cần đạt được. Nhiệm vụ của các nhóm có thể giống nhau hoặc khác nhau.

## Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập có sự hợp tác

Các nhóm tự lực thực hiện nhiệm vụ được giao, trong đó có HĐ chính là chuẩn bị chỗ làm việc nhóm; lập kế hoạch làm việc; thỏa thuận về quy tắc làm việc; tiến hành giải quyết nhiệm vụ; chuẩn bị báo cáo kết quả trước lớp; xác định nội dung, cách trình bày kết quả.

## Bước 3. Trình bày và đánh giá kết quả của hoạt động hợp tác

Đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Nhà giáo dục hướng dẫn HS lắng nghe và phản hồi tích cực. Thông thường, HS trình bày bằng miệng hoặc trình bày với báo cáo kèm theo. Có thể trình bày có minh họa thông qua biểu diễn hoặc mẫu kết quả làm việc nhóm. Kết quả trình bày của các nhóm nên được chia sẻ với các nhóm khác, để các nhóm góp ý và là cơ sở để triển khai các nhiệm vụ tiếp theo. Sau khi HS nhận xét, phản hồi, nhà giáo dục cùng với HS tổng kết các kiến thức cơ bản. Cần tránh tình trạng nhà giáo dục giảng lại toàn bộ vấn đề HS đã trình bày.

1. Điều kiện sử dụng

Để tổ chức HĐGD hợp tác hiệu quả, cần lưu ý một số điều kiện sau:

* Nhiệm vụ học tập cần đủ khó để thực hiện GD theo nhóm (không nên tổ chức học tập theo nhóm với nhiệm vụ đơn giản, ít khó khăn) vì nếu nhiệm vụ quá dễ sẽ làm cho HĐ nhóm trở nên nhàm chán và chỉ mang tính chất hình thức.
* Không gian làm việc cần đảm bảo phù hợp để HS thuận tiện trong việc trao đổi và thảo luận (HS trong nhóm cần nghe và nhìn thấy nhau, đặc biệt là với hình thức thảo luận nhóm).
* Thời gian cũng cần đủ cho các thành viên nhóm thảo luận và trình bày kết quả một cách hiệu quả.

GD hợp tác có ưu thế hình thành các PC chủ yếu và các NL chung như sau:

***Bảng 1.4.*** *Bảng mô tả ý nghĩa của giáo dục hợp tác với phẩm chất chủ yếu và năng lực chung của học sinh*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phẩm chất** | ***Nhân ái*** | Có ý thức tôn trọng ý kiến của các thành viên trong  nhóm khi hợp tác |
| ***Trách nhiệm*** | Có ý thức hỗ trợ, hợp tác với các thành viên trong  nhóm để hoàn thành nhiệm vụ. |
| **Năng lực chung** | ***Tự chủ và tự học*** | Tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm khi hợp tác, tự quyết định cách thức thực hiện nhiệm vụ hợp tác, tự đánh giá về quá trình và kết quả thực  hiện nhiệm vụ hợp tác. |
| ***Giải quyết vấn đề và sáng tạo*** | Chủ động đề ra kế hoạch, cách thức thực hiện nhiệm vụ hợp tác, cách thức xử lí các vấn đề phát sinh một cách sáng tạo trong quá trình hợp tác nhằm đạt được  kết quả tốt nhất. |
| ***Giao tiếp và hợp tác*** | Tăng cường khả năng trình bày và diễn đạt ý tưởng; sự tương tác tích cực giữa các thành viên trong nhóm khi  thực hiện nhiệm vụ hợp tác. |

* + - 1. *Giáo dục tìm tòi, khám phá*

1. Khái niệm

GD tìm tòi, khám phá là cách thức tổ chức HĐGD, trong đó HS tự tìm tòi, khám phá phát hiện ra tri thức mới nào đó trong CT môn học thông qua các HĐ dưới sự hướng dẫn, định hướng của nhà giáo dục.

GD tìm tòi, khám phá có một số đặc điểm sau:

* HS phát triển quá trình tư duy liên quan đến việc khám phá và tìm hiểu thông qua quá trình quan sát, phân loại, đánh giá, tiên đoán, mô tả và suy luận;
* Nhà giáo dục sử dụng phương pháp GD đặc trưng hỗ trợ quá trình khám phá và tìm hiểu của HS;
* Giáo trình giảng dạy hay sách không phải là nguồn thông tin, kiến thức duy nhất cho

HS;

* Kết luận sau khi khám phá được đưa ra với mục đích thảo luận chứ không phải là

khẳng định cuối cùng;

* HS phải lập kế hoạch, tiến hành và đánh giá quá trình học của mình với sự hỗ trợ của nhà giáo dục.

1. Cách tiến hành

Tiến trình tổ chức HĐGD tìm tòi, khám phá gồm hai giai đoạn cơ bản.

## Giai đoạn 1: Chuẩn bị

Trong bước này, nhà giáo dục cần thực hiện các công việc chủ yếu:

* Xác định mục đích về PC, NL cần hình thành ở người học qua các HĐ học.
* Xác định vấn đề cần khám phá. Vấn đề được khám phá thường chứa đựng thông tin mới đặt dưới dạng câu hỏi hoặc bài tập nhỏ. Vấn đề khám phá cần phải vừa sức với HS.
* Xác định cách thức thu thập dữ liệu cần thiết cho việc đánh giá các giả thuyết trong quá trình HS tham gia HĐ học tập khám phá. Các dữ liệu thu được có thể là những quan sát trực tiếp của HS thông qua các hiện tượng thực tế hoặc thí nghiệm, các thông tin đọc được trong sách báo, tài liệu hoặc từ chính các trải nghiệm của HS.
* Xác định nội dung vấn đề học tập mà HS cần đạt được qua quá trình khám phá.
* Xác định cách thức báo cáo và đánh giá kết quả của HĐ khám phá. Nhà giáo dục có thể tổ chức hợp tác giữa các nhóm để thống nhất về nội dung kiến thức của vấn đề, tổ chức HĐ cho mỗi thành viên tự đánh giá, tự điều chỉnh rút ra tri thức khoa học.

Chuẩn bị phiếu học tập, các mô hình, hình ảnh, biểu đồ, thí nghiệm… như là phương tiện hướng dẫn HĐ khám phá.

## Giai đoạn 2: Tổ chức học tập khám phá

**Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**

Nhà giáo dục cần đảm bảo HS xác định rõ vấn đề cần khám phá, mục đích của việc khám phá đó cũng như cách thức HĐ trong quá trình khám phá.

## Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập khám phá

HS làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm đề xuất các giả thuyết về vấn đề được đặt ra. Tiếp đến, tiến hành thu thập các dữ liệu, thông tin thông qua các HĐ thí nghiệm, khảo sát và xử lí các dữ liệu để kiểm chứng giả thuyết đã đặt ra. HS có thể làm việc với các phiếu học tập, các mô hình, hình ảnh, biểu đồ… Sau đó, HS trao đổi, thảo luận về tính đúng đắn của các các giả thuyết được đưa ra.

## Bước 3. Trình bày và đánh giá kết quả của hoạt động

Nhà giáo dục tổ chức cho HS trình bày kết quả của HĐ khám phá. Từ đó, nhà giáo dục hướng dẫn HS lựa chọn những phán đoán, kết luận đúng để hình thành kiến thức mới.

1. Điều kiện sử dụng

Để đạt được hiệu quả cao khi áp dụng GD khám phá, nhà giáo dục cần lưu ý các điều kiện như sau:

* Đa số HS phải có những kiến thức, kĩ năng cần thiết để thực hiện các HĐ khám phá do nhà giáo dục tổ chức.
* Nhà giáo dục cần hiểu rõ khả năng khám phá của HS. Từ đó có sự hướng dẫn trong mỗi HĐ phải ở mức cần thiết, vừa đủ, đảm bảo cho HS phải hiểu chính xác các em phải làm gì trong mỗi HĐ khám phá.

GD khám phá có ưu thế hình thành các PC chủ yếu và các NL chung như sau:

***Bảng 1.5.*** *Bảng mô tả ý nghĩa của giáo dục tìm tòi, khám phá với phẩm chất chủ yếu và năng lực chung của học sinh*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phẩm chất** | ***Chăm chỉ*** | Chủ động thực hiện nhiệm vụ thu thập các dữ liệu để khám  phá vấn đề |
| ***Trung thực*** | Có ý thức báo cáo các kết quả đã thu thập chính xác, khách  quan để chứng minh hoặc phủ nhận giả thuyết đã đặt ra |
| ***Trách nhiệm*** | Tự giác hoàn thành công việc thu thập các dữ liệu mà bản thân được phân công, phối hợp với thành viên trong nhóm  để hoàn thành nhiệm vụ |
| **Năng lực chung** | ***Tự chủ và tự học*** | Tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm, tự quyết định cách thức thu thập dữ liệu, tự đánh giá về  quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | ***Giải quyết vấn đề và sáng tạo*** | Chủ động đề ra kế hoạch, cách thức thu thập dữ liệu, cách thức xử lí các vấn đề phát sinh một cách sáng tạo nhằm  đạt được kết quả tốt nhất. |

* + - 1. *Tổ chức giải quyết vấn đề*

1. Khái niệm

Tổ chức giải quyết vấn đề là HĐGD trong đó HS được đặt trong một tình huống có vấn đề, thông qua giải quyết vấn đề để giúp HS lĩnh hội được tri thức, kĩ năng và phương pháp nhận thức, đặc biệt là phát triển NL tư duy sáng tạo, NL giải quyết vấn đề. Tình huống có vấn đề sẽ xuất hiện khi một cá nhân đứng trước một nhiệm vụ, vấn đề cần giải quyết và bản thân chưa biết bằng cách nào, chưa đủ phương tiện (tri thức, kĩ năng…) để tự giải quyết nhưng có mong muốn giải quyết được nhiệm vụ, vấn đề này.

Tổ chức giải quyết vấn đề có các đặc điểm sau:

* HS được đặt vào tình huống có vấn đề chứ không phải được thông báo dưới dạng tri thức có sẵn. Vấn đề được đưa ra giải quyết cần vừa sức và gợi được nhu cầu nhận thức ở HS.
* HS không những được học nội dung học tập mà còn được học con đường và cách thức tiến hành dẫn đến kết quả đó. Nói cách khác, HS được học cách phát hiện và giải quyết vấn đề.

1. Cách tiến hành

Cách thức tiến hành theo các bước cụ thể như sau:

## Bước 1: Nhận biết vấn đề

Nhà giáo dục đưa người học vào tình huống có vấn đề hoặc nhà giáo dục có thể gợi ý người học tự tạo ra tình huống có vấn đề. Phát biểu vấn đề dưới dạng “mâu thuẫn nhận thức”, đó là mâu thuẫn giữa những cái đã biết với những cái chưa biết và HS muốn tìm tòi để giải quyết vấn đề mâu thuẫn đó.

## Bước 2: Lập kế hoạch giải quyết vấn đề

HS đề xuất giả thuyết giải quyết vấn đề, đưa ra các phương án và lập kế hoạch để giải quyết vấn đề theo giả thuyết đã đặt ra.

## Bước 3: Thực hiện kế hoạch

Thực hiện kế hoạch giải quyết vấn đề. Đánh giá việc thực hiện giả thuyết đặt ra đã đúng chưa, nếu đúng thì chuyển sang bước tiếp theo, nếu như chưa đúng thì quay trở lại bước 2 để chọn giả thuyết khác.

## Bước 4: Kiểm tra, đánh giá và kết luận

Nhà giáo dục tổ chức cho HS rút ra kết luận về cách giải quyết vấn đề trong tình huống đã được đặt ra, từ đó HS lĩnh hội được tri thức, kĩ năng của bài học hoặc vận dụng được những kiến thức, kĩ năng trong môn học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

1. Điều kiện sử dụng

Tổ chức giải quyết vấn đề có thể phát triển được khả năng tìm tòi, xem xét dưới nhiều góc độ khác nhau. Trong khi phát hiện và giải quyết vấn đề, HS sẽ huy động được tri thức và khả năng cá nhân, khả năng hợp tác, trao đổi, thảo luận với bạn bè để tìm ra cách giải quyết vấn đề tốt nhất. Để có thể áp dụng GD giải quyết vấn đề, nhà giáo dục cần lưu ý:

* Cần tạo ra tình huống có vấn đề phù hợp, thu hút HS vào quá trình tìm tòi để phát hiện và giải quyết vấn đề. Tuy nhiên, không phải nội dung GD nào cũng có thể phù hợp để xây dựng thành tình huống có vấn đề cho HS.
* Nếu giải quyết vấn đề được sử dụng cho các nhóm, vấn đề cần đủ phức tạp để đảm bảo rằng tất cả các HS là thành viên trong nhóm đều phải làm việc cùng nhau để giải quyết.
* Việc tổ chức tiết học hoặc một phần của tiết học theo phương pháp GD tổ chức giải quyết vấn đề đòi hỏi phải có thời gian phù hợp.
* Trong một số trường hợp, cần có thiết bị GD và các điều kiện phù hợp để thực hiện hiệu quả phương pháp giải quyết vấn đề, ví dụ các dụng cụ để làm thí nghiệm, các phương tiện tra cứu, khảo sát và thu thập thông tin…

Tổ chức giải quyết vấn đề có ưu thế hình thành các PC chủ yếu và các NL chung như sau:

***Bảng 1.6.*** *Bảng mô tả ý nghĩa của tổ chức giải quyết vấn đề với phẩm chất chủ yếu và năng lực chung của học sinh*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phẩm chất** | ***Chăm chỉ*** | Chủ động lập và thực hiện kế hoạch giải quyết vấn đề. |
| ***Trách nhiệm*** | Tự giác đề xuất giả thuyết và lập kế hoạch để giải quyết vấn đề theo giả thuyết đã đặt ra. |
| **Năng lực chung** | ***Tự chủ và tự học*** | Tự quyết định cách thức giải quyết vấn đề, tự đánh giá về quá trình và kết quả giải quyết vấn đề. |
| ***Giải quyết vấn đề và sáng tạo*** | Chủ động đề ra kế hoạch, cách thức giải quyết vấn đề, cách  thức xử lí các vấn đề phát sinh một cách sáng tạo khi giải quyết vấn đề nhằm đạt được kết quả tốt nhất. |

* + - 1. *Tổ chức thực hiện dự án*

1. Khái niệm

Dự án một kế hoạch cần được thực hiện trong điều kiện về thời gian, phương tiện tài chính, nhân lực, vật lực xác định nhằm đạt được mục đích đã đề ra. Trong GD, tổ chức thực hiện dự án, người học thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lí thuyết và thực hành, tạo ra các sản phẩm có thể giới thiệu. Nhiệm vụ này được người học thực hiện với tính tự lực cao trong toàn bộ quá trình học.

Trong HĐGD, tổ chức thực hiện dự án có các đặc điểm sau:

* Định hướng thực tiễn: chủ đề của dự án xuất phát từ những tình huống của thực tiễn xã hội, thực tiễn nghề nghiệp cũng như thực tiễn đời sống. Nhiệm vụ của dự án cần chứa đựng những vấn đề phù hợp với trình độ và khả năng nhận thức của người học. Các dự án học tập có ý nghĩa thực tiễn xã hội, góp phần gắn việc học tập trong nhà trường với thực tiễn đời sống, xã hội. Trong những trường hợp lí tưởng, việc thực hiện các dự án có thể mang lại những tác động xã hội tích cực.
* Định hướng hứng thú người học: Người học được tham gia chọn đề tài, nội dung học tập phù hợp với khả năng và hứng thú cá nhân. Ngoài ra, hứng thú của người học cần được tiếp tục phát triển trong quá trình thực hiện dự án.
* Mang tính phức hợp, liên môn: Nội dung dự án có sự kết hợp tri thức của nhiều lĩnh vực hoặc nhiều môn học khác nhau nhằm giải quyết một nhiệm vụ, vấn đề mang tính phức hợp.
* Định hướng hành động: Trong quá trình thực hiện dự án có sự kết hợp giữa nghiên cứu lí thuyết và vận dụng lí thuyết vào trong HĐ thực tiễn, thực hành. Thông qua đó, kiểm tra, củng cố, mở rộng hiểu biết lí thuyết cũng như rèn luyện kĩ năng hành động, kinh nghiệm thực tiễn của người học.
* Tính tự lực của người học: Trong tổ chức thực hiện dự án, người học cần tham gia tích cực, tự lực vào các giai đoạn của quá trình GD. Điều đó cũng đòi hỏi và khuyến khích tính trách nhiệm, sự sáng tạo của người học. Nhà giáo dục chủ yếu đóng vai trò tư vấn, hướng dẫn, giúp đỡ. Tuy nhiên, mức độ tự lực cần phù hợp với kinh nghiệm, khả năng của người học và mức độ khó khăn của nhiệm vụ.
* Cộng tác làm việc: Các dự án học tập thường được thực hiện theo nhóm, trong đó có sự cộng tác làm việc và sự phân công công việc giữa các thành viên trong nhóm. Tổ chức thực hiện dự án đòi hỏi và rèn luyện tính sẵn sàng và kĩ năng cộng tác làm việc giữa các thành viên tham gia, giữa HS và nhà giáo dục cũng như với các lực lượng xã hội khác tham gia trong dự án.
* Định hướng sản phẩm: Trong quá trình thực hiện dự án, các sản phẩm được tạo ra không chỉ giới hạn trong những thu hoạch lí thuyết, mà trong đa số trường hợp các dự án học tập tạo ra những sản phẩm vật chất của HĐ thực tiễn, thực hành. Những sản phẩm này có thể sử dụng, công bố, giới thiệu bằng nhiều hình thức khác nhau với các quy mô khác nhau.

1. Cách tiến hành

Trong GD, tổ chức thực hiện dự án cần được tiến hành theo ba giai đoạn:

## Giai đoạn 1: Chuẩn bị dự án

* **Đề xuất ý tưởng và chọn đề tài**: Đề tài dự án có thể nảy sinh từ sáng kiến của nhà giáo dục, HS hoặc của nhóm HS. HS là người quyết định lựa chọn đề tài, nhưng phải đảm bảo nội dung phù hợp với mục đích học tập, phù hợp CT và điều kiện thực tế. Để thực hiện

dự án, HS phải đóng những vai có thực trong xã hội để tự mình tìm kiếm thông tin và giải quyết công việc.

* **Chia nhóm và nhận nhiệm vụ:** Nhà giáo dục chia nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm HS và những yếu tố khác liên quan đến dự án. Trong công việc này, nhà giáo dục là người đề xướng nhưng cũng cần tạo điều kiện cho HS tự chọn nhóm làm việc.
* **Lập kế hoạch:** Nhà giáo dục hướng dẫn các nhóm HS lập kế hoạch thực hiện dự án, trong đó HS cần xác định chính xác chủ đề, mục tiêu, những công việc cần làm, kinh phí, thời gian và phương pháp thực hiện. Ở giai đoạn này, đòi hỏi ở HS tính tự lực và tính cộng tác để xây dựng kế hoạch của nhóm. Sản phẩm tạo ra ở giai đoạn này là bản kế hoạch dự án.

## Giai đoạn 2: Thực hiện dự án

Giai đoạn này, với sự giúp đỡ của nhà giáo dục, HS tập trung vào việc thực hiện nhiệm vụ được giao với các HĐ như: đề xuất các phương án giải quyết và kiểm tra, nghiên cứu tài liệu, tiến hành các thí nghiệm, trao đổi và hợp tác với các thành viên trong nhóm. Trong dự án, nhà giáo dục cần tôn trọng kế hoạch đã xây dựng của các nhóm, cần tạo điều kiện cho HS trao đổi, thu thập tài liệu, tìm kiếm thông tin. Các nhóm thường xuyên cùng nhau đánh giá công việc, chỉnh sửa để đạt được mục tiêu. Nhà giáo dục cũng cần tạo điều kiện cho việc làm chủ HĐ học tập của HS và nhóm HS, quan tâm đến phương pháp học của HS… và khuyến khích HS tạo ra một sản phẩm cụ thể, có chất lượng.

## Giai đoạn 3: Báo cáo và đánh giá dự án

HS thu thập kết quả, công bố sản phẩm trước lớp. Sau đó, nhà giáo dục và HS tiến hành đánh giá. HS có thể tự nhận xét quá trình thực hiện dự án và tự đánh giá sản phẩm nhóm mình và đánh giá nhóm khác. Nhà giáo dục đánh giá toàn bộ quá trình thực hiện dự án của HS, đánh giá sản phẩm và rút kinh nghiệm để thực hiện những dự án tiếp theo.

1. Điều kiện sử dụng

Để có thể áp dụng tổ chức thực hiện dự án, nhà giáo dục cần lưu ý một số điểm như sau:

* Tổ chức thực hiện dự án chỉ phù hợp để GD những nội dung gần gũi với thực tiễn cuộc sống, có nhiều nội dung thực hành. Các nội dung mang tính khoa học, lí thuyết thuần túy sẽ khó triển khai bằng tổ chức thực hiện dự án.
* Tổ chức thực hiện dự án đòi hỏi thời gian phù hợp. Tùy quy mô dự án, thời gian có thể kéo dài trong khoảng vài tiết học, tuần học… Vì thế, nhà giáo dục cần khéo léo sắp xếp khi xây dựng kế hoạch năm học trong bộ môn và nhà trường.

Tổ chức thực hiện dự án có ưu thế hình thành các PC chủ yếu và các NL chung như sau:

***Bảng 1.7.*** *Bảng mô tả ý nghĩa của tổ chức thực hiện dự án với phẩm chất chủ yếu và năng lực chung của học sinh*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phẩm chất** | ***Chăm chỉ*** | Thường xuyên thực hiện và theo dõi việc thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong dự án. |
| ***Trung thực*** | Có ý thức báo cáo chính xác, khách quan kết quả dự án đã thực hiện được. |
| ***Trách nhiệm*** | Có ý thức hoàn thành công việc mà bản thân được phân công, phối hợp với thành viên trong nhóm để hoàn thành  dự án. |
| **Năng lực chung** | ***Tự chủ và tự học*** | Tự lựa chọn đề tài dự án, tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm, tự quyết định cách thức thực hiện dự án, tự đánh giá về quá trình và kết quả thực hiện dự án. |
| ***Giải quyết vấn đề và sáng tạo*** | Chủ động đề ra kế hoạch, cách thức thực hiện dự án, cách thức xử lí các vấn đề phát sinh một cách sáng tạo nhằm  đạt được kết quả tốt nhất. |
| ***Giao tiếp và hợp tác*** | Tăng cường sự tương tác tích cực giữa các thành viên trong nhóm khi thực hiện dự án. |

* + - 1. *Kĩ thuật tổ chức hoạt động giáo dục*

Kĩ thuật tổ chức là những cách thức hành động, thủ thuật, thao tác của nhà giáo dục trong các tình huống cụ thể nhằm thực hiện và điều khiển HĐGD. Các kĩ thuật tổ chức HĐGD chưa phải là các phương pháp GD độc lập mà là những thành phần của phương pháp. Ví dụ, trong GD hợp tác có các kĩ thuật GD như: kĩ thuật chia nhóm, kĩ thuật khăn trải bàn, kĩ thuật phòng tranh, kĩ thuật các mảnh ghép…

Các kĩ thuật GD tích cực có ý nghĩa đặc biệt trong việc khuyến khích sự tham gia của HS vào quá trình GD, kích thích tư duy, sáng tạo và cộng tác làm việc của HS. Đây cũng chính là “công cụ” quan trọng góp phần phát triển PC, NL của HS. Một số kĩ thuật tổ chức HĐGD tích cực có thể được áp dụng thuận lợi trong làm việc nhóm, tuy nhiên chúng cũng có thể được kết hợp thực hiện trong các hình thức GD toàn lớp. Có những kĩ thuật tổ chức HĐGD sử dụng được ở các môn học, HĐGD khác nhau nhưng cũng có những kĩ thuật tổ chức HĐGD sử dụng như kĩ thuật tổ chức HĐGD đặc thù của môn học cụ thể. Điều này cho thấy, ngoài việc đầu tư lựa chọn phương pháp GD, nhà giáo dục cũng cần quan tâm đến việc lựa chọn kĩ thuật tổ chức HĐGD với các tiêu chí nhất định. Tuy nhiên, như đã phân tích, giữa phương pháp GD và kĩ thuật tổ chức HĐGD có mối quan hệ mật thiết, do đó việc lựa chọn phương pháp hay kĩ thuật không thể tách rời, có thể bắt đầu từ việc lựa chọn phương pháp GD với hàng loạt kĩ thuật tổ chức HĐGD có thể thực hiện trong phương pháp GD đó rồi tiếp tục với việc lựa chọn các kĩ thuật tổ chức HĐGD phù hợp trong từng tình huống nhất định.

## CÂU HỎI, BÀI TẬP

1. Phân biệt sự khác nhau giữa GD tiếp cận nội dung và GD phát triển PC, NL.
2. Trình bày một số nguyên tắc GD phát triển PC, NL.
3. Giải thích các xu hướng hiện đại về phương pháp GD phát triển PC, NL.
4. Phân tích các yêu cầu cần đạt của nội dung 1: Những vấn đề chung về phương pháp GD phát triển PC, NL khi hỗ trợ đồng nghiệp.

## NỘI DUNG 2. CÁC HÌNH THỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC

**HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ**

## Đặc điểm của Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

### Mục tiêu/yêu cầu cần đạt của Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

HĐTN, HN là HĐGD do nhà giáo dục định hướng, thiết kế và hướng dẫn thực hiện. HĐ tạo cơ hội cho HS tiếp cận thực tế, thể nghiệm các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng của các môn học để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình, xã hội phù hợp với lứa tuổi. HĐTN, HN góp phần hình thành, phát triển các PC chủ yếu, năng lực chung và các NL đặc thù cho HS.

Theo CT HĐTN, HN (2018), mục tiêu chung của HĐTN, HN là giúp hình thành và phát triển ở HS các PC chủ yếu và NL chung quy định trong CT tổng thể, được biểu hiện qua các NL đặc thù gồm NL thích ứng với cuộc sống, NL thiết kế và tổ chức HĐ, NL định hướng nghề nghiệp.

* + - * *Mục tiêu HĐTN, HN cấp THCS* giúp HS củng cố thói quen tích cực, nền nếp trong học tập và sinh hoạt, hành giao tiếp ứng xử có văn hoá và tập trung hơn vào phát triển trách nhiệm cá nhân: trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với gia đình, cộng đồng; hình thành các giá trị của cá nhân theo chuẩn mực chung của xã hội; hình thành và phát triển NL giải quyết vấn đề trong cuộc sống; biết tổ chức công việc một cách khoa học; có hứng thú, hiểu biết về một số lĩnh vực nghề nghiệp, có ý thức rèn luyện những PC cần thiết của người lao động và lập được kế hoạch học tập, rèn luyện phù hợp với định hướng nghề nghiệp khi kết thúc giai đoạn GD cơ bản.
      * *Yêu cầu cần đạt về PC chủ yếu của HS*: HĐTN, HN góp phần hình thành và phát triển các PC chủ yếu theo các mức độ phù hợp với mỗi cấp học đã được quy định trong CT tổng thể.
      * *Yêu cầu cần đạt về NL HS trung học:* HĐTN, HN giúp hình thành và phát triển ở HS các NL tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo được biểu hiện qua các NL đặc thù: NL thích ứng với cuộc sống, NL thiết kế và tổ chức HĐ, NL định hướng nghề nghiệp.

+ NL thích ứng với cuộc sống: đáp ứng được các yêu cầu trong đời sống hằng ngày và điều chỉnh bản thân để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống dựa trên sự hiểu biết về đặc điểm cá nhân và môi trường sống, dựa trên sự sẵn sàng thay đổi và chuẩn bị các điều kiện, các kĩ năng khác nhau cho hoàn cảnh mới.

+ NL thiết kế và tổ chức HĐ: lập được kế hoạch HĐ; thực hiện được các nhiệm vụ HĐ: tạo động lực cho bản thân, thu hút người khác, hỗ trợ và tìm kiếm sự hỗ trợ, tư duy độc lập, linh hoạt điều chỉnh HĐ, giải quyết vấn đề một cách sáng tạo; đánh giá được kết quả HĐ một cách khách quan.

+ NL định hướng nghề nghiệp: lựa chọn được hướng học tập hoặc nghề nghiệp phù hợp với sở thích, hứng thú, PC và NL của bản thân dựa trên những hiểu biết về nghề hoặc nhóm nghề và có kế hoạch hoàn thiện bản thân để đáp ứng yêu cầu của định hướng nghề nghiệp.

Toàn bộ 5 PC chủ yếu, 3 NL đặc thù của HĐTN, HN được mô tả chi tiết thành các yêu cầu cần đạt ứng với từng cấp học nói trên là định hướng căn bản cho GV khi tổ chức các HĐTN, HN ở trường THCS nhằm đạt được các PC chủ yếu và các NL chung. Việc tổ chức HĐTN, HN ứng với từng HĐGD cụ thể sẽ bám sát vào các yêu cầu cần đạt này. Tuỳ theo mục tiêu, yêu cầu cần đạt trong CT HĐTN, HN nói trên mà nhà giáo dục lựa chọn nội dung, vận dụng phương thức tổ chức HĐGD tương ứng. Và ngược lại khi lựa chọn nội dung, vận dụng một phương thức GD tích cực, nhà giáo dục sẽ góp phần tạo cơ hội để HS có thể đạt được các yêu cầu cần đạt về PC và NL đã quy định trong CT HĐTN, HN.

### Quan hệ giữa yêu cầu cần đạt - chỉ số với nội dung giáo dục, hình thức và phương pháp tổ chức Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Theo CT GDPT tổng thể (2018), các khái niệm về PC và NL được xác định như sau:

* PC: “là những tính tốt thể hiện ở thái độ, hành vi ứng xử của con người; cùng với NL tạo nên nhân cách con người”.
* NL: “là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kĩ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí... thực hiện thành công một loại HĐ nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể”. NL cốt lõi là NL cơ bản, thiết yếu mà bất kì ai cũng cần phải có để sống, học tập và làm việc hiệu quả. Từ đó, có thể xác định những đặc điểm chính của NL:

+ NL là sự kết hợp giữa tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện của người học;

+ NL là kết quả huy động tổng hợp các kiến thức, kĩ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí…;

+ NL được hình thành, phát triển thông qua HĐ và thể hiện sự thành công trong HĐ thực tiễn.

* *Yêu cầu cần đạt:* là kết quả mà HS cần đạt được về PC, NL sau mỗi cấp học, lớp học ở từng môn học và HĐGD”.
* *Chỉ số - chỉ báo* (indicators) đánh giá PC, NL HS sau mỗi HĐGD là các yêu cầu, chỉ tiêu mang tính mô tả và báo trước đối với PC, NL HS trong một nội dung cụ thể của mỗi HĐGD.

Trong CT HĐTN, HN (2018), mục tiêu về mỗi PC, NL đặc thù được xác định thành các NL thành phần, mục tiêu mỗi NL thành phần được mô tả thành các yêu cầu cần đạt cụ thể. Như vậy, có thể hiểu *yêu cầu cần đạt của mỗi PC, NL thành phần chính là các chỉ số*

*- chỉ báo của từng PC, NL thành phần đó trong từng HĐ trải nghiệm, hướng nghiệp cụ thể.* Việc xác định các yêu cầu cần đạt như là các chỉ số - chỉ báo cụ thể của NL thành phần trước khi tổ chức HĐ trải nghiệm, hướng nghiệp cụ thể sẽ định hướng cho việc xây dựng các nội dung HĐ, hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN cụ thể, đồng thời là căn cứ để quan sát, kiểm tra, đánh giá cá nhân từng HS đạt kết quả như thế nào phù hợp với yêu cầu cần đạt.

Trong CT HĐTN, HN, các yêu cầu cần đạt hay các chỉ số - chỉ báo về NL được diễn đạt bằng các động từ thể hiện mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về NL của người học. Một số động từ được sử dụng ở các mức độ khác nhau nhưng trong mỗi trường hợp thể hiện một hành động có đối tượng và yêu cầu cụ thể. Trong quá trình thiết kế và tổ chức HĐ, đặc biệt là khi đánh giá sự tiến bộ của HS, GV có thể dùng những động từ nêu trong bảng tổng hợp hoặc thay thế bằng các động từ có nghĩa tương đương cho phù hợp với nội dung, nhiệm vụ, HĐ cụ thể giao cho HS.

Có thể sơ đồ hóa cấu trúc biểu hiện mối quan hệ giữa các NL đặc thù - NL thành phần

* yêu cầu cần đạt (chỉ số) và nội dung chủ đề HĐ, hình thức, phương pháp trong HĐTN, HN như bảng sau:

***Bảng 2.1.*** *Mối quan hệ giữa yêu cầu cần đạt - chỉ số với nội dung, hình thức và phương pháp tổ chức Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năng lực đặc thù** | **Năng lực thành phần** | **Yêu cầu cần đạt - chỉ số** | **Nội dung chủ đề hoạt động** | **Hình thức, phương pháp tổ chức hoạt động** |
| Năng lực thích ứng với cuộc sống | Hiểu biết về bản thân và môi trường sống |  |  |  |
| Kĩ năng điều chỉnh bản thân và đáp ứng với sự thay đổi |  |  |  |
| Năng lực thiết kế và tổ chức  HĐ | Kĩ năng lập kế hoạch |  |  |  |
| Kĩ năng thực hiện kế hoạch và điều chỉnh  HĐ |  |  |  |
| Kĩ năng đánh giá HĐ |  |  |  |
| Năng lực định hướng nghề nghiệp | Hiểu biết vềnghềnghiệp |  |  |  |
| Hiểu biết và rèn luyện PC, năng lực liên quan đến nghề nghiệp |  |  |  |
| Kĩ năng ra quyết định và lập kế hoạch học tập theo định hướng  nghề nghiệp |  |  |  |

Mối quan hệ giữa yêu cầu cần đạt - chỉ số với nội dung chủ đề HĐ, hình thức và phương pháp trong HĐTN, HN trong bảng trên sẽ được thể hiện cụ thể trong tiến trình thiết kế và tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề.

### Định hướng chung về hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phát triển phẩm chất, năng lực học sinh Trung học cơ sở

Trong CT GDPT (2018), HĐTN, HN là HĐGD do nhà giáo dục định hướng, thiết kế và hướng dẫn thực hiện, tạo cơ hội cho HS tiếp cận thực tế, thể nghiệm các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng của các môn học và lĩnh vực GD để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình, xã hội phù hợp với lứa tuổi; thông qua đó, chuyển hoá những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, hiểu biết mới, kĩ năng mới góp phần phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với cuộc sống, môi trường và nghề nghiệp tương lai. Bản chất HĐ trải nghiệm là nhà giáo dục là người định hướng, tổ chức, hướng dẫn các loại hình HĐ, các mối quan hệ đa dạng, phong phú của HS, HS trực tiếp tham gia vào các HĐ và giao lưu này nhằm chuyển hóa một cách tích cực các chuẩn mực giá trị thành niềm tin, thái độ, hành động, hành vi ứng xử đúng đắn trong cuộc sống thực tiễn. HĐTN là HĐ của HS, do HS, vì HS dưới vai trò chủ đạo của nhà giáo dục.

CT HĐTN, HN (2018) đã định hướng chung phương thức tổ chức HĐTN là:

* Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS, làm cho mỗi HS đều sẵn sàng tham gia trải nghiệm tích cực.
* Tạo điều kiện cho HS trải nghiệm, sáng tạo thông qua các HĐ tìm tòi, vận dụng kiến thức và kinh nghiệm đã có vào đời sống, hình thành, phát triển kĩ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định dựa trên những tri thức và ý tưởng mới thu được từ trải nghiệm.
* Tạo cơ hội cho HS suy nghĩ, phân tích, khái quát hoá những trải nghiệm để kiến tạo kinh nghiệm, kiến thức và kĩ năng mới.
* Lựa chọn linh hoạt, sáng tạo các hình thức, phương pháp GD phù hợp: hình thức khám phá, tương tác, cống hiến, nghiên cứu; phương pháp tổ chức giải quyết vấn đề, tình huống, phương pháp thực hành, luyện tập, HĐ nhóm, đóng vai, trò chơi, khích lệ, động viên; phương pháp tạo sản phẩm và các phương pháp GD khác.

## Các hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phát triển phẩm chất, năng lực học sinh Trung học cơ sở

Thực chất tổ chức HĐTN, HN là HĐGD tổ chức theo phương thức trải nghiệm của HS. *Hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN, HN là cách thức nhà giáo dục tổ chức HS tham gia vào các HĐ trải nghiệm nhằm thực hiện mục tiêu của HĐTN, HN.* Mục tiêu cơ bản nhất của HĐTN, HN là phát triển NL, PC của HS, đặc biệt là NL giải quyết các vấn đề của cuộc sống hiện đại. Vì vậy, trong quá trình tổ chức HĐTN, HN cần kết hợp các hình thức và phương pháp tổ chức theo các loại hình HĐ nhằm phát triển NL thực tiễn của HS. Các hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN, HN được lồng ghép và tích hợp với nhau phù hợp với

nội dung và mục tiêu HĐTN, HN. CT HĐTN, HN (2018) quy định bốn hình thức tổ chức HĐTN, HN phổ biến như sau:

### Hình thức thể nghiệm, tương tác

Hình thức thể nghiệm, tương tác là cách tổ chức HĐ tạo cơ hội cho HS giao lưu, tác nghiệp và thể nghiệm ý tưởng như sân khấu tương tác (sân khấu hóa), diễn đàn, đóng kịch, hội thảo, hội thi, trò chơi và các hình thức tương tự khác.

* + - 1. *Phương pháp tổ chức hội thảo chuyên đề*
         1. Khái niệm

Phương pháp tổ chức hội thảo, hội nghị chuyên đề là cách thức nhà giáo dục tổ chức HĐ trải nghiệm cho HS bằng cách tổ chức, hướng dẫn HS cùng nhau trao đổi, thảo luận, tranh luận và chia sẻ các vấn đề xoay quanh một chủ đề GD nhất định, từ đó giúp HS đạt được một nhận thức chung và có được những thái độ phù hợp với những vấn đề đó. Các cuộc hội thảo, hội nghị chuyên đề phù hợp với HS trung học thường là các vấn đề mang tính giá trị, chuẩn mực hoặc khoa học và thực tiễn HS quan tâm.

Hội thảo, hội nghị chuyên đề có một số đặc trưng như: có những vấn đề hay chủ đề phù hợp với hứng thú và trình độ nhận thức chung của HS; có môi trường thuận lợi, an toàn để tất cả HS đều có cơ hội bày tỏ những ý kiến, quan điểm và chính kiến của mình; có sự tương tác giữa các cá nhân HS trong nhóm để cùng nhau giải quyết vấn đề một cách thiện chí và dân chủ; mọi ý kiến của cá nhân đều được chấp nhận và tôn trọng; có người điều hành.

* + - * 1. Cách tiến hành

*Bước 1: Xây dựng kế hoạch tổ chức hội thảo*

* *Lựa chọn chủ đề và đặt tên cho hội thảo:* Căn cứ vào bốn mạch nội dung chính trong HĐTN, HN với các nội dung HĐ cụ thể, GV chọn các chủ đề hay vấn đề nổi bật, thu hút được sự quan tâm của HS hoặc gắn liền với các sự kiện xã hội tại thời điểm tổ chức hội thảo. Chẳng hạn: Hội thảo về khám phá bản thân; định hướng nghề nghiệp; vững bước vào đời; phương pháp học tập hiệu quả; phương pháp học ngoại ngữ hiệu quả, GD giới tính cho HS… Tên hội thảo cần tạo được ấn tượng, thu hút HS; đảm bảo phản ánh đúng mục tiêu, nội dung HĐTN, HN.
* *Xác định mục tiêu hội thảo:* Nêu rõ mục tiêu của hội thảo, người thiết kế trả lời câu hỏi: Muốn HS đạt được gì với hội thảo? Các thông điệp và sự kiện liên quan nào mà HS sẽ thu hoạch được khi tham gia hội thảo?
* *Xác định thời gian và địa điểm tổ chức hội thảo:* Khi tổ chức hội thảo, cần xác định phạm vi hay quy mô tổ chức: cấp lớp/khối/trường; hội thảo có thể được tổ chức trong một tiết học trong lớp hoặc dài hơn (nhiều buổi) tùy vào mục đích của hội thảo (cung cấp thông tin, thảo luận vấn đề, tập huấn kĩ năng…) do ban tổ chức xác định thời gian hợp lí. Cần xác định rõ các mốc thời gian cụ thể theo từng giai đoạn tổ chức một hội thảo, như: Lập kế

hoạch - Trình duyệt kế hoạch - Công tác chuẩn bị -Tổ chức thực hiện - Đánh giá, rút kinh nghiệm.

* *Dự kiến các nguồn lực cần huy động (nhân lực, vật lực, tài lực):* Thành viên nào sẽ tham gia ban tổ chức, hội thảo? Ai là người điều phối chính? Ai là người chuẩn bị nội dung? Ai phụ trách hậu cần? Cơ sở vật chất để tổ chức hội thảo ra sao? Cần có thiết bị, phương tiện kĩ thuật nào? Dự trù kinh phí tổ chức hội thảo, bao gồm các chi phí cho mời báo cáo viên (nếu có), in ấn, trang trí, quà tặng khi tương tác với HS tham gia hội thảo…

*Bước 2: Chuẩn bị hội thảo chuyên đề*

* GV thông báo những nội dung của chuyên đề đến HS.
* Gợi ý những tài liệu cần thiết cho HS nghiên cứu, tham khảo để HS chuẩn bị cho thảo luận.
* Thông báo về thời gian, kế hoạch tổ chức HĐ.
* Giao trách nhiệm cho cán bộ lớp chuẩn bị và triển khai tổ chức thảo luận.
* Họp với cán bộ lớp kiểm tra, rà soát các nội dung công tác, giải quyết những vấn đề khó khăn.
* Phân công các nhiệm vụ khác như trang trí, dẫn CT, chuẩn bị về cơ sở vật chất, văn nghệ, mời đại biểu...
* Cử người điều khiển thảo luận, cần chú trọng đến những người có khả năng ứng xử tốt.
* Chuẩn bị một số tiết mục văn nghệ, các video, đoạn phim, phóng sự… về chủ đề để xen kẽ trong hội thảo.
* Họp báo cáo kết quả chuẩn bị với GV trước ngày tổ chức thảo luận, kịp thời giải quyết những vướng mắc (nếu có).

*Bước 3: Tiến hành thảo luận nhóm*

* Người dẫn CT tuyên bố lí do, giới thiệu đại biểu.
* Người điều khiển thông báo CT hội thảo, nêu các vấn đề cần thảo luận.
* Tiến hành thảo luận theo các vấn đề đã nêu. Người điều khiển khéo dẫn dắt, kêu gọi sự mạnh dạn, tích cực của mọi người tham gia để thảo luận sôi nổi và có kết quả. Kết hợp sự tự nguyện của mỗi HS và mời các đại biểu của các tổ, nhóm đã chuẩn bị.
* Xen kẽ một số tiết mục văn nghệ, tiểu phẩm, các đoạn phim, phóng sự… liên quan đến chủ đề để tạo không khí sôi nổi, vui nhộn và đỡ nhàm chán cho thảo luận.
* Khi gặp khó khăn, có thể có sự tham gia của các cố vấn hay GV chủ nhiệm: gợi ý, nêu lên các vấn đề hay hướng dẫn để giúp HS thảo luận sôi nổi và đúng hướng.

*Bước 4: Kết thúc hội thảo chuyên đề*

* Người điều khiển tổng kết những kết quả.
* Người điều khiển mời GV lên nhận xét, đánh giá và định hướng cho các HĐ sắp tới.
* Kết thúc hội thảo.
  + - * 1. Định hướng sử dụng

Mục đích tổ chức hội thảo, hội nghị chuyên đề nhằm tạo tạo cơ hội cho HS được bày tỏ những ý kiến, những quan điểm của mình một cách dân chủ, tự tin để kiểm chứng hay để tự khẳng định và tự điều chỉnh. HS được cùng nhau chia sẻ, trao đổi thông tin, hợp tác để giải quyết các vấn đề, thông qua đó giúp nhau hiểu một cách đúng đắn về những vấn đề được thảo luận; đặc biệt đây là hình thức phát triển cho HS các NL ngôn ngữ, biết thuyết phục người khác, biết bảo vệ chính kiến của mình, biết lắng nghe và chia sẻ, biết hợp tác.

Nội dung và cách thức tổ chức của hội thảo chuyên đề khá đa dạng và phong phú do đó hình thành được nhiều PC, NL của HS như trách nhiệm, nhân ái, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, thiết kế và tổ chức HĐ, định hướng nghề nghiệp, thích ứng với cuộc sống... Hội thảo chuyên đề được sử dụng rất linh hoạt cho nhiều chủ đề ở mọi thời gian và không gian khác nhau, không đòi hỏi phải tốn kém nhiều thời gian và công sức cho việc chuẩn bị cũng như tổ chức thảo luận. Vì vậy, nhà giáo dục có thể tổ chức hội thảo chuyên đề trong tiết sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp chủ nhiệm lớp hàng tuần, trong loại hình HĐGD thường xuyên theo các chủ đề GD và thích hợp để tổ chức theo lớp HS với thời gian ngắn khoảng 1 tiết.

Trong HĐ hội thảo chuyên đề, phương pháp thảo luận theo nhóm được sử dụng phổ biến. Nhà giáo dục chia HS thành nhóm nhỏ, nêu vấn đề và chuyển giao nhiệm vụ giải quyết cho các nhóm HS, hướng dẫn nhóm HS thảo luận, giải quyết các vấn đề trong chuyên đề nhằm thực hiện mục tiêu HĐ trải nghiệm về nhận thức, về luyện tập, vận dụng. Ngoài ra, nhà giáo dục kết hợp tổ chức trò chơi nhận thức, trò chơi ô chữ, thi văn nghệ, kể chuyện để tạo không khí vui vẻ, thoải mái cho HS trong tiến trình hội thảo chuyên đề.

* + - * 1. Điều kiện sử dụng
* Thành lập nhóm chuyên môn để xây dựng kế hoạch và chuẩn bị các nội dung vấn đề hội thảo, hội nghị.
* Liên hệ và mời chuyên gia về nội dung vấn đề hội thảo, hội nghị để được tư vấn, hỗ trợ và giải đáp các việc phát sinh trong quá trình thực hiện.
* Có kinh phí hỗ trợ cho các chuyên gia tham gia hội thảo, hội nghị.
  + - 1. *Phương pháp tổ chức diễn đàn, giao lưu*
         1. Khái niệm

*Diễn đàn* trong trường học là cách thức nhà giáo dục ổt chức HĐ trải nghiệm cho HS, trong đó HS được tiếp xúc, trò chuyện, trao đổi, công khai bày tỏ ý kiến, quan điểm, tình cảm của mình về một chủ đề GD nhất định bằng cách tham luận, thảo luận, tương tác với chuyên gia, nhân vật điển hình và với các thành viên tham gia. Trong diễn đàn, nhà giáo

dục hoặc chuyên gia đưa ra các kết luận phù hợp với chủ đề và với HS để định hướng, GD cho HS có nhận định và hành động khách quan, đúng đắn về vấn đề đã lựa chọn, HS có nhận thức, tình cảm và thái độ phù hợp, có được định hướng đúng đắn để vươn lên trong học tập, rèn luyện và hoàn thiện nhân cách.

HĐ diễn đàn, giao lưu có một số đặc trưng như: phải có những đối tượng để HS tương tác, giao lưu là những chuyên gia, nhân vật điển hình thành đạt trong các lĩnh vực nào đó, thực sự là tấm gương sáng để HS noi theo, phù hợp với nhu cầu hứng thú của HS; thu hút sự tham gia đông đảo và tự nguyện của HS, được HS quan tâm và hào hứng; phải có sự trao đổi thông tin, tình cảm trung thực, chân thành và sôi nổi giữa HS với các đối tượng tương tác, giao lưu; những vấn đề trao đổi phải thiết thực, liên quan đến lợi ích và hứng thú của HS, đáp ứng nhu cầu của HS.

* + - * 1. Cách tiến hành

*Bước 1: Lập kế hoạch hoạt động diễn đàn*

* Lựa chọn tên chủ đề cho diễn đàn, giao lưu: Tên chủ đề diễn đàn cần tạo được ấn tượng, thu hút HS, phản ánh đúng nội dung HĐ trải nghiệm; đặc biệt, tên diễn đàn cần có tính mở hoặc nhận định chứa nhiều mâu thuẫn hoặc dạng câu hỏi nên hay không nên, đồng ý hay không đồng ý…
* Xác định mục tiêu diễn đàn: Nêu rõ mục tiêu của diễn đàn, trả lời câu hỏi: Muốn đạt được gì với diễn đàn? Các thông điệp và sự kiện liên quan nào mà HS sẽ thu hoạch được khi tham gia diễn đàn? Mục tiêu cần được xác định ở 3 khía cạnh: nhận thức, kĩ năng, thái độ.
* Lựa chọn nội dung và cách thức tổ chức diễn đàn: có 4 nhóm nội dung chính trong HĐ trải nghiệm với các lĩnh vực cụ thể. GV chọn các chủ đề hay vấn đề nổi bật, thu hút được sự quan tâm của HS hoặc gắn liền với các sự kiện xã hội tại thời điểm tổ chức diễn đàn.
* Xác định đối tượng tương tác, giao lưu cho phù hợp với những nội dung đã định.
* Quy mô diễn đàn và thành phần tham gia diễn đàn: Diễn đàn được tổ chức trong phạm vi lớp hay khối, toàn trường. Thành phần GV và HS trong một lớp, tập thể GV và HS, có sự tham gia của cha mẹ HS, các lực lượng GD khác.
* Xác định thời gian và địa điểm tổ chức diễn đàn: Việc dự kiến thời gian và địa điểm tổ chức cụ thể tùy thuộc các yếu tố như: lịch học tập của HS, lịch làm việc của nhà trường, cha mẹ HS, diễn giả khách mời… Cần xác định rõ các mốc thời gian cụ thể theo từng giai đoạn tổ chức một diễn đàn từ lập kế hoạch, trình duyệt kế hoạch, công tác chuẩn bị, tổ chức thực hiện đến đánh giá, rút kinh nghiệm.
* Dự kiến các nguồn lực cần huy động: con người, cơ sở vật chất, tài chính, công nghệ thông tin và truyền thông, và các điều kiện hỗ trợ khác.
* Lập bản chi tiết CT HĐ cụ thể của diễn đàn.

*Bước 2: Chuẩn bị các điều kiện tổ chức diễn đàn*

Chuẩn bị các điều kiện để đảm bảo cho diễn đàn được diễn ra thành công gồm:

* *Nhân sự:* phân công trách nhiệm rõ ràng cho từng thành viên, đặc biệt chọn người làm chủ tọa diễn đàn. Người làm chủ tọa diễn đàn nên là người tham gia vào toàn bộ quy trình tổ chức, thực hiện diễn đàn, là người có kinh nghiệm, đưa ra các lời khuyên hữu ích từ khâu lập kế hoạch, chuẩn bị tham luận, huy động các nguồn lực và đề xuất những cách thức khuyến khích sự tương tác giữa những người tham gia diễn đàn. Chủ tọa là người điều phối diễn đàn, đóng vai trò như một cầu nối quan trọng, kết nối với diễn giả khách mời và người báo cáo tham luận, chịu trách nhiệm và có kinh nghiệm dẫn dắt diễn đàn một cách toàn diện và hiệu quả, có khả năng đánh giá ý kiến của người tham gia, suy nghĩ khoa học, hệ thống và nhanh nhạy, có kĩ năng giao tiếp tốt, là người định hướng tốt cả về nội dung lẫn quy trình diễn đàn, có khả năng duy trì sự tích cực, khách quan của diễn đàn, kịp thời định hướng lại khi các ý kiến phát biểu đi lệch khỏi mục tiêu và nội dung của diễn đàn.

Nếu trong trường hợp quy mô tổ chức cấp khối hoặc cấp trường, cần mời các diễn giả, các tham luận, phải thông báo với diễn giả, tham luận viên về mục tiêu và chủ đề của diễn đàn, thống nhất về khung thời gian cho phần trình bày, diễn thuyết; có hay không việc sử dụng phương tiện, thiết bị kĩ thuật hỗ trợ (PowerPoint, video…); thời lượng và hình thức dành cho phần đặt câu hỏi tương tác của người tham gia. Nếu cần thiết, người điều phối có thể nhận trước bản thuyết trình của diễn giả hay các bài tham luận, để đảm bảo rằng diễn đàn được diễn ra suôn sẻ.

* *Công tác hậu cần:* Dù diễn đàn được tổ chức ở quy mô lớn hay nhỏ thì công tác hậu cần vẫn phải được sắp xếp một cách chu đáo, đảm bảo diễn đàn diễn ra thành công và HS và các bên liên quan khi tham gia sẽ cảm thấy thoải mái. Cần chuẩn bị kĩ những cơ sở vật chất, trang thiết bị kĩ thuật để tổ chức diễn đàn, địa điểm tổ chức. Dự trù kinh phí tổ chức diễn đàn, bao gồm các chi phí: mời báo cáo viên, in ấn, trang trí, quà tặng khi tương tác với HS tham gia diễn đàn. Công tác truyền thông về diễn đàn: thư mời (báo cáo viên, cha mẹ HS, Ban Giám hiệu, GV, các lực lượng GD khác nếu có).
* Đối với quy mô tổ chức diễn đàn lớn cần lưu ý đến một số công việc hậu cần đặc biệt cần quan tâm trong quá trình tổ chức diễn đàn như liên hệ mở cửa phòng học, kiểm tra việc sắp xếp chỗ ngồi; kết nối các thiết bị nghe, nhìn (laptop, máy chiếu, micro, loa); phục vụ nước uống, thức ăn nhẹ (nếu có); đón tiếp đại biểu, khách mời; điểm danh số lượng HS và các bên liên quan tham gia (nếu có); theo dõi tổng quát tiến trình, thời lượng diễn đàn; điều phối toàn bộ diễn đàn; ghi chép ý kiến, phản hồi của HS, người tham gia; chụp ảnh, ghi hình làm tư liệu, minh chứng tổ chức diễn đàn; dọn dẹp vệ sinh, đảm bảo hoàn trả lại tình trạng vốn có của địa điểm tổ chức diễn đàn.

*Bước 3: Thực hiện diễn đàn*

Diễn đàn được tiến hành theo các cách thức đa dạng và sáng tạo tùy thuộc vào Ban Tổ chức hay diễn giả, thường một diễn đàn gồm các nội dung chính sau:

* Tuyên bố lí do, giới thiệu đại biểu, chủ trì và thành phần tham gia diễn đàn, thông qua CT diễn đàn.
* Tiến hành trao đổi, tương tác, tranh luận theo các vấn đề đã nêu cụ thể liên quan đến chủ đề đã lựa chọn. Người điều khiển phải khéo léo dẫn dắt, điều khiển để những người tham gia trao đổi, thảo luận, nêu quan điểm cũng như các ý kiến thắc mắc. Ở bước này, cần khơi gợi sự mạnh dạn, tích cực của mọi người tham gia để thảo luận sôi nổi và có kết quả, cần kết hợp sự tự nguyện của mỗi HS và mời các đại biểu của các tổ, nhóm đã chuẩn bị. Khi gặp khó khăn, có thể có sự tham gia của các cố vấn hay GV chủ nhiệm: gợi ý, nêu lên các vấn đề hay hướng dẫn để giúp HS thảo luận sôi nổi và đúng hướng.
* Xen kẽ một số tiết mục văn nghệ, tiểu phẩm để tạo không khí sôi nổi, vui nhộn và đỡ nhàm chán cho thảo luận.
* Phát biểu cảm tưởng của chuyên gia, diễn giả, khách mời tham dự, của đại biểu HS về nghĩa của buổi giao lưu.

*Bước 4: Tổng kết diễn đàn*

Sau khi diễn đàn kết thúc, cần có biên bản diễn đàn. Biên bản ghi chép lại toàn bộ HĐ diễn ra trong diễn đàn, bao gồm: thời gian - địa điểm, nội dung báo cáo tham luận, ý kiến đóng góp của HS và giải đáp của ban tổ chức diễn đàn. Ngoài ra, sau mỗi HĐ, cần có bước đánh giá, rút kinh nghiệm. Đánh giá để xác định mức độ đạt được các mục tiêu đề ra, phát hiện những sai sót và đề xuất những biện pháp để điều chỉnh trong những lần tổ chức tiếp theo, ngày càng cải thiện hiệu quả tổ chức các HĐ trải nghiệm theo hình thức này.

* + - * 1. Định hướng sử dụng

Diễn đàn là môi trường để HS được tự do, tự tin chia sẻ, bày tỏ ý kiến, trao đổi quan điểm của cá nhân và được tôn trọng. Đồng thời, đây cũng là môi trường quan trọng để GD các kĩ năng giao tiếp quan trọng của HS như: kĩ năng tham luận, tranh luận trước đám đông, kĩ năng cho và nhận thông tin phản hồi, kĩ năng thuyết phục, kĩ năng thương lượng, kĩ năng hợp tác… Diễn đàn tạo ra cơ hội cho HS kiểm chứng các ý kiến, quan điểm của cá nhân so với chuẩn mực xã hội. Diễn đàn là phương tiện để HS điều chỉnh những quan điểm, ý kiến cá nhân nếu nó chưa phù hợp với các chuẩn mực của xã hội đề ra. Diễn đàn, giao lưu cũng tạo điều kiện để HS thiết lập và mở rộng mối quan hệ xã hội, giúp HS gần gũi nhau, tăng cường hiểu biết lẫn nhau, chia sẻ và cảm thông, hình thành những tình cảm lành mạnh. Tùy theo nội dung, cách thức tổ chức HĐ diễn đàn, giao lưu mà nhiều PC, NL như: yêu nước, trách nhiệm, chăm chỉ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, thiết kế và tổ chức HĐ, định hướng nghề nghiệp... được hình thành và phát triển.

HĐ diễn đàn được sử dụng ở quy mô lớp, quy mô khối lớp hoặc toàn trường. Tùy thuộc vào nội dung chủ đề diễn đàn và thời gian, địa điểm tổ chức để xác định quy mô phù hợp. Trong tổ chức HĐ diễn đàn, nhà giáo dục hoặc chuyên gia có thể sử dụng cách thức nêu vấn đề và tạo các tình huống có vấn đề về chủ đề GD để định hướng tư duy HS, từ đó dẫn dắt HS giải quyết vấn đề và trình bày, trao đổi quan điểm của mình, bảo vệ ý kiến, quan điểm cá nhân hoặc phản biện ý kiến, quan điểm của bạn. Nhà giáo dục là người phân tích, giải thích, bổ sung, uốn nắn, hoàn thiện các quan điểm của HS để hướng HS hiểu đúng về

các vấn đề của chủ đề GD. Các phương pháp hỗ trợ khác để tạo không khí vui tươi, hào hứng, giảm căng thẳng cho HS như tổ chức trò chơi đố vui, trò chơi nhận thức xen kẽ các tiết mục văn nghệ của cá nhân hoặc nhóm HS. Trong một số diễn đàn, có thể mời cha mẹ, các khách mời liên quan đến nội dung diễn đàn để cùng lắng nghe, chia sẻ và tương tác với HS như diễn đàn “Nghe học sinh nói, nói học sinh nghe”, “Thiếu niên nói”...

* + - * 1. Điều kiện sử dụng
* Không gian lớp học, không gian trường phải đáp ứng được qui mô và thời gian tổ chức diễn đàn.
* Thông báo trước cho HS chủ đề diễn đàn, các nguồn học liệu để tìm kiếm, khai thác thông tin phục vụ cho diễn đàn.
* Một số cách thức tổ chức diễn đàn cần có sự hỗ trợ của nền tảng công nghệ thông tin và nội qui HĐ của diễn đàn.
  + - 1. *Phương pháp tổ chức trò chơi*
         1. Khái niệm

Phương pháp tổ chức trò chơi là cách thức tổ chức cho HS tìm hiểu một vấn đề hay thực hiện những hành động, việc làm hoặc hình thành thái độ thông qua một trò chơi cụ thể.

Một số đặc trưng cơ bản của trò chơi là: trò chơi là một HĐ tự do, tự nguyện, không gò ép hoặc bắt buộc HS chơi các trò chơi không đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng; trò chơi được giới hạn bởi không gian và thời gian, quy mô, điều kiện, vật chất, số lượng người chơi phù hợp; trò chơi là một HĐ tạo sự hấp dẫn, lôi cuốn manh mẽ đối với HS; trò chơi là một HĐ có quy tắc (luật chơi) nhất định và vì vậy sẽ tạo nên không khí bình đẳng giữa người tham gia trò chơi; trò chơi là một HĐ giả định, là tổng hợp những hành vi không bình thường; nhưng ai cũng có thể thực hiện được nếu cố gắng hơn, kiên trì hơn, dũng cảm hơn mức bình thường; trò chơi là một HĐ mang tính sáng tạo.

Phương pháp tổ chức trò chơi có nhiều chức năng như chức năng GD, chức năng giao tiếp, chức năng văn hóa, chức năng giải trí. Một số ưu điểm của trò chơi trong việc phát triển PC, NL HS như sau:

* Trò chơi phát triển tốt các PC nhân cách cho HS như tính tập thể, hợp tác, kỷ luật, sáng tạo, tự chủ, tích cực, sự nỗ lực ý chí, lòng dũng cảm, tự tin, thân thiện, bao dung, những tình cảm đạo đức, tình cảm thẩm mĩ lành mạnh...
* Trò chơi góp phần nâng cao thể lực, rèn luyện kĩ năng vận động nhanh nhẹn, dẻo dai và bền bỉ của cơ bắp, phát triển tốt các chức năng của các giác quan (thị giác, xúc giác, khứu giác, thính giác...), thần kinh nhạy bén, phát triển tốt các PC, NL tư duy sáng tạo, linh hoạt.
* Trò chơi là một phương tiện GD HS về trí tuệ, hấp dẫn và gây hứng thú cho HS HĐ nhận thức, HS dễ tiếp thu nội dung tri thức mới, chuyển tải nhiều tri thức, kĩ năng của nhiều

lĩnh vực khác nhau (tự nhiên, xã hội, về khoa học - kĩ thuật, văn hóa, nghệ thuật…) phát triển tốt các NL tư duy, trí nhớ, ngôn ngữ, tưởng tượng (đặc biệt là các trò chơi trí tuệ và trò chơi sáng tạo, các trò chơi dân gian, trò chơi lễ hội). HĐ chơi đòi hỏi HS tư duy, ứng dụng tri thức vào hành động, phát triển NL thực hành.

* Trò chơi tạo cơ hội để HS tham gia vào các mối quan hệ giao tiếp, phát triển NL giao tiếp bạn bè một cách tự nhiên và dễ dàng đồng thời trò chơi là một phương thức giải trí tích cực và hiệu quả, giúp HS tái tạo NL thần kinh và cơ bắp sau những thời gian học tập, lao động căng thẳng. Thông qua trò chơi nhằm lôi cuốn HS tham gia vào các HĐGD một cách tự nhiên và tăng cường tính trách nhiệm; hình thành cho HS tác phong nhanh nhẹn phát huy tính sáng tạo cũng như tăng cường sự thân thiện, hòa đồng giữa các HS. Trò chơi giúp HS thư giãn, thay đổi tâm trạng, giải tỏa những buồn phiền, những mệt mỏi về trí tuệ và cơ bắp, tạo niềm vui, hứng khởi, sự hồn nhiên, yêu đời... để HS tiếp tục học tập và rèn luyện, làm cho quá trình học tập được tiến hành một cách nhẹ nhàng, sinh động, không khô khan nhàm chán.
  + - * 1. Cách tiến hành

Tùy thuộc vào cách phân loại trò chơi (theo sự năng động của người tham gia, theo địa điểm, theo đối tượng, theo nội dung GD, theo quy mô…) mà cách thức tổ chức mỗi trò chơi khác nhau. Tuy nhiên, các bước chung của tổ chức trò chơi như sau:

*Bước 1: Chuẩn bị trò chơi*

* Xác định đối tượng và mục đích của trò chơi: thông thường, trò chơi nào cũng có tính GD, phụ thuộc vào các góc độ tiếp cận khác nhau đối với loại, dạng trò chơi và người sử dụng, tổ chức trò chơi. Vì thế xác định đối tượng và mục đích trò chơi phù hợp là công việc cần thiết khi tổ chức trò chơi.
* Cử người hướng dẫn chơi (quản trò).
* Thông báo kế hoạch, thời gian, nội dung trò chơi đến HS.
* Phân công nhiệm vụ cho các lớp, tổ nhóm, đội chơi để chuẩn bị điều kiện phương tiện (lực lượng, phục trang như quần áo, khăn, cờ, còi, phần thưởng) cho cuộc chơi.

*Bước 2: Tiến hành trò chơi*

* Ổn định tổ chức, bố trí đội hình: tùy từng trò chơi, địa điểm tổ chức, số lượng người chơi mà quản trò bố trí đội hình, phương tiện cho phù hợp, có thể theo hàng dọc, hàng ngang, vòng tròn hay chữ U... Quản trò xác định vị trí cố định hoặc di động sao cho mọi khẩu lệnh HS đều nghe thấy, các động tác HS quan sát, thực hiện được, ngược lại bản thân quản trò phải phát hiện được đúng, sai khi HS chơi.
* Quản trò giới thiệu trò chơi (luật chơi) phải ngắn gọn, hấp dẫn, dễ hiểu, dễ tiếp thu, dễ thực hiện, bao gồm các nội dung sau: thông báo tên trò chơi, chủ đề chơi; nêu mục đích và các yêu cầu của trò chơi; nói rõ cách chơi và luật chơi.
* Tổ chức HS chơi nháp/chơi thử 1 - 2 lần.
* Tổ chức HS chơi thật: Dùng khẩu lệnh bằng lời, còi, kẻng, chuông, trống để điều khiển cuộc chơi. Quản trò hay nhóm trọng tài cần quan sát, theo dõi kĩ, chính xác để đánh giá thắng thua và rút kinh nghiệm; động viên, cổ vũ cuộc chơi bằng reo, điệu hò, vỗ tay; kịp thời uốn nắn, rút kinh nghiệm những trường hợp phạm luật.

*Bước 3: Kết thúc trò chơi*

* Đánh giá kết quả trò chơi: GV công bố kết quả cuộc chơi khách quan, công bằng, chính xác giúp HS nhận thức được ưu điểm và tồn tại để cố gắng ở những trò chơi tiếp theo.
* Động viên, khích lệ ý thức, tinh thần cố gắng của các em, tuyên dương, khen ngợi hay khen thưởng bằng vật chất, tạo không khí vui vẻ, phấn khởi và để lại những ấn tượng tốt đẹp trong tập thể HS về cuộc chơi.
* Dặn dò HS những điều cần thiết (thu dọn phương tiện, vệ sinh nơi chơi…)
  + - * 1. Định hướng sử dụng

HĐ trò chơi có vai trò đặc biệt quan trọng và có hiệu quả cao trong tổ chức HĐTN, HN cho HS. Để tổ chức HĐ trò chơi có hiệu quả GD cao, cần nắm vững mục đích, ý nghĩa, tác dụng của trò chơi, những đặc trưng cơ bản của trò chơi, biết cách phân loại trò chơi và biết vận dụng các trò chơi một cách phù hợp vào đúng đối tượng, điều kiện cho phép để tổ chức cho HS. Tổ chức HĐ trò chơi nhất thiết phải tuân theo quy trình logic được cụ thể hóa thành các bước. Tuy nhiên, hiệu quả GD HS thông qua tổ chức trò chơi còn phụ thuộc vào tính sáng tạo, khả năng sư phạm của GV và phát huy cao nhất vai trò chủ động, tích cực của HS.

Phương pháp tổ chức trò chơi nhằm mục đích cho HS tìm hiểu một vấn đề hay thể nghiệm hành động và là phương pháp rất đặc trưng trong HĐTN, HN, vì vậy có thể sử dụng trong các loại hình HĐ ở trường trung học, trong các HĐ khởi động, kết nối, khám phá, thực hành, vận dung và đánh giá kết quả HĐTN, HN. Trò chơi có thể được sử dụng trong nhiều tình huống khác nhau của HĐ trải nghiệm như làm quen, khởi động, dẫn nhập vào nội dung HĐ, phát triển nội dung HĐ để HS tiếp nhận tri thức, rèn luyện các kĩ năng và tổng kết HĐ, đánh giá kết quả HĐ… Tùy vào mục đích của các HĐ khác nhau mà lựa chọn các loại trò chơi: trò chơi ô chữ, lắp ghép nội dung, tìm điều bí ẩn, đoán ý đồng đội…

Tùy theo từng trò chơi cụ thể mà trò chơi có quy mô tổ chức là nhóm nhỏ (từ đến 4 - 10 HS) hoặc nhóm lớn (từ 10 - 15 HS) hay quy mô lớp hoặc khối lớp, toàn trường. Một số trò chơi có thể tổ chức trong nhà trường trung học là: trò chơi học tập, trò chơi vận động, trò chơi khởi động, dẫn nhập… trò chơi mô phỏng game truyền hình, trò chơi ô chữ…

* + - * 1. Điều kiện sử dụng
* NL tổ chức trò chơi của GV, người hướng dẫn và HS.
* Địa điểm, không gian, thời gian phù hợp.
  + - 1. *Phương pháp tổ chức sân khấu tương tác (sân khấu hóa)*
         1. Khái niệm

Phương pháp tổ chức sân khấu tương tác là cách thức nhà giáo dục tổ chức cho HS trải nghiệm bằng cách chuyển hóa các nội dung GD, các cốt truyện, các tác phẩm, các ý tưởng của HS về một chủ đề nhất định thông qua sự phối hợp, hóa thân của nhiều HS vào các nhân vật để chuyển tải thông điệp GD, qua đó giúp HS đạt được mục tiêu và nhiệm vụ GD đề ra.

*Sân khấu tương tác* là HĐ ý nghĩa lớn đến sự phát triển PC, NL HS như trách nhiệm, chăm chỉ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, thiết kế và tổ chức HĐ... Bên cạnh đó còn tác động hình thành và phát triển những NL về ngôn ngữ, xây dựng kịch bản, âm nhạc, hội họa, giao tiếp phi ngôn ngữ... cho HS.

* + - * 1. Cách tiến hành

*Bước 1: Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị kịch bản và phân công nhiệm vụ*

Xây dựng kế hoạch là khâu đầu tiên và quan trọng trong quy trình tổ chức sân khấu tương tác, giúp GV và HS xác định những công việc mình sẽ thực hiện và cách thức tốt nhất để đạt được các mục tiêu đã đề ra. Xây dựng kế hoạch tổ chức sân khấu tương tác bao gồm các HĐ cụ thể sau:

* *Lựa chọn chủ đề:* Chủ đề càng phức tạp càng tạo ra nhiều cơ hội để HS tham gia giải quyết, có thể là một chủ đề quen thuộc, dễ nắm bắt trên lí thuyết nhưng giải quyết trong thực tế lại khó khăn (bạo lực học đường, quấy rối tình dục, mối quan hệ bạn bè, vấn đề môi trường, giao thông, nghề nghiệp...).
* *Xác định mục tiêu:* Nêu rõ mục tiêu và yêu cầu cần đạt của HĐ về PC, NL HS theo CT HĐTN, HN.
* *Xác định thời gian, địa điểm, quy mô tổ chức:* Cấp lớp/khối/trường; dự kiến mốc thời gian, lượng thời gian và không gian tổ chức.
* *Chuẩn bị kịch bản:* Chọn các nội dung quan trọng nhất của chủ đề và thiết kế các phân đoạn liên quan, lồng ghép mục tiêu học tập cần đạt vào từng HĐ. Tình huống của vở kịch có thể lấy từ nguồn các nghiên cứu, tình huống điển hình hoặc các tình huống thực tế. Mạch chảy của vở kịch và trình tự của các cảnh cũng nên được chuẩn bị kĩ trước để đảm bảo mục tiêu học tập đạt được. Khi lựa chọn diễn viên, phải đảm bảo diễn viên nhận thức được mục tiêu học tập, hướng phát triển của vở diễn và có khả năng diễn xuất tốt, lôi cuốn người tham gia.

*Bước 2: Tập luyện diễn xuất theo kịch bản, hoàn thiện công tác chuẩn bị*

* Kiểm tra công tác tổ chức tập luyện: Người tổ chức cần nhắc lại các yêu cầu của từng nhân vật, đặc biệt nhấn mạnh đến mối quan hệ cụ thể, cách cư xử giữa các nhân vật và với môi trường xung quanh trong từng phân đoạn; diễn viên tham gia vở diễn cần có thời gian nghiên cứu kĩ kịch bản, thuộc lời thoại, biết cách triển khai tình huống; xác định

bối cảnh, thời gian, địa điểm của phân đoạn và toàn vở diễn, các đạo cụ và phương tiện hỗ trợ khác.

* Tổ chức cho các diễn viên được tập luyện cùng với nhau nhiều lần theo từng phân đoạn và toàn vở diễn, chú ý đến sự phối hợp, tương tác giữa các diễn viên và lưu ý các tình huống có thể xảy ra ngoài kịch bản.
* Dự kiến tình huống tiếp theo sau khi tổ chức tương tác với khán giả.

*Bước 3: Thực hiện vở diễn theo kịch bản (phần mở đầu)*

Triển khai vở diễn theo đúng kịch bản đã chuẩn bị trước. Thông thường, nên có cảnh giới thiệu các nhân vật, mối quan hệ giữa họ và bối cảnh diễn ra tình huống. Bắt đầu nêu ra các vấn đề, thu hút sự quan tâm, khơi gợi sự tò mò và trí tưởng tượng của khán giả. Vở diễn được triển khai theo đúng kịch bản đã tập luyện từ trước. Trong khi biểu diễn, các diễn viên sẽ dừng lại ở những thời điểm quan trọng (xuất hiện tình huống có vấn đề) để tương tác với khán giả.

*Bước 4: Tương tác với khán giả (diễn biến và kết thúc)*

Phần tương tác với khán giả được tiếp nối sau khi các diễn viên dừng lại ở những điểm có vấn đề đòi hỏi phương án giải quyết. Ở khâu này, thường có ba cách thực hiện:

* Lắng nghe các đề xuất của HS (khán giả) và sau đó diễn viên thử diễn tiếp vở kịch theo gợi ý trên.
* Mời một vài HS (khán giả) tự nguyện lên sân khấu và trực tiếp tham gia vào vở diễn để giải quyết tình huống, tiếp tục phân đoạn.
* Nhóm diễn viên đã chuẩn bị, được tập dượt từ trước tiếp tục hoàn thành phân đoạn.

Sau phần tương tác, HS và những người tham gia sẽ cảm thấy tràn đầy cảm xúc và càng tự tin để thể hiện suy nghĩ của mình hơn. Đây là cơ sở cần thiết để có một phần tổng kết sau buổi biểu diễn.

*Bước 5: Tổng kết, đánh giá*

Sau khi HĐ sân khấu tương tác kết thúc, cần có thảo luận và biên bản buổi diễn. Biên bản ghi chép lại toàn bộ HĐ đã diễn ra, bao gồm: thời gian - địa điểm, nội dung vở diễn, các ý kiến đóng góp, hướng giải quyết vấn đề của HS và tổng kết, đánh giá của GV.

* + - * 1. Định hướng sử dụng

Mục đích tổ chức sân khấu tương tác nhằm tạo sân chơi hấp dẫn, lí thú đối với HS vì HS có cơ hội thể hiện và cảm nhận những cảm xúc của cá nhân dựa trên tác phẩm được trình diễn; HS có môi trường lành mạnh, dân chủ để thể hiện quan điểm, góc nhìn cá nhân của mình bằng việc đặt mình vào các vị trí khác nhau qua vai diễn cũng như toàn bộ vở diễn; HS được lắng nghe, đồng cảm và thấu hiểu với những người tham gia ở những nhóm ý kiến khác nhau. Vì vậy, tùy theo thời gian, nhà giáo dục có thể tổ chức sân khấu hóa trong giờ sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp chủ nhiệm, trong loại hình HĐ thường xuyên theo các

chủ đề GD hoặc định kì theo các chủ điểm gắn liền với các ngày hội, ngày lễ.

Trong HĐ sân khấu hóa, phương pháp đóng vai là phương pháp GD chủ đạo, trong đó HS tự lực thực hiện những tình huống hành động được mô phỏng theo các vai diễn về một chủ đề gắn với thực tiễn, thường mang tính chất trò chơi, trong đó các tình huống cuộc sống, các vấn đề hoặc xung đột được thể hiện. HS kết hợp đóng vai để hát múa, kể chuyện, hoạt cảnh truyền thống, tiểu phẩm, hóa trang, trình diễn… Đóng vai nhằm phát triển NL hành động thông qua sự trải nghiệm của chính bản thân HS và thông qua thông tin phản hồi từ những người quan sát.

* + - * 1. Điều kiện sử dụng
* Hỗ trợ đạo cụ và trang phục, HS cần được tập dượt trước khi trình diễn chính thức.
* Không gian để tập luyện và trình diễn.
* HS phải được thông báo về các nhiệm vụ của các nhóm phải thực hiện trong quá trình tổ chức sân khấu tương tác.

### Hình thức khám phá

Hình thức khám phá là cách thức tổ chức HĐ tạo cơ hội cho HS trải nghiệm thế giới tự nhiên, thực tế cuộc sống và công việc, giúp HS khám phá những điều mới lạ, tìm hiểu, phát hiện vấn đề từ môi trường xung quanh, bồi dưỡng những cảm xúc tích cực và tình yêu quê hương đất nước. Nhóm hình thức tổ chức này bao gồm các HĐ tham quan, cắm trại, thực địa, dã ngoại và các HĐ tương tự khác. Hai HĐ đặc trưng, phổ biến của hình thức khám phá là tham quan và cắm trại.

* + - 1. *Phương pháp tổ chức tham quan*
         1. Khái niệm

Phương pháp tổ chức HĐ tham quan là cách thức GV tổ chức cho HS trực tiếp thâm nhập, tiếp xúc, trải nghiệm trong môi trường tự nhiên và môi trường xã hội theo chủ đề GD nhất định, từ đó rút ra những bài học cần thiết, góp phần thực hiện mục tiêu GD của HĐ trải nghiệm.

Các môi trường tự nhiên và xã hội có thể tổ chức cho HS tham quan trải nghiệm bao gồm: danh lam thắng cảnh, khu bảo tồn thiên nhiên, thảo cầm viên, di tích lịch sử, văn hóa, các viện bảo tàng, các công trình công cộng, nhà máy, xí nghiệp, các cơ sở sản xuất, làng nghề, các trường đào tạo nghề, du lịch tìm hiểu truyền thống địa phương, dã ngoại theo các chủ đề học tập, dã ngoại theo các HĐ nhân đạo, tình nguyện…

HĐ tham quan có ý nghĩa quan trọng trong học tập và rèn luyện nhân cách của HS:

* Tham quan là HĐ HS được trực tiếp tiếp xúc, chiêm nghiệm, trải nghiệm thực tế, giúp HS mở rộng, đào sâu, tích lũy thêm vốn tri thức, vốn kinh nghiệm trong thực tiễn, nâng cao hứng thú học tập các môn học, phát triển óc quan sát, trí tò mò khoa học; bước đầu hình thành cho HS phương pháp học tập như quan sát, phân tích, tổng hợp những tài

liệu thu được trong quá trình tham quan. Tham quan giúp HS được thư giãn, vui chơi, giải trí lành mạnh sau những giờ học căng thẳng. HĐ này làm tăng tính gắn kết, ý thức tập thể và là cơ hội giao lưu giữa HS với HS.

* Tham quan rèn luyện cho HS nhiều kĩ năng sống như: giao tiếp, làm việc nhóm, tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề... cũng như phát triển được tính tò mò, tích cực khám phá những vấn đề mới mẻ.
* Thông qua quá trình tiếp xúc, khám phá thiên nhiên, địa danh, cơ sở thực tế, môi trường xã hội, HS hình thành, nuôi dưỡng những tình cảm đúng đắn đối với thiên nhiên, đất nước, con người, giữ gìn các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, HS ý thức một cách sâu sắc các giá trị truyền thống lịch sử; bồi dưỡng lòng nhiệt huyết, đam mê và hứng thú với nghề nghiệp tương lai.
* Tham quan là HĐ thực hiện mối liên hệ giữa lí luận và thực tiễn, gắn nhà trường với cuộc sống, tạo cơ hội để HS bộc lộ những sở trường, hứng thú, điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân, là căn cứ quan trọng để GV lựa chọn cách thức GD phù hợp với từng HS.
* Tham quan là HĐ nhằm huy động được các nguồn lực đa dạng và phong phú trong xã hội để thực hiện nhiệm vụ GD, góp phần thực hiện xã hội hóa GD vì mục đích GD.

Như vậy, HĐ tham quan góp phần quan trọng trong việc hình thành cho HS các PC chủ yếu: yêu nước, trách nhiệm, NL giao tiếp và hợp tác, NL thích ứng với cuộc sống, NL định hướng nghề nghiệp được xác định trong CT GDPT tổng thể và CT HĐTN, HN 2018.

* + - * 1. Cách tiến hành

*Bước 1: Chuẩn bị hoạt động tham quan*

Hiệu quả của việc tổ chức tham quan phụ thuộc một phần rất lớn vào công tác chuẩn bị cho chuyến tham quan. Vì vậy, trong bước này, nhà giáo dục cần:

* Xác định rõ mục tiêu, yêu cầu, nội dung HĐ tham quan.
* Tiền trạm: đến địa điểm tham quan nghiên cứu cụ thể về địa điểm và đối tượng tham quan; liên hệ với các đơn vị liên quan chuẩn bị phối hợp trong tổ chức tham quan.
* Xây dựng kế hoạch HĐ tham quan gồm lập kế hoạch và phê duyệt kế hoạch tham quan, chuẩn bị quyết định thành lập đoàn tham quan, các công văn liên hệ với các cơ sở tham quan, chuẩn bị tài chính, cơ sở vật chất, phương tiện... Nội dung bản kế hoạch tham quan bao gồm mục đích, yêu cầu, đối tượng cần quan sát, tài liệu cần thu thập, cách tổ chức HS, tổ chức việc hướng dẫn tham quan, phương tiện đồ dùng cần thiết, phân phối thời gian…
* Phổ biến kế hoạch tham quan cho HS và các lực lượng liên quan một cách đầy đủ, rõ ràng.

*Bước 2: Tổ chức hoạt động tham quan*

Dưới sự hướng dẫn của GV hoặc cán bộ phụ trách cơ sở tham quan, HS tiến hành tham quan theo kế hoạch định trước. Bước này gồm các nhiệm vụ sau:

* Phổ biến CT tham quan, các nội dung, yêu cầu tham quan cho HS; định hướng nội dung, vấn đề thu hoạch sau HĐ tham quan.
* Trong tiến trình tham quan yêu cầu và hướng dẫn HS quan sát những sự vật, hiện tượng đã quy định, ghi chép những nội dung và thu thập những hiện vật cần thiết… Yếu tố trung tâm của bất kì HĐ tham quan nào cũng là việc tiến hành quan sát các đối tượng có liên quan đến đề tài tham quan. Do vậy, GV cần chú ý hướng dẫn những quan sát của HS trong thời gian tham quan cho phù hợp với kế hoạch đã đề ra. GV có thể đặt những câu hỏi và những nhiệm vụ cụ thể giúp HS tập trung sự chú ý và tích cực suy nghĩ về những nội dung chủ yếu nhất có quan hệ trực tiếp tới đề tài tham quan. Yêu cầu HS thực hiện nghiêm túc nội quy, duy trì kỉ luật khi tham quan.
* Điều chỉnh HĐ tham quan: Trong quá trình tiến hành tham quan, thông thường có nhiều phát sinh so với kế hoạch, vì vậy, người tổ chức cần linh hoạt điều chỉnh HĐ tùy theo điều kiện, hoàn cảnh thực tế.

*Bước 3: Kết thúc hoạt động tham quan*

Sau khi tham quan, GV đặt câu hỏi, nêu các vấn đề để HS giải quyết, hướng dẫn HS kiểm tra chỉnh lí tài liệu thu thập được. GV có thể tổ chức HS trao đổi, thảo luận, trên cơ sở đó HS rút ra kết luận, làm những bài tập độc lập như tập làm văn, viết báo cáo, bài thu hoạch, xây dựng bộ sưu tập để đào sâu, củng cố kiến thức thu được trong quá trình tham quan. GV nhận xét, đánh giá, khuyến khích kết quả HĐ tham quan của HS.

* + - * 1. Định hướng sử dụng

Mục đích chính của HĐ tham quan là tổ chức HS thâm nhập, trải nghiệm thực tế cuộc sống và môi trường tự nhiên, xã hội xung quanh, bên ngoài lớp học, nhà trường nên cần nhiều thời gian để tổ chức. Vì vậy, có thể tổ chức tham quan trong loại hình HĐ định kì, tổ chức một tháng, một học kì hoặc một năm học một lần. Cơ sở tham quan có thể là các địa điểm liên quan đến các làng nghề, đơn vị sản xuất kinh doanh; hoặc những cảnh quan thiên nhiên hay các địa danh văn hóa, lịch sử... Tham quan là HĐ thường được tổ chức gắn liền và kết hợp với HĐ trải nghiệm trong dạy học các môn học (Lịch sử, Địa lí, Hóa học, Sinh học…) và thích hợp với các mạch nội dung HĐTN, HN nhằm rèn luyện được các PC, NL chung và các NL đặc thù trong HĐTN, HN.

Trong tiến trình tổ chức tham quan, GV có thể sử dụng phương pháp giải quyết vấn đề bằng cách nêu các vấn đề phù hợp nội dung tham quan dưới dạng câu hỏi, tình huống, hướng dẫn HS quan sát, ghi chép, trả lời các câu hỏi, tình huống, vấn đề đặt ra. GV tổ chức HS trình bày ý kiến, quan điểm cá nhân, từ đó, GV dẫn dắt HS nhận xét, đánh giá các đối tượng tham quan. GV có thể sử dụng các phương pháp sinh hoạt tập thể hỗ trợ khác để gia tăng hứng thú của HS, kết nối và phát huy NL hợp tác của HS như trò chơi, đóng vai, tổ chức HĐ nhóm...

* + - * 1. Điều kiện sử dụng

Tổ chức HĐ tham quan đòi hỏi nhiều lực lượng trong và ngoài nhà trường, vì vậy, để triển khai HĐ này cần:

* Tạo được sự đồng thuận của cha mẹ HS, các lực lượng GD liên quan và sự hỗ trợ của các cơ sở tham quan. Huy động sự đóng góp của gia đình và các lực lượng GD trong xã hội vào HĐ này.
* Kế hoạch tổ chức HĐ tham quan phải rõ ràng, chi tiết và tính toán đến các yếu tố phát sinh trong quá trình tổ chức.
* Cần phổ biến kế hoạch, CT đến từng HS, GD ý thức trách nhiệm, kỉ luật và tinh thần tập thể cao, đặc biệt là những lưu ý khi tham gia CT tham quan.
* Công tác chuẩn bị và tiền trạm phải thật chu đáo, cẩn thận đến từng chi tiết. Trưởng đoàn phụ trách HĐ này phải làm việc chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị địa điểm tham quan.
  + - 1. *Phương pháp tổ chức cắm trại*
         1. Khái niệm

Phương pháp tổ chức HĐ cắm trại là cách thức GV tổ chức cho HS trải nghiệm bằng cách đóng lều (trại) ở một nơi ngoài lớp học (khuôn viên trường, sân vận động, khu vực thiên nhiên; địa điểm du lịch…) để sinh hoạt tập thể trong một thời gian ngắn. HS là chủ thể chính trong toàn bộ HĐ cắm trại, GV là người tư vấn, hỗ trợ, quản lí HĐ trong suốt đợt cắm trại diễn ra.

Dựa vào quy mô cắm trại có thể chia thành quy mô lớp (chia nhiều tiểu trại) hoặc quy mô khối, toàn trường (mỗi lớp thành một tiểu trại), thời gian cắm trại có thể cuối tuần, trại hè, mục đích trại hướng đến có thể là tập huấn, giao lưu, họp bạn, rèn kĩ năng, khám phá thiên nhiên…

HĐ cắm trại có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo cơ hội, điều kiện để HS giao lưu với người khác, trải nghiệm các mối quan hệ bạn bè, tập thể*.* Nếu tổ chức ngoài thiên nhiên, đây là hình thức có lợi thế trong việc GD tình yêu thiên nhiên, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho HS, nếu trại thiên về HĐ xã hội thì đây chính là cơ hội lớn cho quá trình phát triển các NL xã hội cho HS. Qua việc xây dựng viễn cảnh HĐ của trại, quá trình chuẩn bị tạo sự hưng phấn, chờ đợi, tích cực của HS. Cắm trại thường do tự HS xây dựng và thực hiện kế hoạch, quá trình triển khai tại địa điểm trại đóng đòi hỏi HS phải thích ứng với nhiều thay đổi về điều kiện tự nhiên, xã hội do đó đây là hình thức phát triển được ở HS các PC như: trách nhiệm, chăm chỉ và các NL thiết kế và tổ chức HĐGD, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo theo yêu cầu CT GDPT 2018.

* + - * 1. Cách tiến hành

*Bước 1: Xây dựng kế hoạch cắm trại*

Khi tiến hành xây dựng kế hoạch một HĐ cắm trại, Ban Tổ chức hình dung bao quát nhất các vấn đề liên quan, trong kế hoạch cần thể hiện các vấn đề:

* Căn cứ pháp lí của việc tổ chức HĐ cắm trại: các văn bản, kế hoạch, chỉ thị, thông tư, công văn của các cấp bộ, ngành, nhà trường về công tác GD HS, CT năm học của nhà trường.
* Mục đích HĐ cắm trại;
* Thời gian - Địa điểm - Đối tượng - Kinh phí;
* Nội dung HĐ - CT chi tiết;
* Thành lập Ban Tổ chức và phân công nhiệm vụ;
* Xác định tiến độ thực hiện;
* Xây dựng nội quy trại.

Trong đó kế hoạch cần đảm bảo tính khả thi, thiết thực, vừa tiết kiệm vừa hiệu quả, phù hợp với tình hình, điều kiện, khả năng thực tế của bản thân GV, nhà trường và HS.

*Bước 2: Chuẩn bị hoạt động cắm trại - Công tác tiền trạm*

* *Chuẩn bị địa điểm cắm trại phù hợp gồm:*

+ Tính phù hợp với đối tượng HS về lứa tuổi và môi trường sống;

+ Các vị trí lều trại tương thích với quy mô trại (kể cả tổ chức trong khuôn viên trường);

+ Tiềm lực để hỗ trợ các mục tiêu của HĐGD như các yếu tố lịch sử - địa lí, thiên nhiên, xã hội, cơ sở vật chất sẵn có…;

+ Điều kiện xã hội và tự nhiên, tài nguyên sẵn có cũng như mức độ khai thác phục vụ tổ chức HĐ trại;

+ Khả năng và mức độ thể lực của HS; khả năng quản lí, bao quát của GV.

* *Hoàn tất thủ tục hành chính pháp lí cho HĐ cắm trại gồm:*

+ Kế hoạch hoàn chỉnh cuối cùng và CT chi tiết sau khi đối với chiếu điều kiện thực tế, trình xin ý kiến đồng ý của Ban Giám hiệu và được sự ủng hộ của cha mẹ HS;

+ Nếu trường hợp trại tổ chức ngoài khuôn viên nhà trường, cần hợp đồng với các đơn vị liên quan như: dịch vụ xe đưa - rước, bảo hiểm tai nạn, văn bản liên hệ khu du lịch, công văn hỗ trợ an ninh trật tự;

+ Quyết định tổ chức hội trại và thành lập đoàn, danh sách GV, HS tham gia và giấy đi đường do đơn vị ban hành.

* *Phổ biến và triển khai kế hoạch đến HS và những người có liên quan gồm:*

+ Ban Tổ chức hoặc Ban Cán sự lớp triển khai kế hoạch, nêu rõ mục đích - yêu cầu - ý nghĩa, lịch trình và lệ phí của HĐ, cần trình bày sao cho thú vị, kích thích sự háo hức, mong đợi của HS; xin phép và tranh thủ được sự ủng hộ của cha mẹ HS (gửi kế hoạch có xác nhận của nhà trường và thư ngỏ đến từng cha mẹ HS);

+ Tiếp nhận đăng kí cần lấy đầy đủ thông tin, phục vụ các thủ tục pháp lí và công tác tổ chức và những lưu ý cho một số trường hợp đặc biệt;

+ Phân chia tiểu trại, công việc cần chuẩn bị của mỗi tiểu trại và quy định HĐ (quản lí trại, trang phục, trang trí trại, thời gian HĐ và nội qui…);

+ Tập huấn thêm các kĩ năng để phục vụ cắm trại (kĩ năng về lều trại: nút dây, dựng trại, trang trí, giải mật thư, morse, semaphore…; kĩ năng hợp tác, làm việc nhóm; kĩ năng sinh tồn, ứng phó tình huống nguy hiểm (bị lạc trong rừng, động vật hoang dã cắn, phòng chống đuối nước, ngộ độc thực phẩm, thời tiết xấu…).

*Bước 3: Tổ chức hoạt động cắm trại*

Ở bước này, Ban Tổ chức chủ yếu thực hiện theo CT đảm bảo diễn ra mong đợi và xử lí các tình huống phát sinh. Thông thường một HĐ cắm trại bao gồm các nội dung:

Khai mạc;

Phân chia đất trại - Dựng trại - Trang trí;

Chấm điểm lều trại (nếu có);

Các HĐGD theo chủ đề bằng các phương pháp tổ chức trò chơi lớn, teambuilding, cuộc thi, diễn kịch, đóng vai…;

Lửa trại;

Vệ sinh trại;

Tổng kết - Đánh giá.

Trong các nội dung mang tính chất thi đua, GV cần tạo động lực, khơi gợi việc cạnh tranh công bằng, vui tươi và khuyến khích sự sáng tạo của HS; việc đánh giá cần có thang điểm cụ thể, hợp lí và công khai.

*Bước 4: Tổng kết - Đánh giá*

Ban Tổ chức kết hợp với GV đúc kết lại ý nghĩa, các nội dung cần đạt được thông qua mỗi HĐ nói riêng và thông qua đợt cắm trại nói chung, có thể yêu cầu HS làm bài thu hoạch bằng các hình thức như viết tay, làm phim, vẽ tranh, sáng tác thơ, vè…

* + - * 1. Định hướng sử dụng

Mục đích chính của HĐ cắm trại là tổ chức HS trải nghiệm các HĐ tập thể và các mối quan hệ giao lưu liên lớp, liên trường. Vì vậy, có thể tổ chức cắm trại trong loại hình HĐ định kì, gắn liền với các chủ điểm theo tháng như kỉ niệm ngày thành lập Đoàn, Hội, có thể tổ chức một học kì hoặc một năm học một lần. Địa điểm cắm trại có thể trong trường, ngoài trường, kết hợp với các điểm tham quan, dã ngoại trong thiên nhiên… Cắm trại là HĐ thường được tổ chức gắn liền và kết hợp với các HĐ của tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, HĐ giao lưu kết nghĩa với các đơn vị, tổ chức thanh niên tại địa phương và xã hội.

Trong tiến trình tổ chức cắm trại, ban tổ chức có thể định hướng nội dung HĐ theo các chủ đề GD phù hợp chủ điểm lớn của tháng hoặc học kì. Phương pháp tổ chức HĐ nhóm (tiểu trại) thường được sử dụng phổ biến. HS được phân chia theo các nhóm (tiểu trại) để cùng trao đổi, thảo luận, thống nhất các phương án giải quyết các nhiệm vụ do ban tổ chức định hướng. Các phương pháp như trò chơi, hội thi đều có tác dụng tạo sân chơi tập thể lôi cuốn và thu hút HS tham gia.

* + - * 1. Điều kiện sử dụng
* Đối với HS tham gia trại cần tìm hiểu rõ mục đích - ý nghĩa - yêu cầu của HĐ trại; công tác chuẩn bị của cá nhân, tập thể; tham gia tích cực các HĐ, tuân thủ chặt chẽ nội quy trại đã đề ra.
* Đảm bảo cân đối hài hòa giữa tính thực tiễn và tính pháp lí trong tổ chức.
* Về nội dung, HĐ phải phù hợp với mục tiêu đặt ra, đặt HS vào tình huống có vấn đề, phù hợp với khả năng của HS.
* Linh hoạt trong việc tổ chức, xử lí các tình huống phát sinh với phương châm “Đảm bảo sự an toàn cho học sinh là trên hết”.
* Cần đánh giá công bằng, khách quan, tạo tính cạnh tranh lành mạnh, học hỏi lẫn nhau giữa các nhóm, các cá nhân.
* Công tác tổng kết phải được quan tâm, rút ra kiến thức và bài học cần thiết cho HS, tránh tổ chức hình thức, “đầu voi đuôi chuột”.
* Cũng như hình thức tham quan, việc HS tham gia cắm trại cần có sự đồng thuận và cho phép của cha mẹ HS.

### Hình thức cống hiến

Hình thức cống hiến là cách thức tổ chức HĐ tạo cơ hội cho HS trải nghiệm những giá trị xã hội bằng những đóng góp và cống hiến thực tế của mình thông qua các HĐ tình nguyện nhân đạo, lao động công ích, tuyên truyền và các hình thức tương tự khác. Về cơ bản, hình thức cống hiến vì cộng đồng thường có chung cách thức tổ chức. Điểm khác biệt trong các HĐ này là mục tiêu, nội dung và đối tượng hướng đến của từng HĐ. Trong hình thức cống hiến, HĐ tình nguyện và lao động công ích thể hiện rõ nét nhất bản chất của hình thức này.

* + - 1. *Phương pháp tổ chức hoạt động tình nguyện*
         1. Khái niệm

Phương pháp tổ chức HĐ tình nguyện là cách thức nhà giáo dục tổ chức HS và tập thể HS trực tiếp thực hiện các HĐ giúp đỡ, hỗ trợ, chia sẻ và đóng góp cho cộng đồng một cách tự nguyện vì những mục đích tốt đẹp. HS sử dụng thời gian, sức lực, NL của mình để đóng góp cho cộng đồng một cách tự nguyện, không đòi hỏi lợi ích cá nhân, vì mục đích giúp đỡ cộng đồng xung quanh, từ đó phát triển PC và NL mới cho HS.

* + - * 1. Cách tiến hành

*Bước 1: Khảo sát địa bàn theo chủ đề (tiền trạm 1).*

*Bước 2: Lập kế hoạch:* Xác định chủ đề và mục tiêu HĐ tình nguyện; xác định nội dung HĐ tình nguyện; lựa chọn thời gian và địa điểm; dự kiến các điều kiện.

*Bước 3: Huy động các nguồn lực* (cha mẹ HS, các cán bộ quản lí, GV, các cá nhân và tổ chức xã hội khác).

*Bước 4: Triển khai thực tế. Bước 5: Kết thúc.*

* + - * 1. Định hướng sử dụng

Mục đích của HĐ tình nguyện nhằm kết nối HS với cuộc sống xung quanh, HS được trải nghiệm thực tế, thể hiện NL, thái độ và đóng góp sức lực, thời gian, giá trị của mình cho cộng đồng. HS học hỏi và phát triển được nhiều giá trị và NL mới trong thực tiễn cuộc sống. Vì vậy, HĐ tình nguyện được sử dụng để phát triển các PC, NL cho HS như yêu nước, nhân ái, trách nhiệm, NL giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thiết kế và tổ chức HĐ, NL định hướng nghề nghiệp. Khi HS trải nghiệm được thực tế cuộc sống xung quanh, những cảm xúc, tình cảm tích cực được vun trồng, HS thấu hiểu, cảm thông, đồng lòng, chia sẻ và thể hiện được trách nhiệm của cá nhân nhằm xây dựng một cộng đồng xã hội tốt đẹp, thúc đẩy ý thức, hành động tự rèn luyện để trở thành người có ích cho cộng đồng và xã hội. xã hội. Vì vậy, nhà giáo dục có thể tổ chức HĐ tình nguyện trong loại hình HĐGD theo chủ đề thường xuyên theo quy mô lớp thường từ 1 đến 4 tuần như “Nuôi heo đất”, “Địa chỉ đỏ”… hoặc HĐGD theo chủ đề định kì hàng tháng, học kì, năm học theo quy mô lớp, khối lớp, toàn trường như “Ngày Chủ nhật hồng”, “Chiến dịch Mùa hè xanh”, “Tết yêu thương”...

Trong HĐ tình nguyện*,* phương pháp tổ chức giải quyết vấn đề và HĐ theo nhóm HS thường được sử dụng phổ biến. Nhà giáo dục đặt ra các vấn đề dưới dạng các nhiệm vụ thực tiễn mà HS phải hoàn thành trong tiến trình thực hiện kế hoạch HĐ tình nguyện. Nhà giáo dục tổ chức, hướng dẫn HS thực hiện các nhiệm vụ theo nhóm nhằm đạt mục tiêu của toàn thể HĐ tình nguyện. Đặc biệt, trong quá trình tham gia và thực hiện HĐ tình nguyện, HS sẽ gặp nhiều tình huống thực tế nảy sinh cần giải quyết để hoàn thành nhiệm vụ. Nhà giáo dục luôn là người cố vấn đáng tin cậy định hướng, hướng dẫn, tham vấn cho HS cách giải quyết tình huống thực tế, không “cầm tay chỉ việc” và không “thả mặc” HS. Các phương pháp GD khác thường được phối hợp vận dụng trong tổ chức HĐ tình nguyện là phương pháp trò chơi, phương pháp nêu gương, phương pháp thuyết phục, phương pháp luyện tập, phương pháp kích thích, điều chỉnh…

* + - * 1. Điều kiện sử dụng
* Đảm bảo các cơ sở pháp lí khi lập kế hoạch HĐ tình nguyện.
* Được sự đồng thuận, cho phép của địa phương nơi HS đến tình nguyện và của cha mẹ HS.
* Phối hợp chặt chẽ, thống nhất của các lực lượng tổ chức và tham gia HĐ tình nguyện để đảm bảo đạt được mục tiêu của HĐTN, HN và an toàn tuyệt đối cho HS.
* Huy động các nguồn lực xã hội hóa để hỗ trợ vật chất, phương tiện, kinh phí cho HĐ tình nguyện của HS.
  + - 1. *Phương pháp tổ chức lao động công ích*
         1. Khái niệm

Phương pháp tổ chức lao động công ích là cách thức nhà giáo dục tổ chức HS và tập thể HS trực tiếp thực hiện HĐ lao động vì lợi ích chung của nhà trường, cộng đồng và xã hội. HS sử dụng thời gian, sức lực, NL của mình để thực hiện HĐ lao động vì lợi ích của tập thể, nhà trường, cộng đồng, từ đó phát triển PC, NL mới cho bản thân HS.

* + - * 1. Cách tiến hành

Để tổ chức có hiệu quả các HĐ công ích cho HS, GV phổ thông cần thực hiện theo quy trình gồm 04 bước sau:

*Bước 1: Xác định địa điểm, nội dung lao động công ích*

* Tìm kiếm địa điểm thực hiện: ưu tiên lựa chọn những nơi quen thuộc, gắn bó mật thiết với đời sống hằng ngày của HS như trong và ngoài khuôn viên trường, trong khu phố, công viên… mà ở đó vừa thật sự có vấn đề cần giải quyết, vừa đảm bảo các yếu tố an toàn cho HS trong quá trình tham gia HĐ.
* Lựa chọn nội dung lao động công ích: công việc cần thiết, cấp bách, có ý nghĩa xã hội và vừa sức đối với HS là yêu cầu quan trọng khi GV lựa chọn. Nội dung càng gần gũi, thiết thực, bổ ích GV càng dễ trong việc vận động HS tham gia, tạo sự hứng thú và kích thích tinh thần làm việc say mê của HS.

*Bước 2: Chuẩn bị*

* Hoàn thiện về mặt hành chính, pháp lí để tổ chức thực hiện HĐ công ích: xây dựng dự thảo kế hoạch, dự trù kinh phí, xin ý kiến lãnh đạo nhà trường, liên hệ lãnh đạo hay người phụ trách quản lí nơi tổ chức để phối hợp, đảm bảo điều kiện thuận lợi và an toàn nhất cho HS tham gia.
* Chuẩn bị dụng cụ, các phương tiện cần thiết cho quá trình lao động công ích: video tuyên truyền cho HS, găng tay, dụng cụ vệ sinh, tài liệu liên quan… Để HĐ lao động công ích không chỉ là HĐ lao động chân tay thông thường, mà qua đó, HS còn được và tự trang bị các kiến thức khoa học, thực tế liên quan đến nội dung công việc mà mình thực hiện (như phân loại rác thải, bảo vệ bản thân trong quá trình lao động, các biện pháp sơ cấp cứu, xử lí vết thương…).
* Tổ chức cho HS đăng kí và hướng dẫn công tác tự chuẩn bị.

*Bước 3: Tổ chức, hướng dẫn thực hiện*

Ở khâu này, GV tổ chức và hướng dẫn HS thực hiện lao động theo kế hoạch đã ban hành: chia nhóm, hướng dẫn cụ thể về ý nghĩa, quy trình thực hiện, yêu cầu cần đạt. Trong suốt quá trình này, GV cần theo sát HS, kịp thời giải đáp thắc mắc, hướng dẫn và điều chỉnh kịp thời để đảm bảo hiệu quả công việc, an toàn cho HS.

*Bước 4: Tổng kết*

Sau mỗi HĐ, GV tổ chức tổng kết để HS thấy được ý nghĩa của HĐ công ích, từ đó kích thích sự chủ động, hứng thú của các em trong các HĐ tương tự. Việc tổng kết có thể tiến hành bằng nhiều hình thức, HĐ khác nhau như tổ chức đánh giá hiệu quả, phát biểu cảm tưởng của HS, thi đua - khen thưởng hay viết bài báo cáo, thu hoạch… Cần lưu ý việc tổng kết cần được tổ chức ngắn gọn, nhưng phải hiệu quả và mang tính đúc kết.

* + - * 1. Định hướng sử dụng

Mục đích tổ chức lao động công ích là tạo điều kiện cho HS trải nghiệm lao động vì lợi ích chung của cộng đồng trong thực tế, HS tham gia vì mục tiêu của HĐTN, HN và mang lại ý nghĩa to lớn cho bản thân HS, cộng đồng, xã hội, không yêu cầu sự trả công bằng lợi ích khinh tế (bằng vật chất, hiện kim…). Các HĐ lao động công ích được tổ chức theo đúng phương thức HS được trải nghiệm thực tế, học tập bằng thực tiễn và thông qua thực tiễn. Từ đó, hướng vào mục tiêu cơ bản của HĐTN là gia tăng vốn sống, kinh nghiệm thực tiễn của HS, HS áp dụng kiến thức đã học trên lớp, phát triển và rèn luyện các kĩ năng, rèn luyện ý thức tự giác và chủ động, hướng tới các giá trị sống tốt đẹp. Đặc biệt, bằng lao động và thông qua lao động, HS nhận thức đúng ý nghĩa của lao động, biết quí trọng công sức, giá trị của lao động và trân trọng người lao động. Khi trực tiếp tham gia trải nghiệm HĐ lao động công ích giúp HS có ý thức, sự quan tâm đúng đắn đối với các vấn đề còn tồn tại của địa phương, đất nước, từ đó, rèn luyện ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân, bồi dưỡng tình yêu thương đối với gia đình, quê hương, đất nước. Như vậy, HĐ lao động công ích góp phần hình thành và phát triển các PC yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm... phát triển NL giao tiếp và hợp tác, tự học và tự chủ, thiết kế và tổ chức HĐ, định hướng nghề nghiệp cho HS.

Nhà giáo dục có thể tổ chức HĐ lao động công ích cho HS trong loại hình HĐGD theo chủ đề thường xuyên theo quy mô lớp và trong phạm vi trường như vệ sinh trường, lớp học, môi trường xung quanh nhà trường, trồng và chăm sóc cây cảnh, cây xanh, vườn hoa trong trường; tu sửa bàn ghế, trường lớp… hoặc HĐGD theo chủ đề định kì hàng tháng, học kì, năm học theo quy mô lớp, khối lớp, toàn trường trong cộng đồng và xã hội như vệ sinh môi trường tại địa phương thôn, xóm, xã, phường, vệ sinh các công trình công cộng; trồng và chăm sóc cây xanh, vườn hoa nơi công cộng, chăm sóc bảo vệ nghĩa trang liệt sĩ, di tích lịch sử, công trình văn hóa; tham gia các HĐ lao động tại địa phương, cơ sở kết nghĩa, cơ sở sản xuất hay làng nghề truyền thống như đắp đê, làm đường, trồng lúa, gặt lúa, trồng rừng, làm nghề...

Trong HĐ lao động công ích, nhà giáo dục vận dụng linh hoạt các phương pháp tổ chức cụ thể như tổ chức giải quyết vấn đề, tổ chức HĐ theo nhóm/lớp HS. Nhà giáo dục đặt ra

các vấn đề dưới dạng các nhiệm vụ thực hành, thực tiễn và yêu cầu sản phẩm HS phải hoàn thành trong tiến trình thực hiện kế hoạch lao động công ích. Nhà giáo dục tổ chức, hướng dẫn, theo dõi, giám sát, hỗ trợ HS thực hiện các nhiệm vụ theo nhóm, lớp nhằm đạt mục tiêu của toàn bộ HĐ lao động công ích. Nhà giáo dục trực tiếp tham gia và đồng hành cùng HS để nêu gương tích cực cho HS, đồng thời hướng dẫn HS giải quyết các tình huống thực tế nảy sinh trong tiến trình thực hiện. Nhà giáo dục cần phát huy vai trò tự quản của Ban Cán sự lớp, Ban Chấp hành Chi đoàn, tổ, nhóm HS. Các phương pháp GD khác thường được phối hợp vận dụng trong tổ chức HĐ lao động công ích là phương pháp trò chơi, cuộc thi, phương pháp thi đua, nêu gương, phương pháp luyện tập, phương pháp kích thích, điều chỉnh…

* + - * 1. Điều kiện sử dụng
* Chuẩn bị về dụng cụ lao động, bảo hộ hộ và đảm bảo an toàn cho HS.
* Phổ biến kế hoạch và phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các HS.
* Chú ý đến điều kiện thời tiết, khí hậu trong trong quá trình tổ chức HĐ lao động công ích.

### Hình thức nghiên cứu

Hình thức nghiên cứu là cách thức tổ chức HĐ trải nghiệm tạo cơ hội cho HS tham gia các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học nhờ cảm hứng từ những trải nghiệm thực tế, qua đó đề xuất những biện pháp giải quyết vấn đề một cách khoa học. Nhóm hình thức tổ chức này bao gồm các HĐ khảo sát, điều tra, làm dự án nghiên cứu, sáng tạo công nghệ, nghệ thuật và các hình thức tương tự khác.

* + - 1. *Phương pháp tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh*
         1. Khái niệm

Phương pháp tổ chức HĐ nghiên cứu khoa học của HS là cách thức nhà giáo dục tổ chức HS phát hiện, tìm tòi, khám phá cái mới theo các đề tài nghiên cứu khoa học nhất định thuộc các lĩnh vực khoa học khác nhau, gắn liền các lĩnh vực học tập. Bản chất của phương pháp này là quá trình HS đi tìm cái mới, tuy nhiên, mức độ nghiên cứu của HS chủ yếu hướng đến sản phẩm là cái mới cho chính bản thân HS, không yêu cầu đạt đến mức độ tạo ra cái mới cho nhân loại, thời gian thực hiện ngắn và quy mô, mức độ nghiên cứu trong giới hạn học tập.

* + - * 1. Cách tiến hành

*\* Giai đoạn chuẩn bị nghiên cứu Bước 1: Chọn đề tài nghiên cứu*

Trên cơ sở GV và HS cùng nhau chia sẻ, thảo luận, trao đổi và đưa ra nhận định các vấn đề, các câu hỏi, các hiện trạng cần nghiên cứu, nếu có thể tìm kiếm và phân tích tổng quan các nghiên cứu trước (nếu có) để tránh trùng lặp ý tưởng, qua đó, đánh giá sơ lược

nguyên nhân cũng như ý tưởng tác động vào vấn đề nghiên cứu, HS lựa chọn đề tài nghiên cứu cho cá nhân hoặc nhóm.

*Bước 2: Xây dựng đề cương nghiên cứu*

Nội dung của đề cương nghiên cứu cần làm rõ các vấn đề: xác định mục tiêu; nội dung và nhiệm vụ; phương pháp và phương tiện; các đề mục nội dung và nguồn học liệu phục vụ cho nghiên cứu.

*Bước 3: Xây dựng kế hoạch nghiên cứu*

Trong bản kế hoạch, thông qua hỗ trợ của GV, HS phải xác định rõ các mốc thời gian, nội dung công việc phải làm hay biện pháp thực hiện, các điều kiện hỗ trợ (vật lực, nhân lực, tài lực) và dự kiến sản phẩm phải đạt cho từng giai đoạn.

*\* Giai đoạn tiến hành nghiên cứu*

*Bước 4: Thu thập, xử lí thông tin lí luận*

Bước này, HS cần lập thư mục tài liệu liên quan đến đề tài, đọc tài liệu theo thư mục và từ nhiều nguồn, chọn lọc thông tin cần thiết, sắp xếp theo vấn đề, chủ đề, phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa thông tin lí luận theo yêu cầu của đề tài.

*Bước 5: Thu thập, xử lí thông tin thực tiễn*

Thông qua sử dụng các phương pháp nghiên cứu như quan sát, phỏng vấn, khảo sát bằng phiếu... HS tiến hành xử lí, sàng lọc số liệu thu nhận được sao cho khách quan và đáng tin cậy nhất để tiến hành phân tích thông tin thu nhận được từ thực tiễn.

*Bước 6: Đề xuất giải pháp hoặc tác động*

Căn cứ vào cơ sở lí luận và thực tiễn từ bước 4 và bước 5, HS đưa ra các giải pháp để tác động và cải tạo thực tiễn. Bước 6 này, HS đưa ra các tác động (hoặc can thiệp) vào thực tiễn; giám sát và thu thập số liệu trước và sau tác động, từ số liệu thu được, tiến hành phân tích kết quả từ dữ liệu.

*\* Giai đoạn hoàn thành Bước 7: Viết báo cáo*

Đây là bước chuyển tải kết quả nghiên cứu bằng văn bản, bước viết báo cáo gồm: viết nháp; viết bản thảo; viết bản chính và viết tóm tắt kết quả nghiên cứu. HS cần viết rõ ràng và phản ảnh chính xác những thành quả mà HĐ nghiên cứu khoa học của cá nhân hay nhóm đạt được. Trong đó, cần nhấn mạnh đến những kết quả mới mà đề tài đã thực hiện được so với những công bố trước đây.

*Bước 8: Nghiệm thu và triển khai ứng dụng (nếu có)*

Nghiệm thu hay còn gọi là bước công bố kết quả nghiên cứu, HS trình bày khái quát toàn bộ sự kiện, thành tựu và vấn đề liên quan tới vấn đề nghiên cứu, yêu cầu cần đạt ở bước này là HS trình bày và giải thích được các nội dung cơ bản trong tiến hành và các sản phẩm đã đạt được. Ở bước này cần thực hiện các công việc: báo cáo kết quả nghiên cứu trước lớp, trao đổi, thảo luận, nhận xét, GV tổng kết chung.

Sau khi đã nghiệm thu sản phẩm, HS có thể tiến hành triển khai ứng dụng sản phẩm nghiên cứu của mình (nếu có) vào thực tiễn, tuy nhiên trong mức độ nghiên cứu của HS, khâu này được thực hiện một cách khá hạn chế.

* + - * 1. Định hướng sử dụng

Mục đích cơ bản của phương pháp tổ chức HĐ nghiên cứu khoa học là rèn luyện cho HS PC trách nhiệm, chăm chỉ, trung thực..., bước đầu hình thành phong cách nhà khoa học, đặc biệt phát triển NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, tự chủ và tự học, thích ứng với cuộc sống nhiều biến động. Tuy nhiên, HĐ nghiên cứu khoa học của HS tốn nhiều thời gian và công sức, đòi hỏi đam mê, hứng thú, trí tuệ, ý chí cao của HS để hoàn thiện các nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra. Vì vậy, nhà giáo dục có thể phối hợp với các GV bộ môn để kích thích hứng thú, nuôi dưỡng đam mê và phát triển NL nghiên cứu khoa học của HS trong tiến trình học tập các môn học. Định hướng HS nghiên cứu các vấn đề có ý nghĩa thực tiễn, gắn với vốn kinh nghiệm sẵn có của HS về thế giới xung quanh, các hiện tượng, sự việc nảy sinh trong HĐ và cuộc sống hàng ngày. Thời gian tổ chức HĐ nghiên cứu khoa học ngoài thời gian học tập chính khóa của HS.

Thực chất, phương pháp tổ chức HĐ nghiên cứu khoa học của HS là phương pháp tổ chức HS giải quyết vấn đề ở mức nghiên cứu. Trong phương pháp này, GV nêu vấn đề hoặc gợi mở, định hướng HS chủ động, tự lực tạo ra tình huống có vấn đề, nhưng HS độc lập giải quyết toàn bộ vấn đề dưới sự hướng dẫn của GV. Có thể hướng dẫn HS thực hiện nghiên cứu khoa học theo nhóm HS có cùng sở thích.

* + - * 1. Điều kiện sử dụng
* Đội ngũ GV nhiệt tình, trách nhiệm, tâm huyết, có NL khoa học cao và NL hướng dẫn HS nghiên cứu khoa học.
* HS có đam mê, hứng thú nghiên cứu khoa học, có hiểu biết và NL khoa học nhất định.
* Nhà trường tạo điều kiện về thời gian, các thủ tục hành chính, hỗ trợ kinh phí từ các nguồn khác nhau cho HS tham gia HĐ nghiên cứu.
* Để thực hiện và duy trì được thường xuyên HĐ này, cần đưa tiêu chí hướng dẫn HS nghiên cứu khoa học làm một nội dung đánh giá công việc của GV; đối với HS cũng cần xác định đây tiêu chí quan trọng để xếp thi đua, khen thưởng cho các em trong quá trình học tập và rèn luyện trong năm.
  + - 1. *Phương pháp tổ chức thực hiện dự án*
         1. Khái niệm

*Dự án* (project) được hiểu là một bản thiết kế hệ thống việc làm (project work) hướng đến mục tiêu xác định. Khái niệm dự án đã đi từ lĩnh vực kinh tế - xã hội vào lĩnh vực GD

* đào tạo không chỉ với ý nghĩa là các dự án phát triển GD mà còn được sử dụng như một phương pháp tổ chức HĐGD.

Phương pháp tổ chức thực hiện dự án là cách thức nhà giáo dục tổ chức, hướng dẫn HS tự lực thực hiện một nhiệm vụ GD phức hợp thông qua quá trình giải quyết một bài tập tình huống gắn với thực tiễn - dự án (project), qua đó HS trải nghiệm, lĩnh hội, vận dụng kiến thức và phát triển NL thực tiễn, sáng tạo.

Bản chất của phương pháp dự án thể hiện ở các đặc trưng cơ bản sau:

* + *Định hướng vào HS:* Trong phương pháp dự án, HS tham gia tích cực và tự lực vào các giai đoạn của quá trình HĐ, từ việc xác định mục đích, lập kế hoạch đến việc thực hiện dự án, kiểm tra, điều chỉnh, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện, GV chủ yếu đóng vai trò tư vấn, hướng dẫn, giúp đỡ.
  + *Định hướng HĐ thực tiễn*: Trong quá trình thực hiện dự án, có sự kết hợp giữa nghiên cứu lí thuyết và vận dụng lí thuyết vào HĐ thực tiễn. Chủ đề HĐTN, HN như là một dự án gắn liền với hoàn cảnh cụ thể, với những tình huống của thực tiễn xã hội, nghề nghiệp, đời sống, phù hợp với trình độ người học… Các dự án học tập góp phần gắn liền nhà trường với thực tiễn đời sống xã hội và có thể mang lại những tác động xã hội tích cực. Dự án cũng có thể mang nội dung tích hợp, vận dụng kết hợp tri thức của nhiều môn học hay lĩnh vực GD khác nhau.
  + *Định hướng sản phẩm*: Các sản phẩm của dự án tạo ra không giới hạn trong những thu hoạch lí thuyết mà trong đa số trường hợp, các dự án học tập tạo ra những sản phẩm vật chất của HĐ thực tiễn, thực hành. Những sản phẩm này có thể sử dụng, công bố, giới thiệu rộng rãi.
    - * 1. Cách tiến hành

*Bước 1: Chọn chủ đề và xác định mục đích của dự án*

GV và HS cùng nhau đề xuất, xác định chủ đề, đề tài và mục đích của dự án, đó là một tình huống có vấn đề chứa đựng một nhiệm vụ cần giải quyết liên hệ với hoàn cảnh thực tiễn xã hội và đời sống. GV có thể giới thiệu một số hướng chủ đề, đề tài từ CT HĐTN, HN để HS lựa chọn hoặc đề tài có thể xuất phát từ phía HS.

*Bước 2: Xây dựng kế hoạch dự án*

Trong bước này, HS với sự hướng dẫn của GV xây dựng kế hoạch dự án gồm: mục tiêu dự án, xác định những nội dung công việc cần làm, nhiệm vụ cụ thể thực hiện các nội dung, thời gian dự kiến, vật liệu, kinh phí, phân công công việc trong nhóm.

*Bước 3: Thực hiện dự án*

Trong bước này, các nhóm HS tiến hành thực hiện kế hoạch dự án đã đề ra cho nhóm và cá nhân. Các HĐ trí tuệ và HĐ thực hành, thực tiễn xen kẽ và tác động qua lại với nhau. Kiến thức lí thuyết, phương án giải quyết vấn đề được thử nghiệm qua thực tiễn và sản phẩm được tạo ra.

*Bước 4: Tổng hợp kết quả và công bố sản phẩm*

Kết quả thực hiện dự án có thể được viết dưới dạng bài thu hoạch, bài báo cáo, trình diễn… Sản phẩm của dự án có thể được trình bày trên PowerPoint, dạng ấn phẩm (bản tin, báo, áp phích) hoặc thiết kế trang Web... Sản phẩm của dự án có thể được trình bày giữa các nhóm HS, giới thiệu trong trường hay ngoài xã hội.

*Bước 5: Đánh giá dự án*

GV và nhóm HS đánh giá quá trình thực hiện và kết quả dự án, từ đó rút ra những kinh nghiệm cho việc thực hiện các dự án tiếp theo.

* + - * 1. Định hướng sử dụng

Mục đích cơ bản của phương pháp tổ chức thực hiện dự án trong HĐTN, HN là phát triển HS các PC như trách nhiệm, chăm chỉ, trung thực...; phát triển HS NL thiết kế, tổ chức giải quyết vấn đề trong thực tiễn và định hướng nghề nghiệp. Phương pháp tổ chức thực hiện dự án thể hiện ở đặc trưng cơ bản về tính thực tiễn, sản phẩm có ý nghĩa thực tiễn và vai trò tự lực của HS. Vì vậy, trong quá trình tổ chức thực hiện dự án, nhà giáo dục là người định hướng, hướng dẫn và tham vấn chứ không phải là “cầm tay chỉ việc” cho HS. Nhà giáo dục có thể định hướng ý tưởng một dự án liên quan đến chủ đề HĐTN, HN; thiết kế bài tập tình huống/yêu cầu sản phẩm trong dự án cho HS phù hợp với mục tiêu của dự án, chuyển giao nhiệm vụ, các vai trò cho HS/nhóm thực hiện; hướng dẫn các bước tiến hành dự án theo thời gian; thiết kế công cụ đánh giá sản phẩm dự án; hướng dẫn nguồn tài liệu; tổ chức công bố sản phẩm dự án và đánh giá kết quả. *HS là chủ thể của quá trình HĐ theo dự án với các vai trò cơ bản là:* tự lực xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ của dự án với các vai được chỉ định; tự lực triển khai dự án (quyết định cách tiếp cận vấn đề, tự hoạch định và tổ chức các HĐ nhóm để giải quyết vấn đề); thu thập, xử lí thông tin từ nhiều nguồn theo vai đảm nhận, tích lũy kiến thức và nhiều giá trị khác từ quá trình làm việc; tạo ra sản phẩm, công bố và tự đánh giá sản phẩm…

HĐ thực hiện dự án của HS tốn nhiều thời gian và công sức, đòi hỏi đam mê, hứng thú, trí tuệ, ý chí cao của HS để hoàn thiện các nhiệm vụ của dự án. Phương pháp tổ chức thực hiện dự án trong HĐTN, HN thích hợp với hình thức nghiên cứu, là cách tổ chức HĐ tạo cơ hội cho HS tham gia các dự án nghiên cứu khoa học. Thông qua, các dự án trải nghiệm thực tế, HS giải quyết các vấn đề khoa học gắn liền với thực tiễn cuộc sống.

Phương pháp dự án khá phù hợp với tổ chức thực hiện các chủ đề GD tích hợp do HS dựa trên sự vận dụng nội dung, phương pháp GD tích hợp của các môn học và lĩnh vực GD, phát triển NL liên môn để giải quyết các vấn đề thực tiễn. Thông qua, quá trình thực hiện dự án học tập, HS phát huy vai trò chủ động, sáng tạo, phát triển NL giải quyết vấn đề gắn với đời sống thực tiễn.

Nhà giáo dục có thể định hướng HS thực hiện các dự án khác nhau vừa sức HS như dự án trong một chủ đề, dự án liên chủ đề (tích hợp nhiều chủ đề) khác nhau; dự án cá nhân, dự án cho nhóm, dự án cho lớp, khối lớp, toàn trường…; dự án tìm hiểu, khảo sát, điều tra thực trạng đối tượng; dự án nghiên cứu, giải thích các hiện tượng, quá trình, đề xuất giải

pháp…; dự án tạo ra các sản phẩm vật chất hoặc thực hiện một kế hoạch hành động thực tiễn (trang trí, trưng bày, biểu diễn, sáng tác…).

* + - * 1. Điều kiện sử dụng
  + GV có trách nhiệm, tận tâm, có NL thực hiện phương pháp tổ chức dự án; HS tích cực, chủ động cao và hợp tác trong nhóm.
  + Thời gian, phương tiện vật chất, kinh phí phù hợp, lực lượng phối hợp tổ chức và tham gia.
    - 1. *Phương pháp tổ chức câu lạc bộ (hoạt động nhóm theo sở thích)*
         1. Khái niệm

Phương pháp tổ chức CLB thực chất là phương pháp tổ chức HĐ nhóm HS theo sở thích, là cách thức nhà giáo dục tập hợp những HS cùng sở thích, sở trường hoặc năng khiếu về một lĩnh vực hoặc chuyên đề nhất định, tổ chức HS HĐ cùng nhau để phát triển sở trường, năng khiếu về các lĩnh vực yêu thích đó.

Một số đặc trưng của CLB trường học: CLB là loại hình HĐ tự nguyện, tự chọn, không bắt buộc, là nơi tập hợp HS cùng sở thích, có nhiều độ tuổi, nhiều giới với nhiều cương vị khác nhau nhằm một mục đích nhất định và thường được tổ chức ngoài giờ chính khoá; CLB vừa là một tổ chức của các tổ chức đoàn thể HS, vừa là một phương thức HĐ để hỗ trợ giải quyết hàng loạt vấn đề phức tạp và quan trọng của HS; CLB là nơi có những HĐ phong phú, phù hợp với các nhu cầu lợi ích của thanh thiếu niên, tạo môi trường cho sáng kiến tài năng và năng khiếu của thanh thiếu niên được bộc lộ, phát triển. Bên cạnh đó, định hướng giá trị mới, tạo điều kiện mới cho thanh thiếu niên trưởng thành về mọi mặt.

* + - * 1. Cách tiến hành

*Bước 1: Chuẩn bị*

* Khảo sát nhu cầu, nguyện vọng của HS về việc tham gia CLB (chú trọng xác định loại hình yêu thích, thời gian, mức độ tham gia…);
* Thống nhất loại hình CLB;
* Thành lập ban đại diện CLB lâm thời;
* Tuyên truyền và lập danh sách thành viên;
* Xác định cơ sở vật chất, tài chính, nội dung, văn bản, thời gian, địa điểm… ra mắt CLB.

*Bước 2: Tổ chức ra mắt câu lạc bộ*

* Khai mạc, tuyên bố lí do, giới thiệu đại biểu;
* Đọc quyết định thành lập CLB và Ban Chủ nhiệm CLB;
* Giới thiệu nội quy, quy chế CLB;
* Công bố nội dung, CT HĐ CLB trong thời gian tới;
* Đại diện nhà trường phát biểu ý kiến, giao nhiệm vụ;
* Tổ chức sinh hoạt văn hóa, văn nghệ chào mừng (có thể xen kẽ từ khâu mở đầu đến các HĐ).

*Bước 3: Triển khai câu lạc bộ*

* Lập kế hoạch HĐ của CLB theo thời gian;
* Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên;
* Chuẩn bị nội dung, hình thức tổ chức, điều kiện cần thiết cho HĐ CLB theo tháng, quý;
* Tổ chức các CT HĐ theo kế hoạch CLB;
* Đánh giá rút kinh nghiệm HĐ theo CT CLB.
  + - * 1. Định hướng sử dụng

Mục đích của CLB nhằm phát huy NL, năng khiếu, sở trường..., định hướng nghề nghiệp HS. Mặt khác, cũng nhằm củng cố, mở rộng cho HS những tri thức, kĩ năng sống cần thiết để vận dụng vào thực tiễn đời sống xã hội, góp phần phát triển và hoàn thiện nhân cách. Các PC, NL được hình thành trong loại hình và phương thức CLB rất phong phú và đa dạng, trong đó thể hiện rõ nét nhất là trách nhiệm, tự học và tự chủ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; thiết kế và tổ chức HĐ; định hướng nghề nghiệp...

Nội dung sinh hoạt CLB trường học rất đa dạng theo các loại hình như: CLB văn hóa nghệ thuật, CLB thể dục thể thao, CLB học thuật, CLB HĐ thiện nguyện….

Trong mỗi loại hình CLB theo nhóm sở thích, năng khiếu, nhu cầu HS đều có thể vận dụng phối hợp nhiều phương pháp tổ chức cụ thể như: tuyên truyền, cổ động, triển lãm, báo tường, pa nô, phát thanh; tọa đàm, hội thảo, diễn đàn, sinh hoạt chủ đề; trình bày, báo cáo, diễn giảng, hùng biện; truyền thông, sân khấu hóa; tổ chức các hội thi, cuộc thi…

CLB vừa là một loại hình tổ chức, vừa là một phương thức HĐ của tập thể HS có ý nghĩa rất tích cực trong việc phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của HS, tạo điều kiện, môi trường cho HS phát huy NL, sở trường, thiên hướng cá nhân, thoả mãn các nhu cầu HĐ và tự thể hiện, tự khẳng định. Nội dung và phương pháp tổ chức CLB rất đa dạng và phong phú đòi hỏi phải có sự vận dụng linh hoạt, sáng tạo của nhà giáo dục phù hợp hoàn cảnh địa phương, nhà trường.

* + - * 1. Điều kiện sử dụng
* Thực hiện trên tinh thần tự nguyện tham gia của HS, không mang tính bắt buộc.
* Được sự đồng ý của cha mẹ HS.
* Nhà trường phải có lực lượng hỗ trợ cho ban chủ nhiệm và các thành viên trong CLB HĐ.

Các hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN, HN nói trên được tổ chức trong và ngoài lớp học, trong và ngoài trường học; theo quy mô nhóm, lớp học, khối lớp hoặc quy mô

trường; với bốn loại hình HĐ chủ yếu là: sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, HĐGD theo chủ đề, HĐ CLB với sự tham gia, phối hợp, liên kết của nhiều lực lượng GD trong và ngoài nhà trường như: GV chủ nhiệm lớp, GV môn học, cán bộ tư vấn tâm lí học đường, cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, cán bộ Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, cán bộ phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, cán bộ quản lí nhà trường, cha mẹ HS, chính quyền địa phương, các tổ chức, cá nhân trong xã hội.

## CÂU HỎI, BÀI TẬP

1. Phân tích việc sử dụng các phương pháp tổ chức HĐTN, HN. Cho ví dụ cách triển khai của một phương pháp trên thông qua việc tổ chức một HĐTN, HN theo chủ đề.
2. Phân tích những thuận lợi và khó khăn của đơn vị anh/chị đang công tác khi triển khai các hình thức tổ chức HĐTN, HN, từ đó đề xuất các biện pháp để thực hiện hiệu quả các hình thức tổ chức HĐTN, HN tại đơn vị của mình.

## NỘI DUNG 3. LỰA CHỌN, SỬ DỤNG HÌNH THỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP THEO CHỦ ĐỀ

## Chiến lược giáo dục chủ đề

Theo Từ điển Tiếng Việt 4, “Chiến lược: Phương châm và kế hoạch có tính chất toàn cục, xác định mục tiêu chủ yếu và sự sắp xếp lực lượng trong suốt cả một thời kì của cuộc đấu tranh xã hội …”.

Trong GD, trên bình diện chung có thể hiểu chiến lược GD của GV bao gồm quan điểm về GD và kế hoạch tổng quát về phối hợp, vận dụng phù hợp các biện pháp, phương tiện, điều kiện… nhằm định hướng thực hiện, hoàn thành các mục tiêu GD cụ thể phù hợp với bối cảnh. Chiến lược GD không chỉ phụ thuộc vào quan điểm GD mà còn tùy theo đối tượng, mục tiêu, kế hoạch của HĐGD, sở trường của bản thân… Dựa trên những cơ sở nhất định, GV cần xây dựng chiến lược GD chung có thể bao hàm các chiến lược phù hợp cho từng giai đoạn GD thích ứng với bối cảnh.

Cụ thể, nhằm phát triển NL cho học sinh phổ thông, tác giả Đỗ Ngọc Miên (2012) đã xây dựng các chiến lược GD dưới đây:

* Chiến lược 1. Nhấn mạnh nhiệm vụ học tập của HS;
* Chiến lược 2. Sử dụng các câu hỏi mở;
* Chiến lược 3. Chờ đợi sự trả lời của HS và chấp nhận sự đa dạng trong trả lời;
* Chiến lược 4. Khuyến khích sự phản hồi từ HS;
* Chiến lược 5. Không đưa ra những ý kiến hay đánh giá, đồng thời không nhắc lại câu trả lời của HS;
* Chiến lược 6. Yêu cầu HS suy nghĩ/tư duy về quá trình tư duy của chính bản thân”.

Từ đây, có thể nhận thấy chiến lược GD mang ý nghĩa khái quát nhưng lại đảm bảo tính cụ thể để có thể thực hiện, hoàn thành các mục tiêu GD một cách hiệu quả nhất.

Như vậy, chiến lược GD là kế hoạch tổng quát thể hiện sự cân nhắc, lựa chọn và sắp xếp các biện pháp để đạt được mục tiêu GD một cách hiệu quả dựa trên sự đánh giá về bối cảnh, giai đoạn định hướng thực hiện cùng sự chủ động, NL của GV.

CT GDPT 2018 cần được triển khai căn cứ trên hệ thống các quan điểm đổi mới về GDPT nhất là quan điểm phát triển PC, NL HS. Vì vậy, GV tất yếu phải có những chiến lược GD phù hợp với quan điểm, các yêu cầu của sự đổi mới trong GDPT hướng đến phát triển PC, NL của từng HS một cách tích cực và chủ động nhất. Trong đó, khi tiếp cận CT GDPT 2018, GV cần xác định và xây dựng chiến lược khái quát và các chiến lược cụ thể về GD phát triển PC, NL thông qua các chủ đề so với các chiến lược GD tiếp cận nội dung trước đây. Hơn thế nữa, GV lựa chọn và sắp xếp các biện pháp để đạt được mục tiêu GD

4 Hoàng Phê, tr. 98, NXB Hồng Đức, năm 2016

trong chiến lược GD của mình để không chỉ tập thể HS, nhóm HS mà từng HS đều có cơ hội tốt nhất có thể để hình thành, phát triển các PC, NL đã được quy định trong CT.

Tài liệu này tập trung vào chiến lược GD của GV trong việc triển khai GD theo chủ đề như một trọng điểm của GD phát triển PC, NL trong CT GDPT 2018. Theo đó, chiến lược GD chủ đề có thể hiểu là xuất phát trên cơ sở nhận thức đầy đủ về GD lấy người học làm trung tâm cùng với lí thuyết, nguyên tắc chung của GD phát triển PC, NL, GV sẽ có kế hoạch định hướng được cách thức vận dụng triển khai việc lựa chọn các phương pháp, kĩ thuật GD chủ đề nhằm đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt cụ thể với định hướng mở của CT GDPT 2018. Kế hoạch đó cũng phải xét đến sự phù hợp với bối cảnh GD bao gồm điều kiện nhà trường, đội ngũ GV, đối tượng HS, đặc điểm vùng miền và những điều kiện cơ sở vật chất có liên quan nhằm bảo đảm cho sự tiến bộ cả về PC, NL của HS, đáp ứng yêu cầu GD phân hoá.

Với chiến lược GD, một trong những vấn đề quan trọng được xem là tiêu điểm để kế hoạch tổng quát được thực thi nhằm đạt được mục tiêu GD đó chính là phương pháp, kĩ thuật GD cần được người GV sử dụng. Bởi đây chính là yếu tố được xem là kết quả của sự phân tích, cân nhắc, lựa chọn khoa học dựa trên sự đánh giá xác thực về bối cảnh. Vì thế, lựa chọn, xây dựng được các chiến lược dạy học hiệu quả phù hợp với đối tượng HS THCS thực chất không thể tách rời với việc lựa chọn, sử dụng các hình thức, phương pháp GD hiệu quả.

Để lựa chọn và triển khai các chiến lược GD phù hợp, GV cần căn cứ trên các cơ sở chủ yếu sau đây:

1. Quan điểm xây dựng CT tổng thể và CT HĐGD;
2. Mục tiêu của CT HĐGD;
3. Đặc điểm của các hình thức, phương pháp GD;
4. Tiềm năng, triển vọng của HS và khả năng thực thiết kế, thực thi của GV;
5. Bối cảnh GD, các yếu tố tác động đến HĐGD…

Việc xây dựng chiến lược GD đòi hỏi GV phải nắm vững các cơ sở lí thuyết và thực tiễn như trên, đồng thời có NL vận dụng linh hoạt và phù hợp các hình thức, phương pháp GD. Trong đó, khởi đầu quan trọng nhất là khả năng đánh giá bối cảnh, phân tích các điều kiện, thách thức và dự báo được các diễn tiến của HĐGD, từ đó, phác thảo được các kịch bản sư phạm hiệu quả dựa trên triển vọng phát triển PC, NL của từng HS cũng như sự tương tác giữa các HS với nhau trong HĐGD.

Tóm lại, để lựa chọn, xây dựng được các chiến lược GD hiệu quả phù hợp với đối tượng HS THCS, mỗi GV phải đảm bảo các yêu cầu sau:

* Đánh giá được khả năng, tiềm lực và phác thảo được triển vọng phát triển của mỗi HS.
* Đánh giá được bối cảnh, phân tích các điều kiện, thách thức ảnh hưởng, tác động đến HĐGD HS.
* Định hướng, thiết kế và dự báo được các diễn tiến của HĐGD HS.
* Xây dựng được các kịch bản sư phạm hiệu quả dựa trên triển vọng phát triển PC, NL của từng HS, nhóm HS, tập thể HS với chuỗi HĐGD phù hợp.
* Lựa chọn được các biện pháp, phương tiện, điều kiện… nhằm định hướng thực hiện, hoàn thành các mục tiêu GD cụ thể phù hợp với bối cảnh trong đó quan trọng nhất là lựa chọn, sử dụng các hình thức, phương pháp GD tích cực có ưu thế trong việc phát triển PC, NL của HS.
* Đánh giá được sự phát triển PC, NL của HS, từ đó, đánh giá được tính phù hợp, hiệu quả của chiến lược GD đã xây dựng và đề xuất cải tiến.

## Cơ sở lựa chọn, sử dụng hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo chủ đề

Việc lựa chọn phương pháp kĩ thuật GD phù hợp là hoạt động quan trọng để cụ thể hóa chiến lược GD của GV, góp phần xác nhận tính đúng đắn, sự hợp lí của chiến lược GD mà GV đã xác định. Các mục từ 3.2 đến 3.4 dưới đây sẽ tập trung vào các định hướng để GV tiến hành lựa chọn các phương pháp, kĩ thuật GD phù hợp.

Quan điểm định hướng về phương pháp GD chung trong CT GDPT 2018 chỉ rõ:

Thứ nhất: các HĐGD trong nhà trường áp dụng các phương pháp tích cực hoá HĐ của người học, trong đó GV đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn HĐ cho HS, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích HS tích cực tham gia vào các HĐ học tập, tự phát hiện NL, nguyện vọng của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kĩ năng đã tích luỹ được để phát triển.

Thứ hai: các HĐ học tập của HS bao gồm HĐ khám phá vấn đề, HĐ luyện tập và HĐ thực hành, được thực hiện với sự hỗ trợ của cơ sở vật chất và thiết bị hiện đại.

Thứ ba: các HĐ học tập nói trên được tổ chức trong và ngoài khuôn viên nhà trường thông qua một số hình thức chủ yếu sau: học lí thuyết; thực hiện bài tập, thí nghiệm, trò chơi, đóng vai, dự án nghiên cứu; tham gia xêmina, tham quan, cắm trại, đọc sách; sinh hoạt tập thể, HĐ phục vụ cộng đồng.

Thứ tư: tuỳ theo mục tiêu, tính chất của HĐ, HS được tổ chức làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp nhưng phải bảo đảm mỗi HS được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế.

Định hướng về hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN, HN trong CT cũng nêu rõ, về mặt lựa chọn hình thức và phương pháp tổ chức, khi thiết kế nhà giáo dục cần phải thực hiện các yêu cầu sau:

* + 1. Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS; làm cho mỗi HS đều sẵn sàng tham gia trải nghiệm tích cực;
    2. Tạo điều kiện cho HS trải nghiệm, sáng tạo thông qua các HĐ tìm tòi, vận dụng kiến thức và kinh nghiệm đã có vào đời sống; hình thành, phát triển kĩ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định dựa trên những tri thức và ý tưởng mới thu được từ trải nghiệm;
    3. Tạo cơ hội cho HS suy nghĩ, phân tích, khái quát hoá những trải nghiệm để kiến tạo kinh nghiệm, kiến thức và kĩ năng mới;
    4. Lựa chọn linh hoạt, sáng tạo các phương pháp GD phù hợp: phương pháp nêu gương; phương pháp GD bằng tập thể; phương pháp thuyết phục; phương pháp tranh luận; phương pháp luyện tập; phương pháp khích lệ, động viên; phương pháp tạo sản phẩm và các phương pháp GD khác.

Trên cơ sở định hướng chung về phương pháp GD của CT GDPT và CT HĐTN, HN, khi lựa chọn và sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức HĐGD, nhà giáo dục phải căn cứ vào các yếu tố sau:

* Căn cứ vào mục tiêu của HĐ: mục tiêu nào nội dung, hình thức và phương pháp ấy, không có hình thức hay phương pháp “vạn năng” cho mọi hoạt động. Vì thế, muốn lựa chọn và xây dựng nội dung, hình thức, phương pháp phù hợp, hoạt động thành công, phải đảm bảo hai điều kiện, đó là xác định được mục tiêu và tìm nội dung chủ đề, hình thức và phương pháp tổ chức thích hợp với mục tiêu đó.
* Căn cứ vào đặc điểm mạch nội dung chính của HĐTN, HN: HĐTN, HN phát triển các PC chủ yếu, NL cốt lõi của HS trong các mối quan hệ với bản thân, xã hội, môi trường tự nhiên và nghề nghiệp; được triển khai qua bốn mạch nội dung HĐ chính: HĐ hướng vào bản thân, HĐ hướng đến xã hội, HĐ hướng đến tự nhiên và HĐ hướng nghiệp. Qua đặc điểm bốn mạch nội dung chính của HĐ TN, HN, người thiết kế kế hoạch phải xác định nội dung cụ thể phù hợp với định hướng của từng mạch nội dung lớn. Khi đã xác định được nội dung cụ thể, chúng ta lựa chọn hình thức và phương pháp ứng với nội dung cụ thể.
* Căn cứ vào đặc điểm hình thức và phương pháp tổ chức HĐ: trong quá trình tổ chức HĐ trải nghiệm, hướng nghiệm ở trường trung học, các hình thức và phương pháp tổ chức có mối quan hệ thống nhất biện chứng với nhau, mỗi hình thức hay phương pháp đều có những ưu, nhược điểm nhất định. Với sự đa dạng về hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN, HN, nhà giáo dục cần phân tích rõ bản chất, ưu điểm, hạn chế, cách thức tiến hành và định hướng sử dụng của từng hình thức và phương pháp, trong đó, cần chú ý đến các yếu tố chi phối khác như điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện kĩ thuật, phối hợp các lực lượng GD khác… để quyết định lựa chọn, sử dụng hình thức và phương pháp tổ chức nào cho phù hợp. Tuy nhiên, với tính mở và linh hoạt của HĐ trải nghiệm, chúng ta vận dụng phối hợp các hình thức và phương pháp một cách linh hoạt và sáng tạo, không tuyệt đối hóa hay lạm dụng bất kì một hình thức và phương pháp tổ chức nào.
* Căn cứ vào đặc điểm, khả năng của HS: mỗi một độ tuổi HS có đặc điểm tâm sinh lí khác nhau. Do đó khi lựa chọn và xây dựng nội dung, hình thức và phương pháp tổ chức

HĐTN, HN GV cần lựa chọn những nội dung cũng như các thao tác hướng vào đối tượng sao cho phù hợp với những quy luật tâm sinh lí lứa tuổi, phù hợp với tri thức, kĩ năng, vốn sống và cả phong cách học đã được hình thành ở HS.

* Căn cứ vào NL của GV tổ chức: khả năng của người GV được coi là mặt chủ quan của việc lựa chọn nội dung, hình thức và phương pháp HĐ. Khi lựa chọn và xác định nội dung, hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN, HN GV cần căn cứ vào trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, cá tính và cả phong cách dạy của mình cho phù hợp.
* Căn cứ vào điều kiện, phương tiện GD, cơ sở vật chất nhà trường và các đơn vị bên ngoài hỗ trợ cho HĐ: Khi lựa chọn và xác định nội dung, hình thức và phương pháp để tổ chức HĐTN, HN GV luôn phải chú ý các điều kiện về sân bãi, khuôn viên nhà trường, phòng học, thiết bị, bàn ghế, số lượng HS và đặc điểm địa phương nơi trường đóng, điều kiện hỗ trợ của các đơn vị bên ngoài như: viện bảo tàng, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, làng nghề, cơ sở sản xuất kinh doanh, các trường cao đẳng, đại học…

## Qui trình lựa chọn, sử dụng hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo chủ đề

Thiết kế HĐTN là một yêu cầu bắt buộc đối với GV phụ trách HĐTN tương tự như việc thiết kế kế hoạch bài học trước khi lên lớp. Việc thiết kế HĐTN giúp cho GV chủ động và sáng tạo tổ chức thực hiện nội dung nhằm đạt được mục tiêu của HĐ theo các chủ đề. Mục tiêu và mạch nội dung GD đã được xác định nhưng các hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN hoàn toàn do GV chủ động, sáng tạo và linh hoạt trong việc tìm tòi, thiết kế và tổ chức sao cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và đặc điểm của HS, nhà trường, địa phương. Chất lượng tổ chức HĐTN phụ thuộc chủ yếu vào khả năng sư phạm và NL sáng tạo của GV và thể hiện trước hết ở bản thiết kế HĐTN.

### Xác định mục tiêu và đặt tên cho chủ đề

Trên cơ sở các PC, NL chung, NL đặc thù và yêu cầu cần đạt của từng khối lớp đối với HĐTN, HN được quy định trong CT HĐTN, HN, người thiết kế lựa chọn và đặt tên cho chủ đề. Đặt tên chủ đề HĐ là một việc làm cần thiết vì tên của chủ đề HĐ tự nó đã nói lên được mục tiêu, nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức của HĐ. Tên chủ đề HĐ cũng tạo ra được sự hấp dẫn, lôi cuốn, tạo ra được trạng thái tâm lí đầy hứng khởi và tích cực của HS. Vì vậy, cần có sự tìm tòi, suy nghĩ để đặt tên chủ đề HĐ sao cho phù hợp và hấp dẫn. Việc đặt tên cho chủ đề HĐ cần phải đảm bảo các yêu cầu: rõ ràng, chính xác, ngắn gọn; phản ánh được mạch nội dung của HĐ; tạo được ấn tượng ban đầu cho HS. Mạch nội dung HĐ đã được gợi ý trong CT, nhưng có thể tùy thuộc vào khả năng và điều kiện cụ thể của từng lớp, từng trường để lựa chọn tên chủ đề HĐ. GV có thể lựa chọn các chủ đề HĐ khác nhau từ gợi ý nội dung HĐ trong CT, nhưng phải bám sát mục tiêu GD, tránh xa rời mục tiêu. Dựa trên yêu cầu cần đạt và mạch nội dung, người thiết kế đề xuất chủ đề GD để thực hiện.

Ví dụ: Trên cơ sở phân tích mục tiêu về PC, NL chung, NL đặc thù và yêu cầu cần đạt đối với HĐTN, HN của lớp 6 được quy định trong CT HĐTN, HN, có thể đặt tên cho chủ đề HĐTN, HN như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Lớp** | **Tên chủ đề HĐ** |
| 6 | Sách - thế giới diệu kỳ |

Người thiết kế dự kiến kết quả cần đạt sau khi HS tham gia các HĐ của chủ đề để thiết kế yêu cầu cần đạt của chủ đề, yêu cầu này được lấy từ “yêu cầu cần đạt” của CT HĐTN, HN đã quy định và được cụ thể hóa thành các chỉ số mục tiêu của chủ đề. Nếu xác định đúng mục tiêu chủ đề sẽ định hướng các yếu tố còn lại của HĐTN, HN, là cơ sở để chọn lựa nội dung, lựa chọn hình thức, phương pháp và điều chỉnh HĐ của GV và HS; đồng thời đây là căn cứ để đánh giá kết quả HĐ, kích thích tính tích cực HĐ của GV và HS. Tùy theo chủ đề của HĐTN, HN đặc điểm HS, hoàn cảnh riêng của mỗi trường mà mục tiêu sẽ được cụ thể hóa và mang màu sắc riêng. Khi xác định mục tiêu cần phải trả lời các câu hỏi sau:

* Sau khi tham gia HĐ theo chủ đề, HS đạt được những PC chung, NL chung nào trong CT GDPT 2018 và NL đặc thù nào trong CT HĐTN, HN?
* Trên cơ sở yêu cầu cần đạt của các mạch nội dung, người thiết kế cần xác định cụ thể các chỉ số, chỉ báo nào về mục tiêu được thực hiện tương ứng với từng chủ đề?
* Mức độ đạt được về PC, NL của HS sau khi tham gia HĐ ra sao?

Khi diễn đạt mục tiêu, cấu trúc mỗi mục tiêu gồm 3 thành phần: động từ đơn nghĩa, chỉ mức độ (trong CT HĐTN, HN có gợi ý danh sách động từ mô tả các mức độ cần đạt tại trang 46, 47); từ chỉ khả năng thực hiện (được); một đơn vị PC hoặc NL cụ thể với HĐ. Hiện nay, ngoài việc diễn đạt mục tiêu thường được gợi ý theo quy tắc SMART (Doran, 1981), đó là: mục tiêu cần phải cụ thể (speacific); mục tiêu cần phải đo lường được (measurable); mục tiêu cần phải đạt được (achievable); mục tiêu phải hướng vào kết quả (result); mục tiêu cần phải giới hạn thời gian (timebound), diễn đạt mục tiêu trong HĐTN, HN theo chủ đề cần đáp ứng các yêu cầu:

* Mục tiêu HĐ được xác định hướng về người học;
* Mục tiêu HĐ được xác định yêu cầu cần đạt về PC, NL cụ thể được hình thành qua chủ đề;
* Mục tiêu HĐ được xác định ngắn gọn, rõ ràng, khả thi.

Các mục tiêu này được phát biểu tương ứng với từng mức độ của nội dung cơ bản, quan trọng và hình thức, phương pháp tổ chức của chủ đề.

Ví dụ: Xác định mục tiêu của chủ đề lớp 6: “Sách - thế giới diệu kì” như sau:

* Căn cứ vào yêu cầu cần đạt trong CT HĐTN, HN lớp 6 là:

|  |
| --- |
| + Nhận ra được sự thay đổi tích cực của bản thân, giới thiệu được đức tính đặc trưng của bản thân.  + Phát hiện được sở thích, khả năng và những giá trị khác của bản thân; tự tin với sở thích, khả năng của mình.  + Biết chăm sóc bản thân và điều chỉnh bản thân phù hợp môi trường học tập mới, phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp. |

* Thiết kế mục tiêu chủ đề như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phẩm chất**  **Năng lực** | **Mục tiêu** | **Mã hoá** |
| **1. Phẩm chất chủ yếu** | | |
| Chăm chỉ | Nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ được giao | CCTHCS1.1 |
| Trách nhiệm | Quan tâm và tham gia tích cực các HĐ của nhóm | TNTHCS3.1 |
| **2. Năng lực chung** | | |
| Tự chủ | Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ | TCTHCS1.1 |
| Giao tiếp và hợp tác | Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm, thể hiện khả năng hợp  tác với các bạn cùng nhóm | GTHTTHCS4 |
| Chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được  phân công, khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm và các nhóm bạn | GTHTTHCS6 |
| Giải quyết vấn đề và sáng tạo | Lập kế hoạch HĐ với mục tiêu, nội dung và hình thức phù hợp, biết phân công nhiệm vụ phù hợp cho các thành viên của nhóm | GQVĐTHCS5 |
| Có các ý tưởng mới, sáng tạo khi xây dựng sản phẩm | GQVĐTHCS1 |
| Biết chú ý lắng nghe, tiếp nhận tích cực; biết đánh  giá đúng sản phẩm và HĐ của các nhóm | GQVĐTHCS6 |
| **3. Năng lực đặc thù** | | |
| Năng lực  thích ứng với cuộc sống | Phát hiện khả năng của bản thân trong quá trình tham gia HĐ (tập trung ở các kĩ năng đọc hiểu, cảm nhận, chia sẻ, phản biện, trình bày bằng lời nói, thiết kế và  thực hiện sản phẩm) | HĐTN6 1.1.2 |
| Nhận ra được những thay đổi của bản thân, những  giá trị mới được hình thành khi tiếp xúc với sách | HĐTN6 1.1.1 |
| Biết cách điều chỉnh bản thân, sắp xếp thời gian và  kế hoạch cá nhân để thực hiện nhiệm vụ | HĐTN6 1.2.2 |
| Lan toả cảm xúc với sách, niềm vui đọc sách và hình  thành thói quen đọc sách | HĐTN6 1.2.2 |

### Lựa chọn và xây dựng nội dung chi tiết của chủ đề hoạt động

Cơ sở lựa chọn nội dung của chủ đề HĐ:

* Trước hết, cần căn cứ vào các mục tiêu và mạch nội dung và nội dung HĐ trong CT đã xác định.
* Bên cạnh đó, căn cứ vào các điều kiện hoàn cảnh cụ thể của lớp, của nhà trường, đặc biệt cần chú trọng đến đặc điểm của địa phương và khả năng của HS để chúng ta lựa chọn nội dung cụ thể cho HĐ.
* Khi thiết kế, chúng ta cần liệt kê đầy đủ các nội dung HĐ phải thực hiện để làm căn cứ cho việc chuẩn bị các học điều kiện, học liệu phục vụ cho HĐ.

Ví dụ: Nội dung chi tiết HĐ của chủ đề lớp 6 theo mục tiêu có thể được thiết kế như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Nội dung**  **chi tiết** |
| Phát hiện khả năng của bản thân trong quá trình tham gia  HĐ (tập trung ở các kĩ năng đọc hiểu, cảm nhận, chia sẻ, | - Giới thiệu các tác phẩm đã  đọc |
| phản biện, trình bày bằng lời nói, thiết kế và thực hiện  sản phẩm) | - Phân tích, trình bày cảm  nhận về tác phẩm yêu thích |
|  | - Biểu diễn sản phẩm sáng tạo |
| Nhận ra được những thay đổi của bản thân, những giá trị |
| mới được hình thành khi tiếp xúc với sách | từ các tác phẩm sách đã đọc |
|  | - Tổng kết lợi ích của việc đọc sách |
| Biết cách điều chỉnh bản thân, sắp xếp thời gian và kế  hoạch cá nhân để thực hiện nhiệm vụ |
| Lan toả cảm xúc với sách, niềm vui đọc sách và hình |  |
| thành thói quen đọc sách |  |

### Xác định hình thức, phương pháp, phương tiện tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

CT HĐTN, HN quy định các loại hình tổ chức HĐTN, HN như sau: chào cờ; sinh hoạt lớp; HĐ theo chủ đề; CLB. Đồng thời, quy định các bốn nhóm phương thức HĐ hướng đến là: phương thức thể nghiệm, tương tác; phương thức khám phá; phương thức cống hiến; phương thức nghiên cứu. Do đó, việc lựa chọn hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề cụ thể phải căn cứ vào hai yếu tố trên.

Khi đã xác định loại hình, phương thức HĐ và xây dựng mục tiêu, nội dung HĐ cụ thể, người thiết kế lựa chọn hình thức và phương pháp tổ chức HĐ tương ứng. Có thể trong một HĐ nhưng có nhiều hình thức, phương pháp khác nhau được thực hiện đan xen hoặc trong đó có một hình thức, phương pháp nào đó là trung tâm, còn hình thức khác là phụ trợ. Những phương thức và phương pháp HĐTN, HN được lựa chọn phổ biến như sau:

1. Thể nghiệm, tương tác: tọa đàm, hội nghị, hội thảo, diễn đàn, giao lưu, sân khấu hóa, hội thi, triển lãm, trò chơi…
2. Cống hiến: thực hành lao động, HĐ tình nguyện, thiện nguyện phục vụ cộng đồng…
3. Khám phá: thực địa, thực tế, cắm trại, tham quan, du lịch,…
4. Nghiên cứu: dự án, nghiên cứu khoa học, HĐ nhóm theo sở thích, CLB,…

Ngoài phần xác định hình thức và phương pháp, việc dự kiến những phương tiện, điều kiện cần thiết để HĐ có ý nghĩa lớn để thực hiện một cách có hiệu quả. Các phương tiện và điều kiện cụ thể như các tài liệu cần thiết liên quan đến các chủ đề, phục vụ cho các hình thức HĐ. Các phương tiện HĐ như phương tiện âm thanh, nhạc cụ, đạo cụ, phục trang, ánh sáng, tranh ảnh, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc, máy tính, máy chiếu, các loại bảng,...; phòng học, bàn ghế và các phương tiện phục vụ khác; tài chính chi phí cho việc tổ chức HĐ,... Khi tổ chức HĐTN, HN, GV cần khai thác những phương tiện, điều kiện sẵn có của nhà trường, huy động sự góp sức của HS và gia đình HS, cần phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức ở địa phương để có sự trợ giúp và cần đảm bảo tính khả thi và tính tiết kiệm.

Giữa mục tiêu GD, nội dung, hình thức, phương pháp, kĩ thuật tổ chức HĐGD và phương án đánh giá có mối quan hệ rất chặt chẽ với nhau. Khi thiết kế, chúng ta cần lập ma trận thể hiện mối quan hệ giữa các yếu tố này như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Hình thức/ Phương**  **pháp/Kĩ thuật** | **Đánh giá** |
|  |  |  |  |  |

Ví dụ:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Hình thức/ Phương**  **pháp/ Kĩ thuật** | **Đánh giá** |
| ***Hoạt động 1:***  Sách - kho tàng vô giá (30 phút) | GTHTTHCS4 GQVĐTHCS1 HĐTN6 1.1.2  HĐTN6 1.1.1 | * Bài viết phân tích tác phẩm * Kịch bản tiểu phẩm sân   khấu hoá | Thuyết trình, sân khấu hoá, biểu diễn văn nghệ | Phiếu đánh giá số 1, 2, 3 |
| ***Hoạt động 2*** Sách - quà tặng cuộc sống  (15 phút) | GQVĐTHCS6 HĐTN6 1.1.2  HĐTN6 1.2.2 | Lợi ích của việc đọc sách | Trò chơi | Phiếu số đánh giá số 1, 2, 3 |

### Thiết kế tiến trình tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo chủ đề

Muốn biến các mục tiêu thành hiện thực thì phải lập tiến trình cho các HĐ. Trong bước này, cần phải xác định: Có bao nhiêu HĐ cần phải thực hiện? Tên gọi các HĐ là gì? Mục tiêu hay yêu cầu cần đạt, nội dung và cách thức tiến hành mỗi HĐ ra sao? Tiến trình và thời gian thực hiện các HĐ đó như thế nào? Các HĐ cụ thể do nhóm, cá nhân nào thực hiện?

Các HĐ được thiết kế theo tiến trình:

* + - 1. HĐ khởi động (mở đầu);
      2. HĐ chính và hỗ trợ;
      3. HĐ kết thúc.

Trong quá trình thiết kế, đặc biệt là những loại hình tổ chức HĐ trải nghiệm theo chủ đề mang tính thường xuyên cần xây dựng các HĐ theo từng nhóm theo trình tự:

1. Thứ nhất: nhóm HĐ mang tính khám phá;
2. Thứ hai: nhóm HĐ liên quan đến chiêm nghiệm, kết nối kinh nghiệm;
3. Thứ ba: nhóm HĐ rèn kĩ năng/thực hành/luyện tập;
4. Thứ tư: nhóm HĐ vận dụng/mở rộng;
5. Thứ năm: nhóm HĐ đánh giá. Cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Mục đích** | **Hình thức, phương pháp, kĩ thuật tổ chức (gợi ý)** |
| Thứ nhất: nhóm HĐ mang tính khám phá | Xác định mức độ nhận thức, kinh nghiệm hiện tại của HS liên quan đến chủ đề. Tạo bầu không khí vui vẻ, thoải mái, gần gũi, cởi mở để HS sẵn sàng trải nghiệm. | Trò chơi; câu chuyện; tình huống; quan sát tranh; văn nghệ; đố vui; câu hỏi gợi mở… |
| Thứ hai: nhóm HĐ liên quan đến chiêm nghiệm, kết nối kinh nghiệm | HS nhìn nhận, đánh giá lại những gì trải nghiệm để khái quát kinh nghiệm thành các giá trị làm thay đổi nhận thức và rút ra bài học về biểu hiện thái độ, hành vi ứng xử cũng như cách giải quyết vấn đề. | Câu hỏi gợi mở; phỏng vấn nhanh; kĩ thuật “tia chớp”; trò chơi; thuyết trình kết hợp vấn đáp; thảo luận nhóm; tiểu phẩm; đóng vai; suy tưởng… |
| Thứ ba: nhóm HĐ rèn kĩ năng/thực hành/luyện tập | HS quan sát mẫu và thực hành luyện tập kĩ năng thông qua việc trải nghiệm trực tiếp (hoặc trên vật mẫu); điều chỉnh nhận thức, kĩ năng, thái độ dựa trên những HĐ vừa chiêm nghiệm. | GV thiết kế/chuẩn bị HĐ, hướng dẫn, hỗ trợ HS thực hành thông qua hành động mô phỏng trực quan, quan sát và làm theo mẫu, có thể thực hiện theo nhóm hoặc theo cá nhân. |
| Thứ tư: nhóm HĐ vận dụng/ mở rộng | HS thực hành, vận dụng kiến thức, kĩ năng mới vào tình huống; bối cảnh/hoàn cảnh/ điều kiện  mới; tạo điều kiện để HS phát huy | Tình huống mang tính thực tế; thách thức, sân khấu hóa, hỏi đáp, trò chơi, làm việc nhóm,  thực hiện các công việc tạo ra |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | sự sáng tạo trong tư duy, hành động, việc làm để chuẩn bị ứng phó với các tính huống đặt ra  trong cuộc sống. | sản phẩm cụ thể; viết báo cáo; tự đánh giá, nhận xét, cảm tưởng… |
| Thứ năm: nhóm HĐ đánh giá. | Đánh giá HS đạt được mức độ nào so với mục tiêu chủ đề đã đưa ra. HS nhận ra những điểm yếu, điểm mạnh để có kế hoạch rèn luyện tiếp theo. | HĐ cá nhân với tự đánh giá, đánh giá nhóm với đánh giá đồng đẳng; GV đánh giá; Cha mẹ và cộng đồng đánh giá. Có thể đánh giá bằng phiếu, bằng quan sát, nhận xét, trắc nghiệm, vấn đáp, bài luận, hồ sơ, thực  hành, sản phẩm… |

Sau khi thực hiện các bước trên, người thiết kế rà soát, kiểm tra lại nội dung và trình tự của HĐ, thời gian thực hiện cho từng việc, xem xét tính hợp lí, khả năng thực hiện và kết quả cần đạt được. Nếu phát hiện những sai sót hoặc bất hợp lí ở khâu nào, bước nào, nội dung nào hay việc nào thì người thiết kế cần kịp thời điều chỉnh và cuối cùng, hoàn thiện bản thiết kế HĐGD và cụ thể hóa bằng văn bản.

Mỗi một HĐ cụ thể có thể trình bày dưới cấu trúc sau:

|  |
| --- |
| **Hoạt động [STT]. [Tên Hoạt động] Mục tiêu**  Liệt kê các mục tiêu của HĐ. Trong đó các mục tiêu này đáp ứng một vài mục tiêu đã đặt ra trong chủ đề.  **Thời gian dự kiến**  **Tiến trình tổ chức hoạt động**  Ở bước tiến trình này, dựa vào việc GV lựa chọn hình thức và phương pháp tổ chức HĐ nào để xây dựng các bước trong tiến trình cho phù hợp với hình thức và phương pháp đã lựa chọn.  **Dự kiến sản phẩm học tập của học sinh và cách đánh giá** |

Ví dụ:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Mô tả hoạt động** | **Đánh giá** |
| ***Hoạt động 1*** Sách - kho tàng vô giá (30 phút) | ***1. Mục tiêu hoạt động*:**   * GTHTTHCS4 * GQVĐTHCS1   - HĐTN6 1.1.2  - HĐTN6 1.1.1  ***2. Cách thức hoạt động:*** | Phiếu đánh giá số 1, 2, 3 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | * Các nhóm trình bày hoặc biểu diễn sản phẩm sáng tạo về tác phẩm yêu thích của nhóm (gợi ý: thiết kế tranh, diễn tiểu phẩm, biểu diễn hát, múa …) * Yêu cầu:   + Thời lượng: 10 phút  + Nội dung: thể hiện được nội dung sách, gây hứng thú, chú ý và lan toả niềm vui đọc sách  + Hình thức: sáng tạo, hấp dẫn, lôi cuốn   * HS đánh giá bằng cách giơ các phiếu màu * GVCN nhận xét, đánh giá |  |

## Đánh giá việc lựa chọn, sử dụng hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo chủ đề

Có thể đánh giá HĐGD phát triển PC, NL HS dựa trên tiêu chí tương tự đánh giá bài học được đề cập trong công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lí các HĐ chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng. Các tiêu chí này được dùng đề đánh giá bài học khi triển khai sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học, từ khâu xây dựng kế hoạch và tài liệu, thực hiện - dự giờ, đến khâu cuối là đánh giá sau dự giờ và cải tiến HĐ.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Tiêu chí** |
|  | Mức độ **phù hợp** của **chuỗi HĐ học** với *mục tiêu, nội dung và hình thức* |
| **1. Kế hoạch và tài liệu tổ chức hoạt** | *và phương pháp* được sử dụng. |
| Mức độ **rõ ràng** của *mục tiêu, nội dung, kĩ thuật tổ chức và sản phẩm cần đạt* được của mỗi **nhiệm vụ học tập**. |
| Mức độ phù hợp của **thiết bị tổ chức HĐGD và học liệu** được sử dụng |
| **động giáo** | để tổ chức các hoạt động học của HS. |
| **dục** |  |
| Mức độ hợp lý của **phương án kiểm tra, đánh giá** trong quá trình tổ |
|  | chức HĐ học của HS. |
|  | Mức độ **sinh động, hấp dẫn** HS của phương pháp và hình thức *chuyển* |
|  | *giao nhiệm vụ* học tập. |
| **2. Tổ chức hoạt động học cho** | Khả năng **theo dõi, quan sát, phát hiện** kịp thời những khó khăn của HS. |
| Mức độ phù hợp, hiệu quả của các **biện pháp hỗ trợ và khuyến khích** |
| **học sinh** | HS hợp tác, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập. |
|  | Mức độ hiệu quả hoạt động của GV trong việc **tổng hợp, phân tích,** |
|  | **đánh giá** kết quả hoạt động và quá trình thảo luận của HS. |

|  |  |
| --- | --- |
| **3. Hoạt động của học sinh** | Khả năng **tiếp nhận và sẵn sàng** *thực hiện nhiệm vụ* học tập của tất cả HS trong lớp. |
| Mức độ **tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác** của HS trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập. |
| Mức độ *tham gia tích cực* của HS trong **trình bày, trao đổi, thảo luận**  về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. |
| Mức độ *đúng đắn, chính xác, phù hợp* của các **kết quả thực hiện** nhiệm vụ học tập của HS. |

Theo đó, *đánh giá việc lựa chọn, sử dụng hình thức, phương pháp được trình bày trong một kế hoạch GD cụ thể* cần tập trung vào 4 tiêu chí trong nội dung 1.

## Tiêu chí 1: Mức độ phù hợp của chuỗi HĐ học với mục tiêu, nội dung và phương pháp tổ chức HĐGD được sử dụng

Chuỗi hoạt động học của HS bao gồm nhiều hoạt động học cụ thể được xây dựng một cách tuần tự nhằm đạt được mục tiêu HĐGD đã được xác định trong kế hoạch GD, bao gồm cả mục tiêu về NL đặc thù cũng như PC chủ yếu và NL chung. Thông thường, HĐ học được thiết kế dựa trên nền tảng về phương pháp tổ chức HĐGD và cần đảm bảo các đặc trưng của phương pháp đó. Điều quan trọng là các phương pháp phải có sự đáp ứng tốt đối với mục tiêu GD và nội dung của chủ đề.

Để đánh giá sự lựa chọn các hình thức và phương pháp tổ chức HĐGD trong chuỗi HĐ học, có thể đặt ra một số câu hỏi để xem xét sự phù hợp của hình thức và phương pháp trong chuỗi HĐ học như sau:

|  |
| --- |
| * Mục tiêu GD của chủ đề có được mô tả rõ ràng không? * Các HĐ học có mục tiêu cụ thể không? Các mục tiêu của HĐ học có phải là thành phần của các mục tiêu của chủ đề không? * Các HĐ học đáp ứng nội dung GD không? * Các hình thức và phương pháp có được lựa chọn phù hợp với nội dung GD và mục tiêu của từng HĐ học và mục tiêu GD của chủ đề không? |

## Tiêu chí 2: Mức độ rõ ràng của mục tiêu, nội dung, kĩ thuật tổ chức và sản phẩm cần đạt được của mỗi nhiệm vụ học tập

Tiêu chí này nhấn mạnh về việc vận dụng các phương pháp tổ chức HĐGD, là những phương thức để tổ chức hiệu quả mỗi HĐ học, trong đó HS thực hiện các nhiệm vụ học tập cụ thể. Cần lưu ý mỗi HĐ học cần có mục tiêu giáo dục cụ thể, rõ ràng. Thông qua các phương pháp GV áp dụng, HS chủ động, tích cực tham gia HĐ để hoàn thành sản phẩm học tập, là minh chứng về kết quả của NL và PC HS. Các sản phẩm học tập này có thể là câu hỏi, bài kiểm tra, nhật kí học tập, phiếu học tập, câu hỏi trao đổi, bảng kết quả thảo luận

nhóm… Sản phẩm học tập được lựa chọn trên cơ sở đáp ứng đúng mục tiêu giáo dục kết hợp chặt chẽ với nội dung, hình thức và phương pháp tổ chức HĐGD.

Có thể đặt ra một số câu hỏi để xác định sự phù hợp của hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN, HN cho mỗi HĐ học như sau:

|  |
| --- |
| * Mục tiêu HĐ học có được mô tả rõ ràng không? * Yêu cầu về sản phẩm học tập có được mô tả rõ ràng và phù hợp với mục tiêu của HĐ học không? * Phương thức hoàn thành sản sản phẩm trong nhiệm vụ học tập có được mô tả rõ ràng, phù hợp và hiệu quả đối với sản phẩm học tập không? * Phương thức hoàn thành sản sản phẩm trong nhiệm vụ học tập có được mô tả rõ ràng, phù hợp và hiệu quả và phù hợp với các đối tượng HS không? |

## Tiêu chí 3: Mức độ phù hợp của thiết bị tổ chức HĐTN, HN và học liệu được sử dụng để tổ chức các HĐ học của HS

Tiêu chí này nhấn mạnh việc lựa chọn và sử dụng các phương tiện, thiết bị tổ chức HĐTN, HN và học liệu trong HĐ học. Cần áp dụng các phương pháp tích cực để HS sử dụng phương tiện, học liệu một cách hiệu quả để hoàn thành sản phẩm học tập.

Có thể đặt ra một số câu hỏi sau để xem xét sự phù hợp của thiết bị tổ chức HĐTN, HN phù hợp với hình thức và phương pháp tổ chức đã lựa chọn như sau:

|  |
| --- |
| * Thiết bị tổ chức HĐTN, HN và học liệu thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập không? * Thiết bị tổ chức HĐTN, HN và học liệu thể hiện được sự phù hợp với cách thức HS HĐ không? * Việc sử dụng thiết bị tổ chức HĐTN, HN và học liệu có được mô tả cụ thể, rõ ràng và phù hợp với phương pháp tích cực được sử dụng không? |

## Tiêu chí 4: Mức độ hợp lí của phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình tổ chức HĐ học của HS

Tiêu chí này nhấn mạnh về phương án kiểm tra đánh giá trong mỗi HĐ học của tiến trình tổ chức HĐTN. Các công cụ đánh giá cần phù hợp với hình thức và phương pháp đã lựa chọn, không chỉ là các công cụ đánh giá sản phẩm học tập ở cuối HĐ học, mà còn các tiêu chí đánh giá sự tham gia HĐ của HS, bao gồm cả đánh giá về mức độ đạt được về phẩm chất và năng lực đã đặt ra trong mục tiêu.

Có thể đặt ra một số câu hỏi để xác định sự phù hợp của phương án kiểm tra đánh giá như sau:

|  |
| --- |
| * Phương thức đánh giá sản phẩm học tập có được mô tả không? * Phương án kiểm tra đánh giá HĐ học tập và sản phẩm học tập có được mô tả rõ, bao gồm các tiêu chí cần đạt không? * Phương án kiểm tra đánh giá sản phẩm học tập trung gian có được mô tả rõ không? * Phương án kiểm tra đánh giá có phù hợp với sản phẩm học tập thông qua các HĐ học có vận dụng hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN, TN đã lựa chọn không? |

Ngoài việc đánh giá việc lựa chọn, sử dụng hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN, TN thể hiện trong kế hoạch GD, GV cũng cần lưu ý đánh giá việc lựa chọn, sử dụng hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN, HN thể hiện trong quá trình *tổ chức HĐTN, TN trong thực tiễn*. GV có thể vận dụng tương tự 8 tiêu chí còn lại trong bảng tiêu chí được giới thiệu trong công văn 5555/BGDĐT-GDTrH, trong đó nhấn mạnh sự tích cực, chủ động sáng tạo và hiệu quả của HS, việc sử dụng phù hợp các hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN, HN chuyển giao nhiệm vụ, theo dõi, hỗ trợ, đánh giá HS phù hợp. Có thể sử dụng một số câu hỏi cần đặt ra khi đánh giá về tính hiệu quả của việc sử dụng hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN, HN trong HĐ học như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| * Có phải tất cả HS đều tiếp nhận đầy đủ và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập? * HS có tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập? * HS có tích cực trình bày, trao đổi, thảo luận * Kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS có chính xác và phù hợp? | * Phương pháp và hình thức chuyển giao nhiệm vụ học tập có hấp dẫn không? * GV có theo dõi, quan sát, phát hiện kịp thời những khó khăn của HS? * GV có phương án hỗ trợ và khuyến khích HS trong quá trình HS thực hiện nhiệm vụ không? * GV có tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả HĐ và quá trình thảo luận của HS hiệu   quả không? |

Như vậy, có thể đánh giá việc lựa chọn, sử dụng hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN, TN của một chủ đề cụ thể thông qua 12 tiêu chí của công văn 5555/BGDĐT- GDTrH. Việc đảm bảo đánh giá đầy đủ theo các tiêu chí sẽ giúp GV nhận thức phù hợp trong việc lựa chọn, sử dụng hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN, HN, từ đó có những sự lựa chọn chính xác, sử dụng hiệu quả hơn các hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN, HN nhằm phát triển PC và NL HS.

114

## CÂU HỎI, BÀI TẬP

1. Trình bày các định hướng về lựa chọn, sử dụng hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN, HN. Cho ví dụ minh họa.
2. Phân tích quy trình lựa chọn, sử dụng hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN, HN. Cho ví dụ minh hoạ.
3. Trình bày các tiêu chí đánh giá việc lựa chọn, sử dụng hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN, HN. Cho ví dụ minh hoạ.

## NỘI DUNG 4. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH HỖ TRỢ ĐỒNG NGHIỆP TẠI TRƯỜNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

**MẪU KẾ HOẠCH HỖ TRỢ ĐỒNG NGHIỆP**

**LÀ GIÁO VIÊN HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP ĐẠI TRÀ CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ HỌC TẬP**

**MÔ ĐUN “SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ TRONG HOẠT**

**ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP”**

Họ và tên GV cốt cán: ………………………………............

Chức vụ/ môn học phụ trách: ……………………………….

Cơ sở giáo dục đang công tác:……………………………….

## Mục tiêu

….(….%) (số lượng và %) GV giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp/ tổng số GV thuộc cụm trường được phân công hoàn thành nhiệm vụ phát triển nghề nghiệp thường xuyên năm 2020, mô đun Sử dụng phương pháp dạy học, giáo dục phát triển PC và NL cho HS THCS.

## Hoạt động

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | **Người phối hợp** |
| **TT** | **Hoạt động** | **Kết quả cần đạt** | **Thời gian thực hiện (Từ**  **…/…/2020 đến**  **…/ …/2020)** | *(Giảng viên Sư phạm, Hiệu*  *trưởng, Tổ*  *trưởng chuyên môn…)* |
|  | **Chuẩn bị học tập:**  - Lập danh sách GVPT đại trà được phân công phụ trách. | - Danh sách GVPT đại trà được phân  công phụ trách; | Từ …/…/ 2020 đến …/…/2020 | Hiệu trưởng, Tổ trưởng  chuyên môn |
| **1** | - Hỗ trợ đồng nghiệp hoàn thiện thông tin đăng kí tự học trên hệ thống CNTT. | - Đồng nghiệp hoàn thiện thông tin đăng kí tự học trên Hệ thống CNTT, truy cập học liệu Mô đun  2 trên Hệ thống CNTT thành công. |  |  |
| **2.** | **Triển khai học tập:**  Hỗ trợ đồng nghiệp tự học mô |  |  |  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | đun 2 |  |  |  |
| **2.1.** | ***Hỗ trợ trên hệ thống học tập:*** Thảo luận, góp ý, bài tập, nhắc hoàn thành BT quá trình, cuối khóa, khảo sát, trao đổi với giảng viên sư phạm…  + Hướng dẫn GV đại trà CT tập huấn online, cách khai thác tài  nguyên trên mạng... | GVPT đại trà được phân công phụ trách tham gia các HĐ thảo luận, trao đổi, làm các bài tập liên quan đến nội dung bồi dưỡng. | Từ ngày  …/…/2020 đến ngày  …/…/2020 | Hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn |
|  | + GV tự học online: xem  video, trả lời câu hỏi; làm các bài tập. |  |  |  |
|  | + GV cốt cán theo dõi HĐ học tập online, hỗ trợ đồng nghiệp khi cần thiết. |  |  |  |
|  | ***Hỗ trợ trực tiếp:***  Sinh hoạt chuyên môn/cụm trường*…*nhằm trao đổi, thảo luận, hướng dẫn GV đại trà nhận thức sâu sắc và vận dụng tốt những nội dung của mô đun  2 sau khi học online: | GVPT đại trà được phân công phụ trách tham gia các HĐ thảo luận, trao đổi và có biên bản, báo cáo kết quả với từng nội dung cụ thể. | Từ ngày  …/…/2020 đến ngày  …/…/2020 | Tổ trưởng chuyên môn |
| **2.2.** | + Các xu hướng hiện đại về phương pháp dạy học, giáo dục  phát triển PC, NL HS; |  |  |
|  | + Phương pháp dạy học, giáo dục phát triển PC, NL HS trong  HĐTN, HN |  |  |
|  | + Lựa chọn và sử dụng phương pháp dạy học, giáo dục phát triển PC, NL HS trong HĐTN, HN; |  |  |
| **3** | **Đánh giá kết quả học tập:**  Chấm bài tập cuối khóa.  Xác nhận đồng nghiệp hoàn thành mô đun 2 trên hệ thống LMS. | GVPT đại trà được phân công phụ trách hoàn thành mô đun 2 (Đạt). | Từ …./…./2020 đến  …./…./2020 |  |

*….., ngày ….. tháng….. năm 2020*

|  |  |
| --- | --- |
| **HIỆU TRƯỞNG DUYỆT**  ***(Kí tên, đóng dấu)*** | **NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH**  ***(Kí tên, đóng dấu)*** |

## DANH DÁCH GIÁO VIÊN CỐT CÁN ĐƯỢC HỖ TRỢ TỰ HỌC MÔ ĐUN 2

Họ và tên GV cốt cán: ………………………………

Chức vụ/ môn học phụ trách: ……………………………….

Cơ sở giáo dục đang công tác:……………………………….

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Họ và tên | Năm sinh | Nữ | Dân tộc thiểu số (DTTS) | Công tác tại  vùng  khó khăn | Chức vụ | Môn học phụ trách | Cấp học | Cơ sở giáo dục đang công tác | Quận/ Huyện | Điện thoại | Email | Ghi chú |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| …. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*Ghi chú: Danh sách GV đại trà sẽ được bổ sung, điều chỉnh theo tình hình thực tế địa phương.*

# PHỤ LỤC

## PHỤ LỤC 1: MINH HỌA KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP

*(Trích từ Kế hoạch hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo chủ đề)*

PHÒNG GD&ĐT QUẬN/HUYỆN…

## TRƯỜNG THCS…

**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP**

* **Tên chủ đề: Sách - thế giới diệu kỳ**
* **Mạch nội dung**: Hướng vào bản thân
* **Hình thức hoạt động**: Triển lãm, sân khấu hoá, trò chơi
* **Thời lượng**: 45 phút
* **Đối tượng**: lớp 6

## Người phụ trách:

1. **MỤC TIÊU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phẩm chất**  **Năng lực** | **Yêu cầu cần đạt** | **Mã hoá** |
| **1.1. Phẩm chất chủ yếu** | | |
| Chăm chỉ | Nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ được giao | CCTHCS1.1 |
| Trách nhiệm | Quan tâm và tham gia tích cực các HĐ của nhóm | TNTHCS3.1 |
| **1.2. Năng lực chung** | | |
| Tự chủ | Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ | TCTHCS1.1 |
| Giao tiếp và hợp tác | Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm, thể hiện khả năng hợp  tác với các bạn cùng nhóm | GTHTTHCS4 |
| Chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được phân công, khiêm tốn học hỏi các thành viên trong  nhóm và các nhóm bạn | GTHTTHCS6 |
| Giải quyết vấn đề và  sáng tạo | Lập kế hoạch HĐ với mục tiêu, nội dung và hình thức phù hợp, biết phân công nhiệm vụ phù hợp cho  các thành viên của nhóm | GQVĐTHCS5 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Có các ý tưởng mới, sáng tạo khi xây dựng sản phẩm | GQVĐTHCS1 |
| Biết chú ý lắng nghe, tiếp nhận tích cực; biết đánh  giá đúng sản phẩm và HĐ của các nhóm | GQVĐTHCS6 |
| **1.3. Năng lực đặc thù** | | |
| Năng lực thích ứng cuộc sống | Phát hiện khả năng của bản thân trong quá trình tham gia HĐ (tập trung ở các kĩ năng đọc hiểu, cảm nhận, chia sẻ, phản biện, trình bày bằng lời nói, thiết  kế và thực hiện sản phẩm) | HĐTN6 1.1.2 |
| Nhận ra được những thay đổi của bản thân, những  giá trị mới được hình thành khi tiếp xúc với sách | HĐTN6 1.1.1 |
| Biết cách điều chỉnh bản thân, sắp xếp thời gian và  kế hoạch cá nhân để thực hiện nhiệm vụ | HĐTN6 1.2.2 |
| Lan toả cảm xúc với sách, niềm vui đọc sách và hình  thành thói quen đọc sách | HĐTN6 1.2.2 |

1. **CHUẨN BỊ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung công việc** | **Phân công** | | **Ghi chú** |
| **Phụ trách chính** | **Hỗ trợ** |
| 1 | Xây dựng kế hoạch chung | GVCN | CBL |  |
| 2 | Xây dựng kế hoạch HĐ nhóm, chuyển giao nhiệm vụ đến thành viên | Nhóm trưởng | Thành viên |  |
| 3 | Hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra các HĐ nhóm | GVCN | CBL |  |
| 4 | Chọn sách, đọc sách, trưng bày sách và tranh | Nhóm trưởng | Thành viên |  |
| 5 | Thiết kế và thực hiện sản phẩm | Nhóm trưởng | Thành viên |  |
| 6 | Chuẩn bị trang phục, đạo cụ | Nhóm trưởng | Thành viên |  |
| 7 | Chuẩn bị thiết bị, dụng cụ phục vụ HĐ chung | CBL |  |  |
| 8 | Đánh giá thành viên, đánh giá nhóm | Nhóm trưởng | Thành viên |  |
| 9 | Tổng kết HĐ | GVCN | CBL |  |

1. **TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG**
   1. **Tiến trình**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động**  **(thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **PP/KT/HT tổ chức** | **Phương án đánh giá** |
| ***Hoạt động 1:*** | GTHTTHCS4  GQVĐTHCS1 HĐTN6 1.1.2 | - Bài viết phân tích tác phẩm | Thuyết trình, biểu diễn tiểu phẩm, biểu diễn văn nghệ | Phiếu đánh giá số 1, số 2, số 3 |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Sách - kho tàng vô giá (30 phút) | HĐTN6 1.1.1 | - Kịch bản tiểu phẩm sân khấu hoá |  |  |
| ***Hoạt động 2*** Sách - quà tặng cuộc sống  (15 phút) | GQVĐTHCS6 HĐTN6 1.1.2  HĐTN6 1.2.2 | Lợi ích của việc đọc sách | Trò chơi | Phiếu số đánh giá số 1, số 2, số 3 |

* 1. **Các hoạt động**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Mô tả hoạt động** | **Đánh giá** |
| ***Hoạt động 1*** Sách - kho tàng vô giá (30 phút) | ***1. Mục tiêu hoạt động*:**   * GTHTTHCS4 * GQVĐTHCS1   - HĐTN6 1.1.2  - HĐTN6 1.1.1  ***2. Cách thức hoạt động:***   * Các nhóm giới thiệu một tác phẩm trong số các tác phẩm đã đọc bằng một sản phẩm sáng tạo (gợi ý: thiết kế tranh, diễn tiểu phẩm, biểu diễn bài hát…) * Yêu cầu:   + Thời lượng: 10 phút  + Nội dung: thể hiện được nội dung sách, gây hứng thú, chú ý và lan toả niềm vui đọc sách  + Hình thức: sáng tạo, hấp dẫn, lôi cuốn   * HS đánh giá bằng cách giơ các phiếu màu (màu đỏ: rất yêu thích; màu vàng: yêu thích; màu xanh: tạm được) * GVCN nhận xét, đánh giá | Phiếu đánh giá số 1, 2, 3 |
| ***Hoạt động 2*** Sách - món quà cuộc sống  (15 phút) | ***1. Mục tiêu hoạt động*:**  - GQVĐTHCS6  - HĐTN6 1.1.2  - HĐTN6 1.2.2  ***2. Cách thức hoạt động:***   * Các nhóm liệt kê trên giấy Ao các ý kiến về lợi ích việc đọc sách * Nhóm nào nhanh và có nhiều ý kiến nhận được đồng thuận của cả lớp nhất thắng cuộc * GVCN tổng kết về lợi ích của việc đọc sách | Phiếu đánh giá số 1, 2, 3 |

1. **HỒ SƠ HOẠT ĐỘNG**
   1. **Nội dung**

### Lợi ích của việc đọc sách đối với học sinh

* ***Giúp bổ sung và củng cố kiến thức***

Sách là nguồn tri thức vô tận về mọi lĩnh vực của cuộc sống, là kho tài liệu vô giá được nhân loại tích luỹ và chia sẻ. Đọc sách giúp HS tiếp nhận thêm nhiều kiến thức chưa có hoặc chưa được nhấn mạnh trong CT học, làm giàu thêm vốn hiểu biết và củng cố các kiến thức từ CT GD nhà trường

### Cải thiện sự tập trung, tăng cường khả năng ghi nhớ và tưởng tượng

Quá trình tiếp nhận thông tin từ sách đòi hỏi não bộ tập trung ghi nhận và giải mã các tín hiệu ngôn ngữ. Đó chính là cơ hội quí giá để tập luyện sự tập trung và khả năng ghi nhớ. Thế giới sách cũng chính là thế giới nhiều màu sắc, trí tưởng tượng đa dạng của các tác giả sẽ giúp kích thích trí tưởng tượng của HS.

### Mở rộng vốn từ, tăng cường các kĩ năng ngôn ngữ

Vốn từ và các kĩ năng ngôn ngữ như kĩ năng đọc hiểu, kĩ năng sử dụng từ ngữ, kĩ năng viết… không tự nhiên mà có. Đọc sách là một kênh tiếp nhận, hình thành và rèn luyện các kĩ năng trên một cách hiệu quả thông qua cơ chế cảm thụ tự nhiên và học hỏi có ý thức. Hơn nữa, các tác giả thường có vốn từ và kĩ năng viết đặc sắc chính là hình mẫu lí tưởng cho sự cảm thụ và học hỏi của HS.

### Bồi dưỡng cảm xúc, tình cảm tốt đẹp và thái độ sống tích cực cho học sinh

Mỗi cuốn sách là một người Thầy đối với các bạn trẻ. Thông qua diễn biến và nội dung sách, các thông điệp tích cực, các giá trị đạo đức, nhân văn được chuyển tải đến HS một cách tự nhiên và có ý nghĩa gợi mở. Các tác phẩm xuất sắc, gây ấn tượng mạnh, khiến HS trăn trở về con người và cuộc sống càng có khả năng mang lại nhiều hơn các giá trị tốt đẹp cho chính họ, tạo nền tảng cho quá trình thay đổi nhận thức và hình thành tình cảm tích cực sau đó.

### Là cách thức và phương tiện giải trí lành mạnh

Đọc một cuốn sách hay khiến người đọc cảm thấy hứng thú, say mê và thư giãn. Người đọc được tiếp nhận một nguồn năng lượng mới tích cực. Đó chính là giá trị giải trí lành mạnh mà việc đọc sách mang lại.

### Gợi ý các tác phẩm phù hợp

* Một lít nước mắt (Aya Kito)
* Nhà Giả Kim (Paulo Coelho)
* Toto Chan bên cửa sổ (Tetsuko Kuroyanagi)
* Ngồi khóc trên cây (Nguyễn Nhật Ánh)
* Xách ba lô và đi (Huyền Chip)
* Không gia đình (Hector Malot)
* Tôi tài giỏi, bạn cũng thế (Adam Khoo)
* Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ (Nguyễn Nhật Ánh)
* Tôi đi học (Nguyễn Ngọc Ký)

## Hồ sơ khác

### Phiếu đánh giá thành viên

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ THÀNH VIÊN (phiếu số 1)**

*Nhóm: ……*

*Tên thành viên: ……*

*Quy ước đánh giá: chưa đạt (0-4.5đ), trung bình (5-6.5đ), khá (7-8đ), tốt (8.5-10đ)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Yêu cầu cần đạt** | **Cá nhân đánh giá** | **Nhóm đánh giá** |
| **1** | Nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ được giao |  |  |
| **2** | Quan tâm và tham gia tích cực các HĐ của nhóm |  |  |
| **3** | Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ |  |  |
| **4** | Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm, thể hiện khả năng hợp tác với các bạn cùng nhóm |  |  |
| **5** | Chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được phân công, khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm và các nhóm bạn |  |  |
| **6** | Lập kế hoạch HĐ với mục tiêu, nội dung và hình thức phù hợp, biết phân công nhiệm vụ phù hợp cho các thành viên của nhóm |  |  |
| **7** | Có các ý tưởng mới, sáng tạo khi xây dựng câu đố và biểu diễn tiểu phẩm |  |  |
| **8** | Biết chú ý lắng nghe, tiếp nhận tích cực; biết đánh giá đúng sản phẩm và HĐ của các nhóm |  |  |
| **9** | Phát hiện khả năng của bản thân trong quá trình tham gia HĐ (tập trung ở các kĩ năng đọc hiểu, cảm nhận, phân tích nhân vật, chia sẻ, phản biện, trình bày bằng lời nói, xây dựng kịch bản, trình diễn sân khấu hoá) |  |  |
| **10** | Nhận ra được những thay đổi của bản thân, những giá trị mới được hình thành khi tiếp xúc với sách |  |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **11** | Biết cách điều chỉnh bản thân, sắp xếp thời gian và kế hoạch cá nhân để thực hiện nhiệm vụ |  |  |
| **12** | Lan toả cảm xúc với sách, niềm vui đọc sách và hình thành thói quen đọc sách |  |  |

### Phiếu đánh giá nhóm

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NHÓM (phiếu số 2)**

*Nhóm đánh giá:*

*Nhóm được đánh giá:*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | | **ĐÁNH GIÁ** | | | |
| **Chưa đạt (0-4,5đ)** | **TB (5-6.5đ)** | **Khá (7-8đ)** | **Tốt**  **(8.5- 10đ)** |
| **Xác định và thực hiện nhiệm vụ trước buổi hoạt động** | Nắm vững kế hoạch chung và xác định nhiệm vụ rõ ràng |  |  |  |  |
| Phân công nhiệm vụ cho thành viên phù hợp |  |  |  |  |
| Thực hiện nhiệm vụ đúng tiến độ |  |  |  |  |
| Thực hiện nhiệm vụ đúng yêu cầu đặt ra |  |  |  |  |
| Thực hiện nhiệm vụ sáng tạo |  |  |  |  |
| Các thành viên của nhóm hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau |  |  |  |  |
| Hợp tác và hỗ trợ các nhóm khác |  |  |  |  |
| Giải quyết được các vấn đề gây trở ngại trong quá trình thực  hiện nhiệm vụ |  |  |  |  |
| **Tham gia buổi hoạt động** | Có mặt đúng giờ, nghiêm túc và đầy đủ thành viên |  |  |  |  |
| Có thái độ tích cực, đáp ứng các yêu cầu của buổi HĐ |  |  |  |  |
| Sản phẩm HĐ 1 |  |  |  |  |
| Sản phẩm HĐ 2 |  |  |  |  |
| Sản phẩm HĐ 3 |  |  |  |  |
| Các thành viên của nhóm hợp tác và hỗ trợ nhau trong suốt  thời gian HĐ |  |  |  |  |
| Hợp tác và hỗ trợ các nhóm khác |  |  |  |  |
| Giao tiếp, ứng xử phù hợp |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tham gia  HĐ |  |  |  |  |
| **TỔNG** | | | | | |
| Người đánh giá:  Xác nhận của nhóm được đánh giá: | | | | | |

### Phiếu đánh giá hoạt động nhóm của GVCN

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NHÓM CỦA GVCN (phiếu số 3)**

*Nhóm được đánh giá:*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | | **ĐÁNH GIÁ** | | | |
| **Chưa đạt (0-4,5đ)** | **TB (5-6.5đ)** | **Khá (7-8đ)** | **Tốt**  **(8.5- 10đ)** |
| **Xác định và thực hiện nhiệm vụ trước buổi hoạt động** | Nắm vững kế hoạch chung và xác định nhiệm vụ rõ ràng |  |  |  |  |
| Phân công nhiệm vụ cho thành viên phù hợp |  |  |  |  |
| Thực hiện nhiệm vụ đúng tiến độ |  |  |  |  |
| Thực hiện nhiệm vụ đúng yêu cầu đặt ra |  |  |  |  |
| Thực hiện nhiệm vụ sáng tạo |  |  |  |  |
| Các thành viên của nhóm hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau |  |  |  |  |
| Hợp tác và hỗ trợ các nhóm khác |  |  |  |  |
| Giải quyết được các vấn đề gây trở ngại trong quá trình thực  hiện nhiệm vụ |  |  |  |  |
| **Tham gia buổi hoạt động** | Có mặt đúng giờ, nghiêm túc và đầy đủ thành viên |  |  |  |  |
| Có thái độ tích cực, đáp ứng các yêu cầu của buổi HĐ |  |  |  |  |
| Sản phẩm HĐ 1 |  |  |  |  |
| Sản phẩm HĐ 2 |  |  |  |  |
| Sản phẩm HĐ 3 |  |  |  |  |
| Các thành viên của nhóm hợp tác và hỗ trợ nhau trong suốt  thời gian HĐ |  |  |  |  |
| Hợp tác và hỗ trợ các nhóm khác |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Giao tiếp, ứng xử phù hợp |  |  |  |  |
| Giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tham gia  HĐ |  |  |  |  |
| **TỔNG** | | | | | |
| Người đánh giá:  Xác nhận của nhóm được đánh giá: | | | | | |

## PHỤ LỤC 2. KHUNG KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP THEO CHỦ ĐỀ

**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP**

- **Chủ đề: ……………………………………….**

- **Mạch nội dung**: ………………………………

- **Hình thức HĐ**: ……………………………….

* **Thời lượng**:…. phút

- **Đối tượng**: lớp ……………………………….

* **Người phụ trách**: ……………………………

## MỤC TIÊU

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phẩm chất**  **Năng lực** | **Yêu cầu cần đạt** | **Mã hoá** |
| **1.1. Phẩm chất chủ yếu** | | |
|  |  | TNTHCS3.1 |
| **1.2. Năng lực chung** | | |
|  |  |  |
| **1.3. Năng lực đặc thù** | | |
|  |  |  |

1. **CHUẨN BỊ**

*- Thời gian*:

* *Địa điểm*:

### Phân công cụ thể:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung công việc** | **Phân công** | | **Ghi chú** |
| **Phụ trách chính** | **Hỗ trợ** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |

1. **TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG**
   1. **Tiến trình**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động (thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Phương pháp/kĩ thuật/ hình thức**  **tổ chức** | **Phương án đánh**  **giá** |
| ***Hoạt động 1:***  ….. (... phút) | TNTHCS3.1 |  |  |  |
| ***Hoạt động 2:***  ….. (... phút) | GTHTTHCS4 |  |  |  |
| ***Hoạt động 3:***  ….. (... phút) | GQVĐTHCS6 |  |  |  |

* 1. **Các hoạt động**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Mô tả hoạt động** | **Đánh giá** |
|  | ***1. Mục tiêu Hoạt động*:** |  |
| ***Hoạt động 1:***  ….. (... phút) | - TNTHCS3.1  - …..  ***2. Cách thức Hoạt động:***  - |
|  | - |
|  | ***1. Mục tiêu Hoạt động*:** |  |
| ***Hoạt động 2***  ….. (... phút) | - GTHTTHCS4  -  ***2. Cách thức Hoạt động:***  - |
|  | - |
|  | ***1. Mục tiêu Hoạt động*:** |  |
| ***Hoạt động 3***  ….. (... phút) | - GQVĐTHCS6  -  ***2. Cách thức Hoạt động:***  - |
|  | - |
| **Tổng kết** | - |  |
| (.… phút) | - |

1. **HỒ SƠ HOẠT ĐỘNG**
   1. **Nội dung**

***1.***

*1.1.*

### 2.

*2.1.*

## Hồ sơ khác

*(ví dụ: phiếu đánh giá thành viên, phiếu đánh giá nhóm, phiếu đánh giá HĐ nhóm của GV chủ nhiệm…)*

# ĐÁNH GIÁ KHÓA HỌC

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hình thức** | **Nội dung** | **Đánh giá** |
| Trắc nghiệm | - Các bài trắc nghiệm trong các HĐ trực tuyến. | Đạt |
| Tự luận | * Thực hành phân tích kế hoạch GD minh họa; * Xây dựng kế hoạch GD cho một chủ đề cụ thể; * Xây dựng kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp. | Đạt |
| Khảo sát | - Hoàn thành khảo sát trực tuyến sau khóa học. | Có thực hiện |

# DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2014). *Công văn 5555/BGDĐT-GDTrH về hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lí các hoạt động chuyên môn của trường trung học.*

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 ban hành CT GDPT - Chương trình tổng thể và Chương trình các môn học, hoạt động giáo dục.*

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình hoạt động trải nghiệm và trải nghiệm, hướng nghiệp.*

Đào Thị Oanh. (2007). *Vấn đề nhân cách trong tâm lí học ngày nay*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb Giáo dục.

Đinh Thị Kim Thoa. (2019). *Tìm hiểu Chương trình hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*. Tài liệu tập huấn GVPTCC.

Huỳnh Văn Sơn., Nguyễn Kim Hồng., & Nguyễn Thị Diễm My. (2017). *Phương pháp dạy học phát triển năng lực học sinh phổ thông.* Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

Huỳnh Văn Sơn., Lê Thị Hân., Trần Thị Thu Mai., & Nguyễn Thị Uyên Thy. (2018). *Giáo trình Tâm lý học đại cương*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

Kolb, D. (1984). *Experiential Learning: experience as the source of learning and development*. Englewood Cliffs, NJ: Prentice Hall.

Nguyễn Văn Cường., & Bernd Meier. (2010). *Một số vấn đề chung về đổi mới phương pháp dạy học ở trường trung học*. Dự án phát triển giáo dục trung học phổ thông (Loan no1979-VIE).

Nguyễn Thị Liên., Nguyễn Thị Hằng., Tưởng Duy Hải., & Đào Thị Ngọc Minh. (2016). *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông*. Hà Nội: Nxb Giáo dục Việt Nam.

Nguyễn Đắc Thanh., & cộng sự. (2019), *Tổ chức hoạt động giáo dục ở trường phổ thông*.

Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

Trần Thị Hương. (2012). *Dạy học tích cực*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb Đại học Sư phạm

Thành phố Hồ Chí Minh.

Trần Thị Hương., & cộng sự. (2014). *Giáo trình Giáo dục học phổ thông*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

Trần Thị Hương., & cộng sự. (2017). *Giáo trình Giáo dục học đại cương*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

Vũ Xuân Hùng. (2012). *Dạy học hiện đại và nâng cao năng lực dạy học cho giáo viên.* Hà Nội: Nxb Lao động Xã hội.